NGUYỄN VĂN TRUNG

CHỮ VĂN QUỐC NGỮ

THỜI KỲ ĐẦU PHÁP THUỘC



Nguyễn-văn-Trung

CHỮ, VĂN QUỐC NGỮ

thời kỳ đầu Pháp thuộc

NAM SƠN XUẤT BẢN
36, Nguyễn an Ninh — Saigon
(Cửa Tây chợ Bến-thành)
Đ. T : 21.026

Ở đây, chúng tôi không nói tới thời kỳ đầu chữ quốc ngữ trước khi người Pháp can thiệp và xâm chiếm Việt-Nam, mà chỉ muốn nói tới thời kỳ đầu chữ quốc ngữ lúc người Pháp đã đặt guồng máy cai trị của họ tại Nam Kỳ kể từ khi chữ quốc ngữ vượt khỏi cánh cửa Nhà Chung, họ đạo sang lãnh vực hành chánh, học chánh, văn hóa . . .

Từ trước tới nay, nói về thời kỳ ban đầu này, các nhà biên khảo lịch sử, văn học thường đưa ra một số luận điệu quen thuộc như :

1. *Những Pétrus Ký, Paulus Của, Nguyễn Văn Vĩnh, Phạm Quỳnh là những người* tiền phong *của nền văn học quốc ngữ thuở ban đầu.*

2. *Nhờ những nhà văn tiền phong trên mà chữ quốc ngữ đã đắc thắng chữ Nho, chữ Nôm, đồng thời đưa chữ quốc ngữ từ lãnh vực thuần túy tôn giáo sang lãnh vực xã hội, văn học.*

3. *Những người trên cũng đã* chủ trương *những tờ báo viết bằng chữ quốc ngữ đầu tiên hoặc đã đề xướng việc dịch những tác phẩm cổ văn (hán, nôm) ra quốc ngữ.*

4. *Do đó, những nhà văn trên được coi như những người có công rất lớn với nền văn học chữ quốc ngữ lúc ban đầu : họ được suy tụng như những ông tổ văn học cận đại, những nhà cách mạng vĩ đại ...*

5. Nhận định về sự ngưng đọng nghèo nàn Văn chữ quốc ngữ ở Nam kỳ sau Pétrus Ký, nguyên nhân được nêu lên là vì những nhà văn như Pétrus Ký quá tiến bộ đi trước thời đại, nên dân chúng không theo kịp nhất là dân chúng đất Nam kỳ là đất mới, không thuận tiện cho việc phát huy văn chương.

6. Coi chữ quốc ngữ như một thứ chữ không những giải thoát cho văn chương mà cả cho văn hóa, xã hội vì nhờ chữ quốc ngữ mà xứ sở có điều kiện bước vào văn minh, hiện đại hóa bằng cách âu hóa. Trên cơ sở quan trọng hóa một cách tuyệt đối vai trò chữ quốc ngữ, một ý tưởng được đề ra : coi tương lai dân tộc hay dở hoàn toàn tùy thuộc vào chữ quốc ngữ. Câu nói của Nguyễn Văn Vĩnh « Nước Nam ta mai sau hay dở tùy như ở chữ quốc ngữ » được kể như một câu nói tiên tri, bất hủ, được nhắc đi nhắc lại, bó buộc phải nhắc tới mỗi khi nói tới chữ quốc ngữ.

Trong bài biên khảo dưới đây, chúng tôi muốn nhắc lại xem những luận điệu quen thuộc trên có đúng với sự thực lịch sử hay không và ý kiến coi tương lai dân tộc tùy thuộc vào chữ quốc ngữ có phải là một lời nói tiên tri bất hủ không ?

Để đánh đổ những luận điệu trên, chúng tôi không dùng lý luận suông vì chúng tôi coi việc tìm hiểu này như một công tác nghiên cứu lịch-sử văn học, nghĩa là một

công tác khoa học mà lý luận phải dựa vào sự kiện tài liệu lịch sử xác thực, có thể kiểm chứng được !

Vậy phải đặt việc tìm hiểu chữ quốc ngữ vào hoàn cảnh lịch sử của nó nghĩa là lúc người Pháp mới thiết lập guồng máy cai trị của họ ở Nam kỳ. Sự kiện chữ quốc ngữ, văn quốc ngữ xuất hiện sớm nhất và trước hết ở Nam kỳ vào đúng thời kỳ đầu người Pháp mới thiết lập chế độ thuộc địa ở Nam kỳ gợi cho chúng tôi một ý tưởng : có liên hệ giữa sự xuất hiện chữ quốc ngữ, văn quốc ngữ với chính sách cai trị của thực dân Pháp. Ý tưởng này tạm coi như một giả thuyết.

Nếu giả thuyết đúng thực, nghĩa là có một chính sách lợi dụng chữ quốc ngữ của thực dân Pháp cho những mục tiêu chính trị, chính sách đó chắc chắn đã được ghi lại trong các thông tư, nghị định, quyết định của các nhà cầm quyền thời đó, còn vì những lý do nào, nhằm những mục tiêu gì, dĩ nhiên thực dân không thể ghi trong các nghị định thông tư nhưng trong các báo cáo chính trị mật... Nếu có, những hồ sơ hành chánh trên phải tìm ở đâu ? Ở các công báo thời đó, ở các văn khố Đông dương, Bộ thuộc địa bên Pháp...

Theo những chỉ dẫn giả thuyết trên, chúng tôi đã đi tìm và đã tìm thấy hầu hết những nghị định, thông tư, quyết định về việc cưỡng-bách dùng chữ quốc ngữ trong giấy tờ hành chánh, học chánh, trong các tập san chính thức về hành chánh của Nam kỳ, Bắc kỳ, Trung kỳ hồi

đó ... chúng tôi cũng tìm thấy một vài báo cáo chính trị, có những đoạn liên quan đến chữ quốc ngữ của Thống đốc Nam kỳ, của Thống sứ gởi Toàn quyền, hoặc của Toàn quyền gởi Tổng trưởng thuộc địa ở văn khố, Bộ thuộc địa cũ bên Paris. Những tài liệu đó cho chúng ta thấy nhà cầm quyền thực dân thời đó đã quan niệm thế nào về chữ quốc ngữ, đã muốn cưỡng bách dùng chữ quốc ngữ trong giấy tờ hành chánh và trong nhà trường nhằm những mục tiêu chính trị nào. Đó là những sự thực lịch sử mà mọi độc giả đều có thể kiểm chứng khi đọc những tài liệu mà chúng tôi trích dịch nguyên văn ...

Căn cứ vào chính sách lợi dụng chữ quốc ngữ trên của thực dân, độc giả sẽ thấy tất cả những luận điệu quen thuộc kể trên là không đúng sự thực và do đó phải nhìn những vấn đề nêu lên trong những luận điệu đó theo một viễn tượng khác hẳn. Chẳng hạn những Pétrus Ký, Paulus Của không phải là những người tiền phong, chủ động, đề xướng gì cả, mà chỉ là những tay sai viên chức ăn lương của thực dân để thực hiện một chính sách do thực dân chủ động đề xướng; hoặc những chống đối của trí thức đương thời gồm các nhà nho, sĩ phu chống đối Pháp và cả những thân hào nhân sĩ theo Pháp đã giải thích tại sao văn học chữ quốc ngữ nghèo nàn, ngưng đọng ở Nam-kỳ thời Pétrus Ký ... Và sau cùng những câu nói được coi là bất hủ của Nguyễn Văn Vĩnh, Phạm Quỳnh trình bày một thứ chủ nghĩa quốc gia bằng ngôn ngữ văn tự, một đường lối yêu nước, cứu nước, xây dựng tương lai dân tộc bằng cách bảo vệ tiếng nói, phát huy chữ viết (chữ quốc ngữ)

lừa bịp ở chỗ nào và tại sao những người như Phạm Quỳnh, Nguyễn Văn Vĩnh lại có một chủ trương như trên...

Chúng tôi mong rằng những tìm kiếm, suy luận sau đây sẽ góp một phần vào việc duyệt xét những thiên kiến sai lầm được coi như những chân-lý hiển nhiên, giáo điều giảng dạy trong các lớp Việt văn nhằm phục hồi sự thực lịch sử, đồng thời làm sáng tỏ yêu cầu cấp bách cần phải nhìn lại toàn bộ lịch sử văn học đặc biệt thời cận đại, hiện đại theo một quan-điểm dân tộc.

SAIGON, Mùa hè 1974.

I

Chữ Quốc Ngữ

I. CHỮ QUỐC NGỮ

Như ai nấy đều biết, chữ quốc ngữ do một số các nhà truyền giáo đạo Thiên-chúa người Âu châu sáng lập ra. Một cách tổng quát có thể nói những tầng lớp thị dân và trí thức đương thời (nho sĩ) không sẵn sàng đón nhận Thiên Chúa giáo, cho nên việc truyền đạo hầu hết đều hướng về những tầng lớp nghèo khổ, cùng đinh ở nông thôn. Nhưng vì giới bình dân này không biết chữ Nho, chữ Nôm, nên các Giáo sĩ bó buộc phải tìm ra một thứ chữ để ghi lại và truyền bá những điều đã giảng dạy họ. Đó là một đòi hỏi đặt ra ở Việt-nam cũng như ở Trung-quốc, Nhật-bản, nhưng hình như chỉ ở Việt Nam việc ghi âm tiếng Việt thành chữ viết theo chữ cái La-tinh là thành công khi chữ viết đó sau này được thông dụng và trở thành chữ quốc ngữ.

Tuy nhiên trong hơn hai thế kỷ đầu, chữ viết ghi theo chữ cái La tinh chỉ dùng để in sách bảo đạo, và thu hẹp trong giới theo đạo Thiên-chúa mà thôi. Cho đến khi tìm được những tài liệu phơi bày những chủ đích nào khác của việc sáng chế nếu có, tạm thời, có thể nêu giả thuyết các nhà truyền giáo Âu-châu chỉ có mục đích truyền đạo khi sáng chế ra chữ « quốc-ngữ » (1) và do đó thứ chữ « chỉ

(1) Gọi là « quốc ngữ » trong thời kỳ này không đúng vì chỉ bây giờ chúng ta mới nhận. Cho đến nay chúng tôi chưa tìm ra ai đã đặt tên cho thứ chữ gh âm theo mẫu tự La tinh là « quốc ngữ ». Trong thư của Puginier 1887 đã gọi là « quốc ngữ », trong nghị định của Tây thời kỳ đầu cũng gọi là quốc ngữ, hoặc tiếng An-nam ghi âm bằng chữ La-tinh, chữ Pháp, chữ Âu-châu (xem các tài liệu trình bày sau)

được một thiểu số sử dụng vào mục đích tôn giáo » chưa có ý nghĩa chính trị hay văn hóa nào cả.

Một vài tài liệu sơ khởi mà chúng tôi sưu tầm được chứng minh chữ « quốc ngữ » bắt đầu bị chính trị lợi dụng sau khi thực dân xâm chiếm Nam bộ và thiết lập guồng máy cai trị. Những tài liệu hiện có chưa cho biết việc lợi dụng chữ quốc ngữ vào những mục đích chính trị phục vụ thực dân là do sáng kiến của các quan cai trị, học giả hay những người này thực hiện việc lợi dụng theo những khuyến cáo của các ông cố đạo.

Ở đây, cần để ý một điều là trước khi người Pháp xâm chiếm nước ta, các nhà truyền giáo thuộc nhiều quốc tịch Âu châu đã theo đường lối tôn trọng thích nghi văn hóa, phong tục những nước bị truyền giáo (nhất là các nhà truyền giáo thuộc dòng Tên). Chính trong tinh thần đó mà họ tìm cách sáng chế ra chữ « quốc ngữ ». Đến thời kỳ Pháp xâm lược, các nhà truyền giáo thuộc dòng Tên, phải nhường chỗ cho hội thừa sai Paris, và những người này đều là người Pháp, theo một đường lối truyền giáo cứng rắn chủ trương xóa bỏ, tiêu diệt tất cả những gì là phong tục, văn hóa, tư tưởng của các nước bị truyền giáo không hợp với giáo lý Thiên chúa. Hơn nữa, họ còn đồng hóa quyền lợi nước Pháp với quyền lợi của đạo, coi sứ mệnh của họ vừa phục vụ đạo, vừa phục vụ Tổ-quốc và phục vụ quyền lợi của đạo bằng cách phục vụ quyền lợi Tổ-quốc của nước Pháp, nên họ đã tích cực góp phần vào việc thiết lập chế độ thực dân (xâm

chiếm, chinh phục) và vào việc duy trì củng cố chế độ đó. Những Linh-mục, Giám-mục thừa sai đua nhau viết những báo cáo, dự án, kế hoạch chinh phục, bình định, gởi về Pháp.

Theo Lanessan, Toàn quyền Đông dương, chính những thừa sai đã đề ra những đường lối về chính trị, văn hóa, mà các quan cai trị Pháp đã tuân theo và áp dụng.. Chẳng hạn chính sách trực trị và đồng hóa : «...Tuy nhiên quả thật chính sách của thừa sai là chính sách vẫn được áp dụng từ trước đến nay. Chính đường lối đó chỉ đạo một cách trực tiếp hay gián tiếp việc ông Harmand hay Patenôtre ký các hòa ước và những dự định của Paul Bert mà tôi đã nói ở trên » (*L'Indochine Française. Alcan Paris 1889, trang 716)* Về mục đích việc sử dụng chữ quốc ngữ vào mục tiêu chính trị có lợi cho thực dân, Lanessan cũng ghi nhận là do các thừa sai khuyến cáo khi ông bàn về vai trò của các hội truyền giáo trong chế độ bảo hộ (*Les missions et le Protectorat*).

Thực dân Pháp đã chú ý lợi dụng chữ quốc ngữ rất sớm ngay từ thời kỳ đầu chế độ thuộc địa ở Nam kỳ. Từ khuyến cáo học chữ quốc ngữ, đến bắt buộc dạy chữ quốc ngữ trong các trường học, bắt buộc dùng chữ quốc ngữ trong guồng máy hành chánh, từ việc cho ra tờ báo bằng quốc ngữ đầu tiên (Gia Định báo) như một thứ công báo, đến việc chủ trương xuất bản những tạp chí văn hóa, văn học nhằm mục đích bồi bổ quốc văn như Đông dương tạp chí, Nam Phong tạp chí, Thực dân Pháp

quả thật đã lo lắng tha thiết rất sớm cho chữ quốc ngữ trong cả bốn địa hạt : học chánh, hành chánh, báo chí, văn học.

Nhưng dĩ nhiên khi người Pháp bắt các công chức người Việt phải học quốc ngữ, nếu không, không được thăng ngạch trật, hoặc khi họ tổ-chức những hội nghị khoa học, bàn về cải cách chữ quốc ngữ, hay ra lệnh điều tra về lối viết của Nam Phong xem người đọc trình độ học thức trung bình có hiểu văn quốc ngữ của Nam Phong không, chắc chắn đã không phải vì yêu quí tiếng Việt, thiết tha với quốc văn và muốn phát huy văn hóa dân tộc nhưng vì những quyền lợi chính trị nhằm duy trì, củng cố, bảo vệ sự thống trị của họ.

Tiếng Việt mà thực dân khinh bỉ không thèm học (rất ít người Pháp thích và chịu học nói tiếng Việt — trừ những người bị bắt buộc nếu muốn làm viên chức như ở Nam kỳ thời kỳ đầu) chỉ được họ coi như một phương tiện truyền thông giao dịch tiện lợi giữa họ kẻ thống trị và người Việt Nam kẻ bị trị. Thâm hiểm hơn là dụng ý dùng chữ quốc ngữ như một lợi khí tuyên truyền những chính sách lừa bịp, đầu độc về văn hóa, chính trị và sau cùng, cực kỳ thâm hiểm đó là mưu đồ dùng chữ quốc ngữ như một phương thức làm mất gốc những người chỉ biết chữ quốc ngữ bằng cách cô lập họ với văn hóa dân tộc lúc đó chủ yếu dựa vào nho học, và dùng chữ nho như phương tiện diễn tả. Nhưng rút cục, như mọi người đều thấy, chữ quốc ngữ đã trở thành con đường đưa về với dân tộc, biến thành lợi khí khêu gợi ý thức dân tộc và

chống đối ách nô dịch thống trị của ngoại bang.

Về đường lối cai trị, thực dân Pháp chỉ lẩn quẩn trong hai chánh sách : trực trị và bảo hộ (1) ; chính sách nào cũng có những hạn chế, vì phương tiện sử dụng thực hiện chính sách như con dao hai lưỡi vừa lợi vừa hại nên khi cái hại phát hiện, thực dân phải thay đổi chính sách và phương tiện. Trong chính sách trực trị, thực dân chủ trương dùng chữ quốc ngữ chữ Pháp và bỏ chữ nho trong hành chánh, giáo dục. Vì trực trị nhằm mục tiêu đồng hóa, được coi như phương thức hữu hiệu nhất để duy trì vĩnh viễn chế độ thuộc địa, nhằm biến người dân thuộc địa thành vong bản, mất gốc, nên người Pháp chủ trương chống chữ nho. Học chữ nho cũng là hấp thụ một văn hóa dân tộc, cảm thông với một truyền thống xa lạ, hơn nữa chống lại Kitô giáo, văn minh Tây phương, một truyền thống lúc đó đang hiện thân ở nơi các sĩ phu. Do đó thực dễ hiểu thực dân, cũng như thừa sai chủ trương tiêu diệt nho sĩ, và ảnh hưởng của họ bằng cách xóa bỏ chữ nho.

Trái lại, thứ chữ ghi âm theo chữ cái La-tinh, không phải là chữ của văn hóa mà chỉ là thứ chữ ghi tiếng nói của dân chúng bình dân trong giao dịch hằng ngày.

Vậy, thật là hợp lý và cần thiết cổ võ, bắt buộc sử dụng một thứ chữ tiện lợi cho việc giao dịch giữa

(1) Xem chủ nghĩa thực dân Pháp ở Việt Nam. Thực chất và huyền-thoại Nam Sơn 1963.

chủ và tớ, giữa người bị trị và kẻ thống trị. Thứ chữ đó cũng còn tiện lợi cho việc tuyên truyền những chính sách đường lối cai trị. Đối với thiểu số dân bản xứ được tiến hơn một bước cần những hiểu biết về văn hóa, đã có tiếng Pháp. Hạng người này được hấp thụ văn hóa Pháp, để trở thành người Pháp và như thế là đạt được mục tiêu đồng hóa.

Trong viễn tượng chính sách trực trị, đồng hóa của thực dân, việc phổ biến chữ « quốc ngữ » không hề bao hàm một ý định tôn trọng đề cao dân tộc trái lại, nó dựa trên sự khinh bỉ và bắt nguồn từ một ý định ngu dân xích hóa. Thứ chữ An-nam ghi âm theo chữ cái La-tinh chỉ dùng cho những lớp người bình dân, thứ chữ của hạng người nô lệ, bị trị, và nó không phải là điều kiện thăng tiến trong xã hội.

Trái lại, trong chính sách bảo hộ, chữ quốc ngữ được nâng cao hơn một chút, không phải chỉ là thứ chữ để giao dịch hành chánh, mà còn được coi như một thứ chữ văn chương, nhất là được gắn liền với chữ nho.

Thực dân chủ trương đề cao văn chương quốc âm, văn chương cổ điển, nho học, bắt dùng chữ nho cùng với chữ quốc ngữ trong giấy tờ công văn, hành chánh. Nhưng đã rõ thực dân chỉ lợi dụng chính trị trong việc cổ võ đề cao văn chương quốc âm, nho học bằng cách khai thác những khía cạnh tiêu cực trong văn học tư tưởng tập tục truyền thống có tác dụng biện hộ, hoặc

củng cố chế độ thực dân. Chẳng hạn đề cao những Trung, Hiếu, Nghĩa, tôn trọng trật tự của nho học. Hiếu với người làm ơn, cai trị, là hiếu với thực dân tôn trọng trật tự xã hội là tôn trọng trật tự xã hội của thực dân. Cho nên làm loạn, chống lại trật tự đó không phải chỉ là phạm một tội chính trị, mà còn là phạm một tội luân lý : tội bất hiếu, bất trung.

A Ý KIẾN CỦA THỪA SAI VÀ HỌC GIẢ THỰC DÂN

Theo Lanessan, Toàn quyền Đông dương, chính sách trực trị mà người Pháp muốn thực hiện ở Việt-Nam là do ảnh hưởng và áp lực của thừa-sai Thiên Chúa Giáo, như Giám-mục Puginier. Thừa sai chủ trương trực trị vì như thế sẽ tiêu diệt được các nho sĩ, vừa đối kháng với Thiên Chúa giáo vừa tiêu biểu cho tinh thần bất khuất không chấp nhận chế độ thuộc địa. Một trong những biện pháp Thừa sai đề ra là bỏ chữ nho và cổ võ học chữ quốc ngữ nhằm cô lập người công giáo cũng như người dân thường với các nho sĩ.

Lanessan đã ghi lại sự kiện trên như sau :

« Tôi còn giữ trong tay một thư của Giám-mục Puginier trong đó Ngài trình bày mục đích việc phiên âm bằng chữ La-tinh một cách thật rõ rệt. Ngài nói khi thay thế chữ nho bằng chữ quốc ngữ, Hội thừa sai nhằm mục-đích cô lập các giáo hữu. Những người này sẽ không còn có thể đọc được những tác phẩm dễ đọc nhất của Trung-hoa và sẽ không thể thư từ gì được với bất cứ

một sĩ phu Tàu hay Ta nào. Được giáo dục như thế, các Thầy người bản xứ sẽ chỉ có thể đọc một số hiếm những sách do các thừa sai viết bằng quốc ngữ cho họ dùng và trong đó chỉ bàn đến những vấn đề thuần túy tôn giáo ». *(Les missions et leur Protectorat, trang 52).*

Thư của Giám-mục Puginier mà Lanessan nói tới ở đây, không rõ là thư gởi cho Lanessan hay thư gởi cho Tổng-trưởng thuộc địa. Nhưng có một điều chắc chắn là Giám mục Puginier đã gửi nhiều thư cho Tổng-trưởng thuộc địa để ghi những kế hoạch bình định xứ Bắc kỳ và trong đó có thể đều nói đến việc bỏ chữ nho, dùng quốc ngữ. Hiện chúng tôi chỉ có một thư gửi cho Tổng trưởng thuộc địa đề ngày 4.5.1887 viết tay (tìm thấy ở văn khố Bộ Pháp quốc hải ngoại Paris, số ký hiệu N.F 541 hay AO⁰ (30).

Mở đầu thư gửi cho Tổng trưởng, Giám mục Puginier dựa vào 30 năm kinh nghiệm hiểu biết xứ sở trình bày vì lòng tận tâm phục vụ nước Pháp mà gởi văn thư cho Tổng trưởng để đề nghị một số kế hoạch mà nếu chính phủ theo thì Giám-mục bảo đảm chắc chắn chẳng bao lâu Bắc kỳ sẽ trở thành một nước Pháp nhỏ ở Viễn-đông.

Bản tường trình của Giám-mục Puginier dài 20 trang, viết tay, chia làm ba phần :

1. Xứ Bắc kỳ có đáng cho nước Pháp quan tâm đến không ? Giám mục than phiền nước Pháp đã tốn hàng trăm triệu, mất hàng ngàn người, nhưng vẫn chưa quyết

tâm chiếm đóng xứ này, và Giám mục sẽ nêu những lý do tại sao nước Pháp phải chú ý đến Bắc kỳ.

2. Nước Tàu bên cạnh có phải là một đe dọa đáng ngại không ?

3. Sau khi đã chứng minh cần chiếm giữ Bắc kỳ, và Trung quốc không phải là một đe dọa nghiêm trọng, Giám mục trình bày phải làm những gì để « biến xứ Bắc kỳ thành một nước Pháp nhỏ ở Viễn đông ».

a. Công giáo hóa Bắc kỳ.

b. Xóa bỏ chữ Nho.

c. Tranh thủ những dân tộc thiểu số ở cao nguyên giáp nước Tàu.

d. Thiết lập một hẵng Pháp lớn như hẵng Ấn Độ cũ.

e. Thành lập một trại (đồn điền) gương mẫu.

f. Thận trọng trong chính sách đánh thuế, nhất là ở giai đoạn dân chúng còn cực khổ vì chiến tranh, lụt lội, trộm cướp.

g. Cảnh giác và khôn ngoan trước những người bản xứ muốn tỏ ra thân thiện trung thành, nhưng thực ra là những kẻ thù nguy hiểm của nước Pháp.

h. Ngăn cản tham nhũng trong tư pháp, hối mại quyền thế và bảo vệ những quan lại trung thành thực sự.

Dưới đây là nguyên văn biện pháp thứ hai :

« Điều thứ hai phải làm là bỏ chữ nho và trước hết thay thế bằng tiếng An-nam với chữ viết Âu-châu gọi là « cuốc ngữ » (1) rồi sau đó bằng tiếng Pháp.

Nhưng việc này phải tiến hành chậm chạp, từ từ và cũng không nên nói ra, vì ngại đụng chạm tới dân chúng đã quen dùng chữ Nho và vì lý do chính trị, để tránh làm mếch lòng nước Tàu.

Đã từ lâu tôi vẫn chủ trương dạy chữ Pháp và dùng chữ Âu-châu để viết tiếng An-nam, nhưng khốn thay, tôi không được ủng hộ trong việc thực hiện những kế hoạch mà tôi đã đề nghị 6 lần khác nhau. Tuy nhiên tôi sung sướng thấy từ hai năm nay người ta đã tích cực hoạt động cho mục đích đó : không kể trường dạy tiếng Pháp của hội thừa sai, là trường đã được thành lập đầu tiên ngày 8.12.1884, chính phủ cũng đã thiết lập nhiều trường khác từ tháng 4.1885.

Cần phải dạy càng sớm càng tốt cho người An-nam viết và đọc được tiếng của họ ghi bằng chữ Âu châu, việc này dễ dàng và tiện lợi hơn việc dùng chữ nho.

Sau vài năm, cần phải bắt buộc những giấy tờ chính thức không được viết bằng chữ nho, nhưng phải viết bằng chữ của xứ sở, và tất cả những viên chức phải được dạy đọc và viết chữ An-nam ghi bằng chữ Âu-châu. Trong thời gian đó, việc dạy tiếng Pháp sẽ đã có tiến bộ và người ta đã chuẩn bị cho cả một thế hệ cung cấp những

(1) Nguyên văn.

viên chức được học tiếng của chúng ta. Như vậy có lẽ trong hai mươi hay hai mươi lăm năm, người ta sẽ có thể bắt buộc mọi giấy tờ đều phải viết bằng Pháp ngữ và do đó chữ nho dù người ta không cấm học, cũng bị bỏ rơi dần dần.

Khi người ta đã đạt được kết quả lớn lao đó, người ta đã đoạt lại của nước Tàu một phần lớn ảnh hưởng ở xứ An-nam và giới nho sĩ An-nam rất thù ghét sự thiết lập thế lực Pháp sẽ bị tiêu diệt dần dần.

Vấn đề này có một tầm quan trọng rất lớn, và sau khi đạo Thiên Chúa đã được thiết lập, tôi coi việc bãi bỏ chữ nho và việc thay thế dần dần bằng chữ quốc ngữ trước tiên rồi bằng chữ Pháp như một phương thức rất chính trị, rất thực tế và rất hữu hiệu để lập ở Bắc kỳ một nước Pháp nhỏ của Viễn đông ». (2).

Ý kiến và đề nghị của Giám-mục Puginier thật thâm độc. Nếu lòng yêu nước, động lực đối kháng sự chinh phục của thực dân xuất phát từ giới Nho sĩ và do tinh thần nho giáo, thì quả thật không có phương tiện nào hữu hiệu hơn để tiêu diệt sự đối kháng đó bằng cách bãi bỏ con đường đưa vào tinh thần đó là chữ nho. Nếu chữ nho không còn được dùng trong các văn thư chính thức, trong nhà trường như phương tiện truyền thông và

---

(2) Những đề nghị trên của Puginier phải chăng chỉ là cho Bắc kỳ vì trong thời gian đó ở Nam kỳ các Đề đốc, Thống đốc đã áp dụng triệt để việc cưỡng bách dùng chữ quốc ngữ theo những mục tiêu mà Puginier đề ra. (xem các nghị định nói sau).

nhất là như điều kiện thăng tiến xã hội, thì những hiểu biết của nhà nho còn ích lợi gì nữa. Và một khi những kiến thức nho học đã mất giá trong thang giá trị xã hội, thì uy tín tinh thần của những người mang những kiến thức mất giá đó cũng mất theo. Nếu người dân không còn đọc được sách vở viết bằng chữ nho là phương tiện duy nhất đưa họ về lịch sử dân tộc, văn hóa dân tộc, truyền thống tranh đấu bất khuất của dân tộc (vì chữ quốc ngữ, thời Pháp chỉ là chữ giao dịch, kiếm cơm, thăng trật, và hơn nữa phương tiện xâm lược tinh thần (tuyên truyền đạo giáo, ảnh hưởng Pháp) thì dĩ nhiên người dân làm sao tránh khỏi mất gốc, trở thành vọng bản, nghĩa là trở thành người Pháp, người Thiên Chúa giáo theo Pháp, nghĩa là trở thành nô lệ vĩnh viễn của thực dân Pháp.

Ý tưởng cổ võ học chữ quốc ngữ để cô lập dân chúng với nho sĩ ngăn chặn ảnh hưởng của nho giáo như Giám mục Puginier đã chủ trương được nhiều học giả, nhân viên trường Viễn đông Bác cổ hưởng ứng, tán đồng trong các đề nghị về giáo dục gởi nhà cầm quyền thuộc địa.

Chẳng hạn CE. Maitre, nhân viên trường Viễn đông Bác cổ đã nói trong bài diễn thuyết ở Marseille hồi 1906 về « Nền học chánh bản xứ ở xứ Đông dương An-nam »

« Tóm lại, người An-nam càng ý thức được rõ ràng họ có một quốc gia càng làm cho họ ham muốn có một tiếng nói quốc gia. Tham vọng trên rất chính đáng lại hoàn toàn phù hợp với những quan điểm chính trị của

chúng ta. Thật là một sách lược mù quáng và thiếu khôn ngoan nếu chúng ta để cho người An-nam tiếp thu những ý tưởng khoa học và triết học ở một nguồn gốc độc nhất mà hiện nay họ có thể tìm tới được, vì cùng chung một chữ viết, đó là nguồn gốc Trung-hoa và Nhật-bản... và để có những giây liên lạc thắt chặt với nền văn minh Mông-cổ trên mà những biến cố gần đây đã chứng tỏ sự liên đới giữa họ thật mãnh liệt biết bao » *(trang 1164 Revue Indochinoise số 64, 30.8.1907).*

Một học giả khác G. Peri cũng thuộc trường Viễn-đông Bác cổ đã gởi phúc trình lên Toàn-quyền Albert Sarraut đề nghị dạy quốc ngữ trong một chương trình giáo dục được cải tổ :

« Người An-nam dưới sự bảo hộ và quyền hành của chúng ta quả thật đã bị Trung-hoa giáo-dục ; hơn bao giờ hết tầng lớp nho sĩ đã bị lệ-thuộc Trung hoa về phương diện tri thức. Họ chỉ biết, chỉ hiểu qua Trung hoa theo Trung-hoa và theo một cách lâu-dài. Đối với tầng lớp này, việc duy nhất là chuyển hướng giáo dục. Vấn đề trên sẽ mãi mãi còn như thế bao lâu tình trạng hiện tại còn kéo dài bao lâu người Tàu còn nắm vững vai trò ưu thế ở đây và bao lâu chưa thay thế chữ Pháp được coi như thượng tầng cơ sở giáo dục. » (1)

---

(1) Trích lại trong « lịch sử báo chí từ đầu đến 1930 ». Luận án Tiến-sĩ đệ tam cấp ban Sử của Huỳnh Văn Tòng, Paris 1971.

B. CHỮ QUỐC NGỮ TRONG CÁC THÔNG TƯ, NGHỊ ĐỊNH.

Ngay từ hồi mới chiếm Nam kỳ, nhà cầm Pháp đã quyết định bác bỏ chữ nho và cưỡng bách dùng chữ quốc ngữ trong các giấy tờ chính thức và sau đó trong các trường học bằng các nghị định, thông tư của Thống-đốc Nam kỳ.

NGHỊ ĐỊNH 22-2-1869 :

Nghị định về chữ viết của tiếng An-nam bằng mẫu tự Âu-châu trở thành bó buộc trong giấy tờ chính thức.

Điều 1. Kể từ 1.4.1869 tất cả giấy tờ chính thức : nghị định, quyết định, án lệnh, phán quyết, thông tư v.v... đều sẽ được viết và công bố bằng mẫu tự Âu-châu, với những chữ ký của các người có thẩm quyền.

Điều 2. Không một bản dịch nào những văn thư đó bằng chữ nho sẽ có tính cách đích thực và chỉ có thể được nhận với tư cách chỉ dẫn ; nhưng một bản dịch bằng chữ nho các nghị định và luật lệ để dán thông cáo sẽ được để trên cùng một tờ giấy, bên bản văn bằng tiếng An-nam.

G. OHIER

(Recueil de la Législation et Réglementation de la Cochinchine 1er Janvier 1880. trang II. Trg. 272).

QUYẾT ĐỊNH NGÀY 18.3.1869 VỀ GIA ĐỊNH BÁO. (*1*)

(1) Chúng tôi chưa tìm ra nghị định cho ra Gia-định báo.

Phó Đề-đốc, quyền Thống-đốc, Tổng tư lệnh...

Chiếu nghị định ngày 22.2.1868 về những giấy tờ chính thức được công bố bằng tiếng An nam phải được viết bằng mẫu tự La tinh quyết định.

1. Tờ Gia-định báo sẽ ra lại ngày thứ hai từ 1/tháng 4.

2. Giá báo hằng năm sẽ tăng 20 quan.

3. Gia định báo được tiếp tục xuất bản dưới sự coi sóc của Ông Potteau ; với chức vụ đó, đương sự sẽ nhận lãnh thêm một phụ cấp 1200 quan mỗi năm.

4. Giám đốc nội vụ đảm nhận thi hành lệnh trên

OHIER

Mười năm sau, với nghị định 6.4,1878, người Pháp mới thực sự thi hành việc cưỡng bách dùng chữ quốc ngữ trong hành chánh. Tuy nhiên họ cũng phải để một thời gian 4 năm mới thi hành trong toàn cõi Nam kỳ (1882) Trong thời gian đó, có nhiều nghị-định được ký thi hành việc cưỡng bách trên trong những tỉnh mà họ cho là đã đủ điều kiện.

Việc cưỡng bách dùng chữ quốc ngữ trong hành chánh và học chánh được nhà cầm quyền Pháp (các Đề đốc) coi như một chính sách quan trọng hàng đầu, nên họ đặc biệt chú ý, và tìm mọi cách ngoài việc cưỡng bách trên để thi hành triệt để và nhanh chóng việc truyền bá quốc ngữ chẳng hạn khuyến khích bằng những giải

thưởng cho những người Pháp học chữ quốc ngữ, những tiền thưởng cho những giáo viên dạy chữ quốc ngữ, hoặc mở kỳ thi soạn một cuốn niêm giám để truyền bá quốc ngữ. Văn thư của Béliard và của Le Myre de Vilers gửi trong nội bộ để nói về các nghị định cho thấy những chủ đích chính trị của thực dân khi cưỡng bách dùng chữ quốc ngữ trong hành chánh, học chánh.

Chính sách đồng hóa triệt để mà thực dân Pháp muốn thực hiện gặp phải một trở ngại : sự bất đồng ngôn ngữ. Không thể bắt dân chúng bản xứ nói ngay tiếng Pháp nhưng ít ra phải thực hiện được một chữ viết chung (mẫu tự La tinh, pháp). Do đó chữ quốc ngữ đã trở thành một công cụ chính trị có một tầm quan trọng rất lớn trong con mắt của các Đề đốc, Thống đốc vì họ tin nó sẽ tiêu diệt được mau chóng ảnh hưởng tai hại của chữ nho là một cản trở lớn lao của chính sách đồng hóa.

NGHỊ ĐỊNH 6.4.1878 VỀ VIỆC DÙNG CHỮ AN NAM BẰNG MẪU TỰ LA TINH.

Quan Phó Đề đốc, Thống đốc, và tổng tư lệnh...

Xét rằng chữ viết của tiếng An nam bằng mẫu tự La tinh ngày nay đã khá phổ thông trong các tỉnh Nam kỳ, là thứ chữ dễ học hơn chữ nho và tiện lợi nhiều so với chữ nho trong việc làm cho những giao dịch giữa các quan cai trị với dân bản xứ được trực tiếp hơn.

Xét rằng việc dùng hợp pháp thứ chữ đó chỉ làm cho

dân chúng dễ đồng hóa với chính quyền ta, và vì thế thật là một đường lối chính trị tốt nếu bắt buộc dùng nó trong các giao dịch chính thức.

Tuy nhiên, xét rằng một cải cách quan trọng như thế không thể thực hiện được ngay tức khắc, và để thực hiện nó, cần có sự cộng tác của những tầng lớp lãnh đạo trong dân chúng.

Chiếu đề nghị của quyền Giám đốc nội vụ, sau khi hội đồng tư vấn đã được hội ý kiến, nay ra nghị định :

Điều 1. Kể từ 1.1.1882 tất cả những văn kiện chính thức, nghị định quyết định, sắc lệnh, phán quyết, chỉ thị v.v... sẽ được viết, ký và công bố bằng chữ mẫu tự La tinh.

Điều 2. Kể từ ngày trên, không một tuyển dụng nào được thi hành không một thăng trật nào được cho phép, trong ngạch phủ, huyện, tổng, đối với bất cứ ai không ở trong tình trạng viết được chữ quốc ngữ.

Điều 3. Kể từ ngày trên và đến 1.1.1886 mọi hương thân sẽ được miễn thuế thân, mọi hương hào sẽ chỉ trả một nửa thuế thân và mọi biên lai sẽ được miễn tạp dịch nếu ở trong tình trạng có thể viết được quốc ngữ.

Điều 4. Kể từ ngày 1.1.1886 không ai được giữ những chức vụ kể trên nếu không biết đủ chữ quốc ngữ.

Tuy nhiên biện pháp trên được miễn cho những người trước thời kỳ đó đã tỏ ra mẫn cán và liêm khiết

trong việc thi hàng chức vụ. Việc giữ họ lại trong ngạch trật sẽ do Giám đốc nội vụ quyết định, chiếu đề nghị các quan cai trị.

Điều 5. Quan Giám đốc nội vụ phụ trách thi hành nghị định này, sẽ được đăng và công bố những nơi nào xét ra cần thiết.

Saigon 6.4.1887
LAFONT

Bulletin officiel de la cochinchine française 1878 (trg 110-111).

THÔNG TƯ CỦA GIÁM ĐỐC NỘI VỤ 10.4.1878.

Về việc gởi nghị định liên quan đến sự thay thế chữ nho bằng mẫu tự La tinh gọi là quốc ngữ trong các văn thư chính thức.

Tôi hân hạnh gởi Quí vị kèm theo đây nghị định của Thống-đốc ký ngày 6 tháng này liên hệ đến việc thay thế kể từ 1.1.1882 chữ nho bằng mẫu tự La tinh gọi là quốc ngữ trong các văn thư chính thức.

Xin Quí vị phổ biến nghị định trên mà Quí vị sẽ hiểu tất cả tầm quan trọng của nó đến những người Quí vị cai trị mà phải quảng cáo nó càng mạnh bao nhiêu càng tốt bấy nhiêu. Chúng ta sẽ rất lợi cả về mặt chính-trị lẫn thực tế, nếu làm tiêu tan dần dần chữ nho mà việc dùng thứ chữ đó chỉ có thể có một ảnh hưởng tai hại đối với

công trình đồng hóa mà chính phủ đang dồn mọi nỗ lực thực hiện.

BÉLIARD
(Giám Đốc Nội-vụ)

NGHỊ ĐỊNH 23.7.1879.

Thiết lập những tiền thưởng cho các công chức, nhân viên v.v... được chứng minh là biết tiếng An nam.

Thống đốc Nam kỳ xét rằng sự phổ thông việc học tiếng An nam ở nơi những công chức và nhân viên làm việc ở Nam kỳ là điều rất quan trọng.

Chiếu đề nghị của Giám đốc Nội vụ,

Hội đồng Tư vấn được tham khảo.

Nay ra nghị định :

1. Những công chức và nhân viên mọi ngạch hành chánh dân sự ở Nam kỳ các Quan Tòa, sĩ quan và hạ sĩ quan phụ trách việc chỉ huy binh lính, nếu được chứng minh trước một Hội đồng Giám khảo, là biết tiếng An nam sẽ được thưởng trong thời gian ở thuộc địa, một trợ cấp hằng năm là 100$ về viết được chữ quốc ngữ, và tiền thưởng đó sẽ được tăng lên 200$ về viết được chữ nho.

2. Những người được thưởng sẽ phải thi lại sau năm (5) năm để chứng minh vẫn biết tiếng An nam.

3. Một nghị định sau sẽ ấn định thành phần Hội đồng Giám khảo.

4. Những quan cai trị việc bản xứ, thông ngôn mà sự hiểu biết tiếng Việt là bó buộc, sẽ không kể trong nghị định này.

5. Ông Giám đốc Nội vụ phụ trách việc thi hành nghị định này.

LE MYRE DE VILERS.

QUYẾT ĐỊNH 5.9.1879

Thành lập một Ủy ban chấm thi những thí sinh cấp I muốn được giải thưởng về lớp học tiếng An nam.

Giám đốc Nội vụ :

Chiếu điều 3 nghị định ngày 23.7.1879 trao một phần thưởng cho những công chức, nhân viên v.v... được chứng minh trước một Hội đồng Giám Khảo là biết tiếng An nam theo đúng những chỉ thị của Thống đốc.

Nay quyết định :

1. Một Ủy ban gồm :

— Ô. DE CHAMPEAUX, Thanh tra bản xứ vụ, Chủ tịch.

— Ô. POTTEAUX, Bí thư, thông ngôn của Thống đốc. Ủy viên.

— Ô. BENOT, — cũng thế —

— Ô. HUC, Thông ngôn chính bậc nhất, Ủy viên.

Ô. PAULUS CỦA, Đốc phủ hạng nhất, Ủy viên.
được đề cử để chấm những học sinh cấp I muốn lãnh giải thưởng lớp học tiếng An nam.

2. Kỳ thi trên sẽ vào ngày 1.10.1879 từ 8 giờ sáng, ở địa điểm dành cho các lớp dạy công cộng về tiếng An nam. Kỳ thi gồm những môn sau đây :

— Thi viết : Dịch Pháp ra Việt và Việt ra Pháp — Hệ số 6.

— Thi vấn đáp : dịch một tác phẩm văn xuôi để viết bằng quốc ngữ Hệ số 6.

Đối thoại bằng tiếng An nam với một người bản xứ — Hệ số 8.

Nói chuyện bằng tiếng Pháp và tiếng An nam (Giám khảo nói tiếng Pháp và thí sinh trả lời tiếng An nam).

Điểm sẽ cho từ 0 đến 20 nhân với hệ số để có tổng số điểm ; phải được 2/3 tối đa số điểm mới đậu.

BÉLIARD.

QUYẾT ĐỊNH 8.10.1879

Chiếu quyết định ngày 23.7.1879 mở kỳ thi đạt giải thưởng cho những công chức học tiếng An nam, quyết định công bố kết quả kỳ thi : hai người Pháp là COSTE và CAFFORT đủ điểm được thưởng mỗi người 100$ trích

ở ngân sách thuộc địa.

LE MYRE DE VILERS

THÔNG TƯ 28.10.1879

Về việc bãi bỏ chữ nho và dùng những mẫu tự La tinh trong thư từ chính thức.

Nhu cầu đầu tiên của nhà cai trị là tiếp xúc đều và thẳng với dân chúng. Người Anh đã rất hiểu điều đó, nên sau 4 năm chiếm đóng mũi « Hy vọng Tốt » (Bonne espérance), họ đã tuyên bố tiếng Anh là chính thức, người Đức thì cấm dùng tiếng Pháp trong các trường ở Alsace Lorraine.

Ở Nam kỳ, chúng ta gặp những khó khăn đặc biệt vì tính chất khác nhau của các chữ viết. May mắn thay, việc sáng chế ra chữ quốc ngữ đã cho phép chia sẻ vấn đề ; bây giờ có thể chấp thuận một chữ viết chung mặc dầu phải duy trì sự khác biệt tiếng nói. Vậy mục đích của chúng ta là phải truyền bá mẫu tự La mã, và chúng ta sẽ đạt tới mục đích trên dễ dàng vì người bản xứ đã hiểu họ rất có lợi nếu dùng thứ chữ đó, mỗi khi họ cần phải tiếp xúc với nhà cầm quyền cai trị. Trong 10 Thỉnh nguyện, đến 9 được viết bằng quốc ngữ.

Đàng khác việc dùng chữ nho là một cản trở lớn lao đối với sự phát triển nền văn minh Âu châu ; vậy mọi nỗ lực của chúng ta phải nhằm xóa bỏ cản trở đó...

Những mẫu tự La tinh sẽ được dùng để viết thư từ

chính thức với tất cả những làng biết thử chữ trên. Một vài đồng nghiệp của Quí vị nêu thắc mắc với tôi rằng số làng biết chữ viết bằng mẫu tự La tinh quá ít. Điều đó không quan hệ, điềm quan trọng là phải bắt đầu. Nếu chỉ một làng trong quận của Quí vị biết, điều đó đã đủ lúc ban đầu : sự tiến bộ mà chúng ta đang theo dõi rất cần thiết, đến nỗi nó không thực hiện được với thời gian nếu, chiếu theo những nhu cầu đích thực của xứ này và quyền lợi của nước Pháp chúng ta theo đuổi công trình này một cách nhẫn nại, tôi tin chắc rằng sau 10 năm, chúng ta có thể cấm dùng chữ nho.

Mỗi lần những làng của một tổng có thể thực hiện được, tôi sẽ ra một Nghị định riêng về việc chỉ dùng chữ quốc ngữ ở địa hạt đó trong các giấy tờ chính thức và hành chánh.

Tôi cũng không ngần ngại phát những trợ cấp lúc ban đầu từ 50 đến 100 quan cho những làng nào viết được các công văn bằng quốc ngữ.

LE MYRE DE VILERS

NGHỊ ĐỊNH 1.12.1879.

Bó buộc dùng chữ quốc ngữ trong các giấy tờ chính thức ở 3 tổng địa hạt Cần Thơ.

Thống Đốc Nam Kỳ,

Chiếu Nghị định ngày 6.4.1878 bắt buộc dùng chữ viết bằng mẫu tự La tinh, gọi là quốc ngữ, kể từ ngày 1.1.1882 trong các văn kiện chính thức viết bằng tiếng An-nam.

Xét rằng nghị định đó chỉ có thể thực hiện dần dần tùy theo chữ viết bằng mẫu tự La tinh đã được khá phổ thông trong các quận.

Chiếu đề nghị của Giám-đốc Nội vụ,

Hội đồng Tư Vấn được tham khảo,

Nay ra Nghị định :

1. Kể từ ngày ban hành Nghị định này, việc dùng chữ quốc ngữ sẽ bắt buộc trong việc soạn thảo các giấy tờ chính thức bằng tiếng An-nam trong tất cả các tổng Đình Bảo, Đình Thới, và Định An thuộc địa hạt Cần Thơ

2. Giám đốc Nội vụ phụ trách thi hành Nghị định trên và công bố khắp nơi xét ra cần thiết.

LE MYRE DE VILERS.

NGHỊ ĐỊNH 4.12.1879.

Mở một kỳ thi trong thuộc địa để biên soạn một niên giám bằng quốc ngữ.

Thống Đốc Nam kỳ...

Xét rằng cần thiết cung cấp cho người An-nam những sách bằng quốc ngữ và trong các sách, cuốn dễ đi sâu vào phong tục hơn cả là niêm giám.

Chiếu đề nghị của Giám đốc Nội vụ,

Hội đồng Tư vấn được tham khảo, nay ra Nghị định.

Điều 1. Một kỳ thi tuyển sẽ được mở trong thuộc địa

để biên soạn một cuốn niêm giám bằng quốc ngữ. Sách không được quá 100 trang, khổ 16.

Điều 2. Bản thảo phải gửi về Giám đốc Nội vụ chậm nhất vào ngày 1.6.1880, ở trang đầu phải dành một chỗ để ghi ký hiệu, và tác giả sẽ đề tên trong một phong bì dán kín chỉ được mở sau khi đã duyệt xong công-trình của các bản biên khảo.

Điều 3. Một Ủy ban đặc biệt mà thành phần sẽ ấn định sau, sẽ xếp hạng các bản thảo theo thứ tự công trình đáng kể.

Điều 4. Ba giải thưởng trị giá 500, 300, 200 quan sẽ được phát cho 3 bản hay nhất.

Điều 5. Những bản thảo được thưởng sẽ thuộc quyền sở hữu của nhà cầm quyền.

LE MYRE DE VILERS.

QUYẾT ĐỊNH 2.8.1880.

Về những người giải thưởng biên soạn cuốn niên giám.

Giải nhất : Nguyễn Văn Lợi, Thông ngôn ở Tư pháp, sách mang tên là Pháp - An-nam.

Giải nhì : Giám đốc Chủng viện Saigon để chia cho các Chủng sinh đã soạn sách mang tên : Miscuit utile dulci.

Giải ba : Lê Văn Thông, Giáo sư Trường Chasseloup-Laubat.

Giải bốn : Trần Công An.

LE MYRE DE VILERS.

QUYẾT ĐỊNH 18 8.1880.

Về những thí sinh đã trúng tuyển trong kỳ thi về hiểu biết tiếng An Nam và chữ nho.

Có 6 người Pháp công chức được thưởng.

QUYẾT ĐỊNH 7.2 1881.

Bó buộc dùng chữ quốc ngữ trong các giấy tờ chính thức ở các xã thuộc địa hạt Gò Công.

LE MYRE DE VILERS.

NGHỊ ĐỊNH 26 9.1881

Bó buộc dùng chữ quốc ngữ trong các giấy tờ chính thức ở các tỉnh Cần Thơ, Hà Tiên,. Thủ Dầu Một, Trà Vinh ở quận 20 và một số quận thuộc các tỉnh Biên Hòa, Tân An, Sóc Trăng, Bến Tre và Châu Đốc.

A. DE TRENTINIAM

NGHỊ ĐỊNH 30, 1. 1882

Bắt buộc việc dùng mẫu tự Pháp trong „các giấy tờ chính thức viết bằng tiếng An-nam.

Thống Đốc Nam Kỳ...

Chiếu Nghị định ngày 6 4 1878 bắt buộc dùng mẫu tự Pháp trong các giấy tờ viết bằng tiếng An-Nam, kể từ ngày 1 tháng giêng năm 1882.

Chiếu Nghị định ban hành những năm 1870, 1880, 1881, qui định áp dụng biện pháp trên một cách dứt khoát trong nhiều quận của thuộc địa.

Xét rằng hiện nay, chữ viết bằng mẫu tự La tinh đã phổ thông đủ để có thể áp dụng một cách tổng quát Nghị định kể trên.

Theo đề nghị của Giám đốc Nội vụ,

Sau khi Hội đồng Tư vấn đã được hội ý kiến,

Nay ra Nghị định :

Điều 1. Kể từ ngày hôm nay, việc chỉ dùng những mẫu tự Pháp trở thành bắt buộc trên toàn cõi Nam kỳ thuộc Pháp, trong những giấy tờ chính thức viết bằng tiếng An-nam.

Điều 2. Giám đốc Nội vụ phụ trách thi hành. Nghị định này sẽ được đăng và thông cáo những nơi nào xét ra cần thiết.

Saigon, le 30. 1. 1882.
LE MYRE DE VILERS.

VỆ HỌC CHÁNH.

NGHỊ ĐỊNH 17.3.1879

Về tổ chức nền học chánh mới ở Nam Kỳ.

Trong Nghị định này, điều bá phần I về qui chế trường công, tư, những làng có trường dạy chữ nho không cần xin phép, những Thầy dạy quốc ngữ sẽ được thưởng tùy số học sinh theo học nhiều hay ít.

Phần II, về điều kiện nhập học, điều 12, biết chữ quốc ngữ không phải là điều bó buộc, nhưng nếu biết sẽ được kể trong việc xếp hạng với một điểm riêng.

Phần III, về chương trình học, ở cấp I (3 năm) có dạy chữ quốc - ngữ (gồm tứ thư, kể chuyện bằng quốc văn, tập đọc quốc ngữ.)

Cấp 2 (3 năm) có học cả chữ nho và quốc ngữ, hai lớp một tuần gồm tứ thư, sử địa An - nam.

Cấp 3 (4 năm) thứ tư, các văn thư khế ước thông dụng, sử địa An Nam lớp quốc văn mỗi tuần.

LAFONT.

NGHỊ ĐỊNH 14. 6. 1880

Thiết lập ở mỗi làng, thị xã của quận không có trường dạy tiếng Pháp sẽ mở một trường dạy chữ quốc ngữ.

Thống đốc Nam kỳ...

Chiếu Nghị định ngày 17-3-1979 tổ chức lại nền học chánh.

Chiếu việc thiết lập một Hội-đồng thuộc-địa và những cố gắng của Chính phủ để càng ngày càng kết hợp người bản xứ với những dự định nhằm cải thiện tình hình kinh tế xứ sở.

Xét rằng quyền lợi người An-nam là phải biết những việc làm của chính phủ liên qnan đến mình.

Xét rằng chỉ việc dùng nhà in chữ Pháp (quốc ngữ) mới có thể gia tăng những giao dịch giữa nhà cầm quyền và dân chúng.

Chiếu đề nghị của Giám-đốc Nội-vụ, Hội đồng Tư vấn đã được tham khảo, nay ra Nghị định :

1.— Mỗi làng, thị xã của Tổng không có trường Pháp, sẽ thiết lập một trường dạy quốc ngữ.

2.— Trong trường hợp thiếu ngân khoản, các làng khác trong tổng sẽ góp phần vào các chi phí bằng một quỹ tương trợ. Quan cai trị những việc bản xứ của quận, được Chánh tổng hoặc Lý trưởng trợ tá, sẽ ấn định phần đóng góp của mỗi làng.

3. Những làng nhỏ có một trường dạy chữ quốc ngữ sẽ được miễn mọi thuế đóng góp cho trường hàng tổng.

4. Những giáo viên An nam dạy ở trường dạy chữ quốc ngữ, mà dạy thêm một ít tiếng Pháp sẽ được nhà nước thuộc địa thưởng 200 quan mỗi năm.

5. Tạm thời, Lý trưởng các làng ở Nam kỳ thuộc Pháp sẽ nhận mà không phải trả tiền tờ Công báo : Gia-định báo, bằng quốc ngữ. Một bản dịch bộ Hình Luật bằng quốc ngữ cũng sẽ được phát không cho mỗi làng.

6. Giám đốc Nội vụ phụ trách thi hành Nghị định này mà các điều khoản sẽ phải được thực hiện trước ngày 1.1.1881.

LE MYRE DE VILERS

x

x x

30 năm sau, chữ quốc ngữ mới được áp dụng chính thức ở Bắc kỳ, nhưng khác một điều là vẫn duy trì chữ nho bên cạnh chữ quốc ngữ.

Trong văn thư gửi cho các Công-sứ, Thống-sứ Bắc kỳ nêu lên những lý do đưa nhà cầm quyền đến quyết định ra lệnh dùng chữ quốc ngữ trong các giấy tờ công văn; dựa vào việc áp dụng có kết quả tốt ở Nam kỳ, nay có thể đem thực hiện ở Bắc kỳ nhằm hai mục tiêu chính :

1. Làm cho dễ dàng việc giao dịch giữa người Pháp và người Việt, và giữa người việt với người việt về mặt hành chánh.

2. Tăng cường phát triển ảnh hưởng Pháp, bằng tuyên truyền, cổ võ thuyết phục những đường lối chính sách thực dân đề ra.

Tuy nhiên việc bắt buộc dùng chữ quốc ngữ không kèm theo việc xóa bỏ chữ nho vì chữ quốc ngữ không đủ để diễn tả tư tưởng, khoa học và văn hóa nhưng nhất là

vì chữ nho gắn liền người dân với đạo lý. Kinh nghiệm ở Nam kỳ cho thấy việc bỏ chữ nho đã gây nên một sự sa sút về đạo đức trong dân chúng.

Do đó, « việc học chữ nho là cần thiết để người An nam khỏi mất liên lạc với văn chương cổ điển và với văn minh Trung quốc, đó là nguồn gốc tổ chức gia đình, xã hội, hành chánh, phong tục tập quán tư tưởng, tín ngưỡng, và sau cùng những lề lối cư xử từ bao thế kỷ đã cấu tạo đời sống tinh thần, luân lý của họ ».

Trong những bản báo cáo chính trị của Thống sứ Bắc kỳ gửi Toàn quyền và của Toàn quyền gửi Tổng trưởng Thuộc địa (1910) đoạn nói về chữ quốc ngữ, cũng nêu những lý do, mục đích tương tự kể trên.

BƯU THỊ 17.2 1910.

Về việc phổ biến chữ quốc ngữ được chấp thuận để ghi chép những văn thư chính thức.

Thống sứ gửi các Công-sứ, quan đầu tỉnh Hà-nội ngày 17.2 1910.

Việc hiểu biết chữ quốc ngữ càng ngày càng được lan rộng trong đám dân chúng bản xứ ngày nay đã nhận thấy lợi ích thực tiễn của thứ chữ viết đó. Việc phổ biến càng nhanh chóng nếu nền hành chánh chấp thuận chữ quốc ngữ để ghi chép những văn thư chính thức, những thông cáo, thông báo... v.v... như đã làm một cách thành công ở Nam kỳ.

Thật là hay nếu thử áp dụng theo chiều hướng đó và tôi nghĩ rằng đã đến lúc làm công việc trên. Đã hẳn ở Bắc kỳ, việc dịch ra chữ nho sẽ kèm theo bản văn bằng quốc ngữ. Tôi yêu cầu quí vị cho biết ý kiến về vấn đề này. Tôi không cần phải nhắc kinh nghiệm của Quí vị và sự am hiểu xứ sở của Quí vị chắc hẳn đã cho Quí vị thấy việc phổ biến chữ quốc ngữ chỉ có thể rất lợi ích cho việc phát triển ảnh hưởng của chúng ta trong xứ này là làm cho sự giao thiệp của chúng ta với dân bản xứ được dễ dàng.

SIMONI

(Bulletin de l' administration du Tonkin
Tập-San Hành chánh Bắc kỳ, 1910, tr.303)

THÔNG TƯ 1.6.1910.

Về việc phổ biến chữ quốc ngữ.

Quyền Thống sứ Bắc kỳ gởi Công-sứ các tỉnh Bắc kỳ, Đốc lý Hà-nội và Hải phòng và các Tư lệnh khu Quân sự.

Hà-nội, ngày 1 tháng 6 năm 1910.

Qua Bưu thị số 31 ngày 17.2.1910 vừa rồi, tôi đã hỏi ý kiến Quí vị về việc dùng chữ quốc ngữ thuận tiện hay không, đồng thời với chữ nho để ghi chép những văn kiện chính thức, Quí vị đã đồng thanh nhìn nhận lợi ích của một biện pháp như thế.

Vậy chỉ còn cần xác định cho rõ tầm mức và những điều kiện áp dụng. Không có vấn đề bỏ chữ nho và thay

thế bằng chữ quốc ngữ. Mọi ghi âm tiếng An-nam, nhất là tiếng Hán-Việt vẫn luôn luôn phải làm và dễ gây lẫn lộn. Số âm tiếng An nam hay Hán-Việt rất hạn chế, một âm đôi khi chỉ thị nhiều tiếng và ý tưởng khác nhau và luôn luôn rất khó phân biệt nếu không dùng những chữ nho. Hễ khi nào muốn cho những bản văn có một lối viết chắc chắn một chút hoặc để diễn tả những ý tưởng trừu tượng, tổng quát, chữ quốc ngữ, trong tình trạng hiện thời vẫn còn thiếu sót.

Đàng khác việc học chữ nho luôn luôn là cần thiết đối với người An nam để khỏi mất liên lạc với văn chương cổ điển và với văn minh Trung-hoa, đã là nguồn gốc tổ chức gia đình, xã hội, hành chánh, nhiều phong-tục, tập truyền, tư tưởng, niềm tin và sau cùng những lề lối cư xử từ bao thế kỷ đã cấu tạo đời sống tinh thần, luân lý của họ.

Người ta nhận thấy việc xóa bỏ chữ nho đã gây nên ở Nam kỳ một trở ngại lớn trong xã hội người bản xứ vì trình độ đạo đức của dân chúng bị sa sút.

Nhưng nếu việc học chữ nho là cần thiết đối với người bản xứ về phương diện đào tạo trí thức và đạo đức, thì việc ghi âm tiếng An-nam bình dân có thể tạo nhiều ích lợi vô kể cho toàn dân vì làm cho những giao thiệp hằng ngày được dễ dàng, làm cho mọi người được trực tiếp liên lạc với hành chánh và được biết một cách dễ dàng những giấy tờ chính thức hoặc những quyết định của nhà cầm quyền. Thật vậy một người An nam trí khôn thường

có thể đọc chữ quốc ngữ trong vài tháng, trong khi việc học chữ nho cần nhiều năm cố gắng liên tục. Cũng như về việc phổ thông những kiến thức khoa học cần thiết cho đời sống hiện đại, chữ quốc ngữ có thể giúp ích nhiều vì làm cho tất cả mọi người đều đọc được những sách khoa học mà không cần biết chữ nho.

Vậy mà phương thức tốt nhất để truyền bá chữ quốc ngữ là tạo cho nó một chỗ đứng bên cạnh chữ nho trong việc ghi chép những tài liệu chính-thức và văn thư hành chánh. Do đó, từ nay cần phải đổi tất cả những văn kiện để công bố: Nghị định, Quyết định, Lệnh truyền, Thông tư Phán quyết, v.v... đều phải được viết ra chữ quốc ngữ. Cũng phải dùng chữ quốc ngữ trong thư từ giao dịch giữa các quan ta và dân chúng kể từ năm tới, rất mong những sổ hộ tịch có thể được in bằng chữ quốc ngữ cũng như bằng chữ nho.

Để bảo đảm cho việc cải cách được thành công, phải làm sao cho những công chức thuộc văn phòng các quan đầu tỉnh cũng như quan Phủ, Huyện được học quốc ngữ Những lớp dạy sẽ được tổ chức ở các tỉnh đường và ở các trụ sở các quận, hoặc bất cứ ở chỗ nào nhận ra là cần thiết.

Việc tìm ra những giáo thụ, huấn đạo, hoặc những công chức khác không phải là chuyện khó chẳng hạn những hậu bổ trẻ tuổi có thể giảng dạy đủ.

Sau một năm tất cả những người làm việc với các quan không biết đọc viết thạo chữ quốc ngữ sẽ không được thăng ngạch.

Còn đối với những Chánh, Phó Tổng, Lý trưởng, trong những đề nghị thăng thưởng, cần phải chú ý xem họ có sốt sắng với việc học chữ quốc ngữ và phổ biến việc dùng thứ chữ đó hay không.

Quí vị có thể hành động trong việc áp dụng những biện pháp kể trên tùy theo kinh nghiệm của quí vị cho thấy là cần thiết để tránh đụng tới những tình cảm của người bản xứ. Mục đích của chúng ta không phải là áp đặt cho họ một cải tổ bằng cách xóa bỏ chữ viết truyền thống của họ nhưng chỉ nhằm đề nghị với họ một lợi khí truyền thống thuận tiện.

Tất cả những người bị những nhu cầu sinh sống thúc đẩy, không có giờ học chữ nho, sẽ chấp nhận chữ quốc ngữ và xử dụng nó càng ngày càng nhiều khi họ càng cãm thấy nó tiện lợi. Những kết quả của phong trào bộc phát nay sẽ vừa làm cho người An nam hài lòng, vừa làm cho ảnh hưởng của chúng ta được phát triển. Vì tất cả những gì, tự nó thuận lợi cho việc giao thiệp giữa dân tộc được bảo hộ và người đi bảo hộ và làm cho họ hiểu biết lẫn nhau hơn chỉ có thể đem lại lợi ích đồng đều cho cả hai.

P. SIMONI

(Tập San Hành Chánh Bắc kỳ 1910, trang 766-767)

SỐ 472.

Bưu thư thông tư về việc soạn thảo những Ấn lệnh và thư từ chính thức bằng quốc ngữ.

Thống sứ Bắc kỳ gởi các Công sứ, Quan tư các vùng Quân sự, Đốc lý Hà nội, Hải phòng.

Tôi hân hạnh tin Quí vị hay không một bản văn pháp lý nào ấn định một cách bắt buộc phải được viết bằng chữ nho những án lệnh của Tòa án An nam, và cả những giấy tờ về thủ tục kèm theo ; không có một trở ngại nào về việc có thể soạn thảo thẳng bằng quốc ngữ tất cả những tài liệu liên hệ.

Tôi cũng không thấy bất tiện nào trong cả việc soạn thảo thư từ hành chánh giữa nhà cầm quyền bản xứ và Tòa Công sứ; một sự dễ dãi nhằm giản dị hóa việc làm bàn giấy và tránh được khỏi mất nhiều thời giờ, đàng khác đó cũng là áp dụng những chỉ thị đã nêu lên trong thông tư số 75 ngày 1.6.1910 về việc phổ biến chữ quốc ngữ.

Tôi yêu cầu Quí vị thông báo những chỉ thị trên cho các Quan đặt dưới quyền kiểm soát của Quí vị.

P. SIMONI

(Tạp san Hành Chánh Bắc kỳ 1912, tr. 891)

VỀ HỌC CHÁNH

NGHỊ ĐỊNH 16.11.1906

Cải tổ học chánh bản xứ theo sắc lệnh của Nhà Vua ngày 31.5.1906. Nghị định tương tự nghị định áp dụng ở Trung kỳ.

(Tạp san Hành Chánh Bắc kỳ 1906, tr. 1163)

THÔNG TƯ 4.1.1907

Về việc tổ chức lại học chánh bản xứ do Thông sứ Bắc kỳ Groleau ký. Thông tư này giải thích Nghị định 16.11.1906.

TRUNG KỲ.

SẮC LỆNH CỦA NHÀ VUA VỀ CẢI CÁCH HỌC CHÁNH BẢN XỨ (1906).

Vua Thành Thái ký một sắc lệnh ngày 31.5.1906 về cải cách học chánh bản xứ. Việc cải cách này chú trọng dạy chữ quốc ngữ, chữ Pháp, chấm dứt sự độc tôn của chữ Hán, nho học, ở Trung kỳ, Bắc kỳ, nhưng không bãi bỏ hẳn chữ Hán như ở Nam kỳ.

Sắc lệnh cải cách của nhà Vua dựa trên một đề nghị của Hội đồng cải cách học chánh bản xứ được Toàn quyền Đông dương chấp thuận ngày 14.9.1906. Theo đề nghị trên học chánh được chia thành ba cấp :

1. Cấp ấu học (1).

2. Cấp tiểu học.

3. Cấp Trung học.

Chương trình cấp ấu học gồm hai phần : phần chữ nho, phần quốc ngữ dạy luân lý và một vài kiến thức thông thường. Điều 16 qui định sau một tháng kể từ khi

(1) Trong nguyên văn viết theo chữ quốc ngữ cải cách do quyết định của Toàn quyền Đông dương ngày 1.5.1906 (c, k, q viết bằng k).

Nghị định này được ban hành, các người dạy học phải biết chữ quốc ngữ mới được nhà nước tuyển dụng. Điều 17 qui định tổ-chức những lớp học chữ quốc ngữ ở các quận, tỉnh cho các giáo viên.

Ở cấp Tiểu học, Trung học cũng có những điều khoản tương tự về mở các lớp đào tạo huấn đạo, giáo thụ để dạy chữ quốc ngữ.

NGHỊ ĐỊNH 30.10.1906

Của Thống sứ Trung kỳ về tổ chức Nha học chánh ở Trung kỳ.

Trong phần nói về chương trình, có những điều khoản qui định dạy tiếng Việt và chữ quốc ngữ.

NGHỊ ĐỊNH SỐ 297.

Ấn định tiền phụ cấp cho các Giáo viên dạy chữ quốc ngữ 1.7.1907.

Điều 1. Những Giáo viên dạy những lớp học chữ quốc ngữ trong 3 tháng ở mỗi tỉnh, sẽ nhận lãnh 10 đồng tháng đầu và 5$ mỗi tháng, 2 tháng sau.

Điều 2. Những Giáo viên dạy chữ quốc ngữ ở Huế nhận lãnh 10$ mỗi tháng.

Huế 1.7.1907
LEVECQUE

THÔNG TƯ SỐ 86

Về việc mở trường dạy chữ quốc ngữ.

Huế ngày 23.11.1911.

Quyền Thống sứ Trung kỳ gửi các Công sứ Trung kỳ, trừ Thanh hóa.

Quí vị,

Quí vị đã được thông báo gần đây về quyết định của Hội đồng quan Phụ chánh về chương trình các kỳ thi Hương năm 1912. Nếu những bài thi Pháp văn kỳ này còn được tùy ý chọn, trái lại các thí sinh bắt buộc phải chứng tỏ có một hiểu biết hoàn toàn về chữ quốc ngữ. Do đó, bổn phận của hành chánh là tạo phương tiện cho họ được học thứ chữ trên.

Việc học nầy chưa thể được thực hiện một cách đầy đủ do các Đốc học ở tỉnh, vì thế để đáp ứng mục đích trên, chúng ta cần phải nhờ đến những nhân viên học chánh Pháp Việt, và phải thiết lập bên cạnh trường dạy chữ nho, một trường dạy chữ quốc ngữ cho những thí sinh các kỳ thi Hương.

Vì những lớp dạy trong trường này chỉ bổ túc cho những lớp của Đốc học, nên thật là rất lợi nếu những lớp đó được tổ chức ngay tại những nơi dành cho Ông Quan đó.

Vậy nếu Quí vị có khả năng về ngân quỹ, Quí vị sẽ sắm sửa vật dụng thô sơ cần thiết như bàn ghế cho các lớp học mới. Tuy nhiên, nếu Quí vị không tìm ra ngân khoản để đáp ứng những chi tiêu trên, tôi chấp thuận cho các lớp học được tổ chức ở trường Pháp Việt.

Nhưng muốn cho việc ở trường nầy thành công, điều cốt yếu là phải để cho Đốc học nắm quyền kiểm soát việc điều hành và tuyển dụng học trò.

Khi nhận được thông tư này, xin Quí vị hãy tổ chức ngay một trường dạy quốc ngữ trên cơ sở những điều tôi vừa chỉ dẫn.

Những lớp học sẽ do một hoặc hai Giáo viên thuộc ngạch bảo hộ dạy, và họ sẽ được trả phụ cấp hàng tháng là 5$ do quỹ tỉnh đài thọ (chương 4 điều 1).

Tôi cũng xin lưu ý Quí vị số học sinh mà mỗi Giáo sư có thể dạy trong những điều kiện tốt là 25 người, đàng khác vì ngày thi còn xa, nên những lớp học sẽ được tổ chức hai lần mỗi tuần, và sau cùng thật là tiện lợi, nếu những Giáo viên mà Quí vị chỉ định sẽ là những Giáo viên thuộc ngạch học chánh Pháp Việt. Những người này tất cả đều có phương pháp Sư phạm điều mà các nhân viên thuộc các ngạch khác không có, dù họ có thông minh và hiểu biết nhiều đến đâu đi nữa.

Việc mở trường này được sự thỏa thuận của Bộ. Và Bộ chắc cũng sẽ gửi một thông tư tương tự cho các Quan đầu tỉnh.

H SESTIER

---

(1) Những Nghị định. Thông tư trên đăng trong Tạp san Hành chánh Trung kỳ (Bulletin administratif de l'annam, những năm 1906, 1907, 1911).
Chúng tôi chưa tìm thấy những Nghị định, Thông tư liên quan đến việc dùng chữ quốc ngữ trong giấy tờ hành chánh, vì thế không rõ ở Trung-kỳ, nhà cầm quyền Pháp có làm như ở Nam và Bắc kỳ không ?

C. CHỮ QUỐC NGỮ TRONG CÁC BÁO CÁO CHÍNH TRỊ.

Chữ quốc ngữ được các Đề đốc cai trị Nam kỳ bắt buộc xử dụng trong hành chánh, học chánh ngay từ buổi đầu thiết lập chế độ thuộc địa bằng những Nghị định kể trên. Chúng tôi chưa tìm ra những báo cáo chính trị của họ liên quan đến quyết định trên, những báo cáo này chắc chắn phải có và nằm trong văn khố « Hồ sơ Nam kỳ » ở Pháp. (1)

Trong « *La Geste Française en Indochine* » của Taboulet, Tome II (2) chúng tôi tìm thấy một « Tường trình về tình hình đế chế trong năm 1864 » gửi Thượng viện, trong đó có đoạn nói về việc áp dụng chữ quốc ngữ : «... Người ta đã lập trường Thông ngôn Pháp mà những môn học chỉ nhằm vào tiếng Việt viết bằng mẫu tự La tinh, và người ta cũng đã thiết lập những trường cho người bản xứ.

Việc du nhập mẫu tự La tinh nhờ đó người ta có thể viết dễ-dàng tiếng An-Nam sẽ có một tầm gía-trị rất lớn lao cho việc thiết lập thuộc địa của chúng-ta. Nó có

---

(1) Trong thư của Béliard, Giám đốc Nội vụ, Thống đốc Nam kỳ và của Le Myre de Vilers, Thống đốc Nam kỳ giải thích về tầm quan trọng của Nghị định 1882 (xem lại phần tài liệu Hành chánh) đã để lộ rõ chủ đích chính trị của người Pháp khi áp đặt chữ quốc ngữ và bác bỏ chữ nho (thực hiện chính sách đồng hóa).

(2) « La Geste Francaise en Indochine - Histoire par des textes de la France en Indochine des origines à l'annee 1914 - Adrien Maison Neuve Paris 1956 page 547 ».

tác dụng làm cho người bản xứ khỏi phải dùng một thứ chữ khác để viết những qui-ước hoặc diễn tả tư tưởng của họ, và thay thế một ngôn-ngữ dễ học vào thứ tiếng chỉ có cho những việc làm của nhà cầm quyền và đòi hỏi nhiều học-hành mà nhiều tâm trí phải ái ngại lùi bước ».

Về chữ quốc-ngữ được áp dụng ở Bắc-Kỳ, chúng tôi mới nhờ chụp được hai bản báo cáo ở Văn khố Bộ Pháp quốc Hải ngoại Paris.

1. Báo cáo chính trị tam cá nguyệt Hai, năm 1910 của toàn quyền Đông-dương gởi Tổng-trưởng thuộc địa (Sài-gòn ngày 24. 8. 1910) báo cáo về tình hình trong toàn cõi Đông dượng. Trong phần về Bắc-kỳ có đoạn nói đến việc áp dụng chữ quốc-ngữ.

2. Báo cáo chính trị tam cá nguyệt bốn, năm 1910 của thống xứ Bắc kỳ gởi toàn quyền Đông-dương (Hànội ngày 14. 1. 1911) 36 trang đánh máy. Trong phần nói về học chánh, Thống sứ trình bày những lý do, lợi ích của việc truyền bá quốc ngữ.

1. PHÚC TRÌNH CỦA TOÀN QUYỀN GỬI TỔNG TRƯỞNG THUỘC ĐỊA.

« Việc biết chữ quốc ngữ hiện nay đã phổ biến khá rộng trong giới dân chúng được chúng ta bảo hộ cho nên bất cứ người bản xứ nào muốn biết đều được học một cách dễ dàng. Đàng khác, việc học thứ chữ đó chỉ đòi hỏi rất ít cố gắng về trí tuệ và một thời gian ngắn. Do

đó, nó vừa sức của mọi người. Và việc phổ biến hình như không gặp một cản trở nào.

Việc phổ biến này thật đáng mong ước. Bằng cach làm cho những điều chúng ta viết được nhiều người đọc, chữ quốc-ngữ sẽ giúp chúng ta một cách mãnh liệt trong việc soi sáng và giáo hóa dân chúng. Bằng cách tăng gia việc giao dịch trực tiếp giửa người bản xứ và người Âu-Châu, nó sẽ thiết lập được một sự tiếp xúc mật thiết giửa người bảo hộ và người được bảo hộ.

Những chỉ dẫn vừa kể trên đã đủ chứng tỏ tác dụng tốt của chữ quốc ngữ đối với việc phát huy ảnh hưởng của chúng ta trong xứ và do đó chứng minh lợi ích mà chúng ta cần phải gia tăng nhằm mục đích trên. Đã có quyết định bên cạnh những tài liệu chính thức bằng chữ nho để công bố sẽ còn kèm theo một bản văn bằng quốc ngữ.

Về thư từ giữa quan bản xứ và hành chánh Pháp, giữa quan An-Nam với dân của họ, trong chừng mực có thể được cũng áp dụng quyết-định trên. Kể từ năm tới, sổ-sách hộ tịch sẻ in bằng quốc ngữ và chữ nho trong tất cả các làng mà những người biết chữ quốc ngữ sẻ làm cho biện pháp trên được thi hành dễ dàng. Trong một năm, tất cả những nhân viên bàn giấy của các quan không đọc, viết thạo chữ quốc ngữ sẽ không được thăng ngạch. Mọi sự dễ dàng sẽ dành cho họ để học biết thứ chữ đó.

Sau cùng trong các đề nghị thăng trật cho các Chánh,

Phó Tổng, và Lý trưởng, việc biết chữ quốc ngữ và lòng hăng say truyền bá nó sẽ được đặc biệt kể tới.

Từ những biện pháp trên, hệ thống ghi âm này đã mặc một giá trị thực tiễn rất lớn đối với người bản xứ. Nó không còn như nhiều người nghĩ, là một cách ghi ý tưởng được phổ biến rất hạn chế, không chính thức và giới quan lại nho sĩ không thèm biết đến. Và những ai chỉ cố gắng chút ít để hấp thụ nó, từ nay chắc chắn tiếp thu được những kết qủa cụ thể, sẻ hăm hở vùi đầu vào học thứ chữ đó.

Những phương thức ấn định để áp dụng biện pháp trên không gặp một trở ngại nào....

(Báo-cáo chính trị tam cá nguyệt 2 năm 1910 - Toàn quyền Đông dương gởi Tổng trưởng tnuộc địa Paris - Sàigòn ngày 24 . 8 . 1910 - Klobukowsky - Văn Khố Bộ Pháp Quốc Hải ngoại ký hiệu C. 10 - A. 20 (63).

2. PHÚC TRÌNH CỦA THỐNG SỨ BẮC KỲ GỬI TOÀN QUYỀN ĐÔNG DƯƠNG.

Trong đoạn chót về « Tinh thần dân chúng » Thống sứ Bắc kỳ viết :

« Như thế không phải là hết người bất mẫn. Luôn luôn vẫn còn một hạng gàn, những con cháu của quan lại thuộc chế độ cũ đã từ chức trong thời kỳ chinh phục hoặc thường xảy ra hơn, bị cách chức vì những hành động không trung thành với nhà nước bảo hộ. một hạng khác là những ngnời đỗ đạt trong các kỳ thi văn chương

hảnh diện với những cấp bằng của họ và bực tức khi thấy những chức vụ thường được trao cho người bản xứ không thông thạo như họ những kiến thức bằng chữ nho, nhưng lại có những kiến thức Tây phương và biết quốc ngữ. Phần lớn những người bất mãn gồm những nhà nho ít khả năng và bị loại trong các kỳ thi. Những ông sinh viên suốt đời đó không thể làm bất cứ một công việc nghiêm chỉnh nào vì chỉ biết có một nguồn cung cấp kiến thức là chữ nho. Họ kiếm ăn bằng cách dạy chữ nho hay thảo giấy tờ, đơn từ cho những tư nhân. Đó là những người cảm thấy họ không còn chỗ đứng trong trật tự mới đang được thiết lập nhờ ảnh hưởng của chúng ta. Do đó, thật dễ hiểu tại sao họ chống lại trật tự trên hết sức mình.

HỌC CHÁNH

Nhưng sự chống đối của họ không phải là không giảm trừ được. Dù sao chúng ta cũng giảm được một phần sự chống đối của họ. Việc cải tổ lại nền học chánh bản xứ đang được tích cực theo đuổi, sẽ giúp chúng ta rất nhiều về phương diện đó. Nhờ việc truyền bá chữ quốc ngữ, chúng ta giải thoát dân chúng khỏi sự lệ thuộc quá đáng của họ vào giới Nho sĩ. Nếu một số trong bọn họ không nhìn với con mắt thiện cảm những biện pháp liên quan đến việc truyền bá chữ quốc ngữ, quần chúng lại chấp thuận một cách hăm hở dụng cụ truyền thông tiện lợi mà chúng ta đã trao cho họ.

Việc dạy dỗ mà chúng ta đã làm trong các trường hàng tổng, hiện nay được tổ chức trong tất cả các tỉnh lớn, bằng cách soi sáng họ, đã làm cho họ thấy các kiến thức của các nhà nho là vô bổ. Nhưng việc thay đổi những lề lối giảng dạy và hấp thụ một tinh thần suy luận sẽ vô cùng chậm trể so với việc chấp nhận một thứ chữ viết mới. Chúng ta phải kiên nhẫn và nhờ vào sự trợ giúp của thời gian. Kỳ thi cuối năm học cấp I vào 12 tháng Chạp, người ta nhận thấy hầu như ở khắp nơi, những bài thi bằng quốc ngữ một cách tổng quát không kết quả tốt bằng những bài thi bằng chữ nho. Tuy nhiên, số thí sinh đã tăng lớn lao : 13.955 đã dự thi, và gần 7.000 đỗ. Kỳ tháng giêng vừa qua chỉ 4.407 thí sinh trúng tuyển trong số 8.855. Hiện nay ở Bắc kỳ có hơn 11.000 thanh niên tỏ ra có một vốn kiến-thức thông thường được dạy trọng các sách giáo khoa cấp I và hơn 20.000 biết chữ quốc ngữ. Chỉ nguyên kết quả sau cùng này cũng đã có một tầm quan trọng lớn lao về chính trị. Người ta có thể nói đó là từng ấy gia đình thoát khỏi sự thống trị của bọn nho sĩ.

Kỳ thi tuyển còn cho chúng ta một nhận định khác rất lý thú, trong số những thí sinh đỗ, một phần ba thuộc học sinh các trường tư. Một số đông giảng viên chữ nho chính họ cũng phải tự biến cải việc giảng dạy của họ, vì thuận ý hay vì nhu cầu, và theo những lề lối và chương trình trường công.

Đàng khác, việc đào tạo nhân viên giảng huấn cấp I còn cho phép chúng ta thu dụng một số nho sĩ và cung cấp cho họ một hoàn cảnh xứng đáng để sinh sống.

Trường Sư phạm, vừa được tổ chức nhằm đào tạo giáo viên trường tổng, tuyển người học trong số các thí sinh trượt ở các kỳ thi triều đình. Kỳ thi nhập học vào trường này được tổ chức trong nhiều tỉnh trong tháng Chạp. Trường hậu bộ, năm ngoái được tăng cường một Ban Sư phạm cũng lôi cuốn càng ngày càng đông những người thi đậu các kỳ thi văn chương cũ. Kỳ thi nhập học Ban Sư phạm tổ chức tam cá nguyệt vừa qua, 93 thí sinh đều là Cử nhân hay Tú tài đã ghi danh, và 83 đã dự thi trong khi học bổng chỉ có 10. Do đó những nho sĩ xung-khắc với ảnh-hưởng của chúng ta càng ngày càng trở nên ít ỏi.

Sau cùng, việc cải tổ học chánh bản xứ sẽ làm cho nền học chánh cổ truyền đó xích lại gần nền học chánh Pháp Việt và một ngày kia có thể sát nhập cả hai làm một. Sự sát nhập đó được chuẩn bị bằng cách tổ chức lại nền học chánh Pháp Việt như Hội đồng Cải cách Học chánh đã hiểu. Thực ra không nên dấu diếm việc sát nhập hoàn toàn sẽ rất khó thực hiện, nhưng có thể làm cho hai nền học chánh từ trước đến nay không có gì chung, xích gần nhau ; và chúng ta có một lợi ích -chính trị lớn lao vào bậc nhất nếu biến đổi và bổ xung nền học chánh Pháp Việt bằng một nền văn hóa cổ truyền cần thiết.

Lý do là vì chúng ta không thể ngăn chặn mãi mãi những thanh niên An-nam được đào tạo trong các trường của chúng ta vào các ngạch trật của nền hành chánh bản xứ. Vậy mà những người tốt nghiệp ở các trường trên hiện nay không có văn hóa cổ truyền và kiến thức cần thiết để được tuyển dụng làm quan. Do đó, cần thiết

phải tổ chức nền học chánh Pháp Việt thế nào để các sinh viên đã theo học có thể được coi như ngang hàng với những người đậu các kỳ thi Hương Hội, sau khi họ tốt nghiệp.

Đó là mối bận tâm trội bật trong các buổi thảo luận ở Hội đồng Cải Cách, nhưng phiền thay, tôi sợ rằng còn lâu mới thực hiện được tất cả những thỉnh nguyện của Hội đồng trên vì thiếu ngân khoản...

(Báo cáo Chính trị và Kinh tế tam cá nguyệt Bốn, 1910 — Phòng 2 — Thống sứ Bắc kỳ gửi Toàn quyền Đông dương Hànội ngày 1.1.1911 — Ký hiệu A. 20 (63).

D. NHỮNG HOẠT ĐỘNG TRANH LUẬN CẢI CÁCH CHỮ QUỐC NGỮ.

Qua những tài liệu trên, chúng ta thấy thực dân Pháp đã nhận ra chữ quốc ngữ là một công cụ tốt, tiện lợi cho việc xâm lược tinh thần người Việt nhằm bảo vệ lâu dài chế độ thuộc địa (tuyên truyền ảnh hưởng Pháp và tiêu diệt ảnh hưởng nho sĩ).

Trong con mắt của thực dân, chữ quốc ngữ chỉ là thứ chữ bình dân, không phải thứ chữ của văn hóa, chữ Pháp chữ nho mới là chữ văn hóa. Tuy nhiên nó là bình dân tiện lợi, dễ học nên phải điều chỉnh cho nó thật hợp lý.

Ngay từ đầu thời kỳ xâm lược, nhiều học giả thực dân đã để ý tìm hiểu tiếng Việt, chữ quốc ngữ và nhận ra việc ghi âm tiếng Việt bằng chữ cái La tinh của các cố đạo có nhiều chỗ không hợp lý. Họ bắt đầu tranh luận

với nhau về nguồn gốc, tính chất tiếng Việt để dựa trên cơ sở đó đề ra những tiêu chuẩn cải cách việc ghi âm.

Những ý kiến nhận xét của họ đưa ra đôi khi xác đáng có vẻ do một công trình nghiên cứu khoa học, nhưng thường cũng bị cái nhìn hoặc chủ đích thực dân chi phối trong việc giải thích và xác định công dụng của tiếng nói chữ viết quốc ngữ.

Janneau, người đầu tiên dịch « Lục Vân Tiên » bản Nôm ra chữ quốc ngữ cho rằng tiếng Việt gần gũi với tiếng của các dân tộc Aryen ; tuy Janneau không phủ nhận tiếng Việt liên hệ với chữ nho, nhưng trong hai bài khảo cứu liên tiếp về nguồn gốc tiếng Việt, Janneau có tìm ra những yếu-tố chứng minh tiếng Việt bắt nguồn từ những tiếng Aryen (1).

Abel des Michel lại chủ trương tiếng Việt không thể liên hệ với bất cứ họ hàng ngữ ngôn nào, kể cả chữ nho. Nó là một tiếng nói độc lập ! Đa số những từ gốc tiếng An nam không thể giải thích bằng chữ nho và cú-pháp của hai tiếng hoàn toàn khác nhau. Không có một gia đình ngôn ngữ nào có thể ghép tiếng Việt vào được, vì hình như tiếng Việt là một thổ ngữ biệt lập và độc lập (1).

Còn đối với Aubaret, tiếng Việt chỉ « là một phương

(1) Essai sur l'origine de la langue Annamite (Bulletin de la Sociéte des Études Indochinoises de Sg 4è semestre 1883 trg 187-200) và de l'étude Pratique de la langue Annamite vulgaire (B. SE, I semestre 1884 trg 21-34).

(1) La nature et les origines de la langue annamite. Revue critique trg. 380. tome XVII, 1884.

ngôn của tiếng Hán » (2).

Landes người dịch, bình bằng tiếng Pháp « Nhị độ Mai » cũng cho tiếng Việt « là một tiếng địa phương Trung quốc » vì vay mượn rất nhiều của chữ nho. Các thừa sai chỉ nghĩ đến việc ghi âm thuần túy theo chữ cái Latinh nên bây giờ chữ quốc mới gặp nhiều trường hợp ghi âm không hợp lý (3).

Nhưng người đầu tiên đưa ra một cái nhìn qui mô về tiếng Việt, chữ quốc ngữ, đồng thời đề nghị một cải cách triệt để chữ quốc ngữ là Aymonier trong bài « những ghi âm của chúng ta » (nghiên cứu về hệ thống chữ viết bằng mẫu tự La tinh áp dụng ở Nam kỳ thuộc Pháp) (4). Theo Aymonier vấn đề chữ viết có một tầm quan trọng lớn lao cho tương lai công trình của nước Pháp ở Đông dương, nhưng Aymonier phàn nàn vì « từng triệu triệu bạc đã được chi tiêu từ ngày chinh phục chiếm đóng đến nay để truyền bá sự hiểu biết về ghi âm của các thừa sai, được coi như cơ sở cho việc giáo huấn những người Á đông của chúng ta.

Nhưng những kết quả của việc giáo huấn đó có đáp lại biết bao hy sinh không ? Người ta có thể nói một cách đùa cợt không qúa đáng, vì không phải là không có nền tảng, là chúng ta đã chỉ đào tạo được một đạo quân

---

(2) Grammaire de la langue annamite. Paies 1864 trg. 1.

(3) Notes sur la langue et la littérature annamite. Excursions et Recomaissance trg. VIII 1884. Sg trg. 123.

(4) Nos transcriptions (Étude sur les systèmes d'écriture en caracteres adoptés en cochinchine Francaise) Exursions et Reconnaissances, tome XII N. 27 Mai Juin 1886 trg. 31-32.

những Thầy ký viết nắn nót thật giỏi và việc đẽo gọt bút chì của họ cũng rất tài tình. Để tìm thấy dấu vết, hầu như là chưa sờ thấy được của ảnh - hưởng chúng ta trên tư tưởng dân tộc bị chinh phục, phải ra khỏi những trường công lập quái gở dạy chữ quốc ngữ tiếng bản xứ để chỉ việc ghi âm của các thừa sai, và đi ra ngoài mà nghe dân chúng bình dân hát nói... những kết qủa mỏng-manh thu lượm được thật không cân xứng chút nào với những cố gắng đã làm ». Lý do sâu xa, theo Aymonier không phải chỉ ở một vài chỗ lệch lạc trong hệ thống ghi âm đã được chấp nhận, nhưng từ căn bản. Việc ghi âm đã được đặt vào những chiều hướng sai lầm và Aymonier đề nghị một sửa đổi chữ quốc ngữ thành một lối chữ đơn giản, chính xác hợp lý mà không phải cần dựa vào một ngôn ngữ Âu châu nào cả.

Nguyên tác căn bản Aymonier đề ra là : « *Sự đối ứng chặt chẽ, tuyệt đối giữa các thứ tiếng phải diễn tả và những chữ được chọn để biểu lộ những tiếng đó : nghĩa là mỗi tiếng bao giờ cũng chỉ được biểu lộ bằng một chữ duy nhất và chữ đó chỉ diễn tả tiếng-đó mà thôi* »

Sau khi đưa ra những nhận xét đề nghị cụ thể về cải cách chữ quốc ngữ, Aymonier đã bày tỏ chủ đích của việc cải cách này :

« Không thể quan niệm được một sự đô hộ của nước Pháp mà không có một lối chữ viết tiếng Việt bằng chữ cái Âu châu ; chúng ta những người giáo hóa dân chúng bị chinh phục, có bổn phận phải làm cho việc diễn tả

này thành đơn giản rỏ rệt, hợp lý và đó là mục đích duy nhất của công trình nghiên cứu trên ».

Landes trong một bài khác về chữ quốc ngữ (1) không đồng ý về những đề nghị cải cách triệt để của Aymonier. Theo Landes, chữ quốc ngữ chỉ là một chữ cho bình dân bậc tiểu học, để đọc các thông cáo, nghị định, sách báo phổ thông cần thiết cho đời sống hằng ngày, còn chữ Pháp, chữ nho mới là chữ của văn hóa, văn học dùng ở bậc trung học, đại học. Nó chỉ là chữ bình dân, nên không thể biến thành ngôn ngữ thông thái vì sẽ rất khó hiểu ; sở dĩ khó hiểu vì nó phải vay mượn chữ Hán và không thể không vay mượn : « Cái tiếng An-nam thông thái này, phải nhận rằng nó đặc biệt khó hiểu và đây là lúc phải tìm hiểu những nguyên nhân của sự kiện không thể chối cải trên. Những nguyên nhân này, tất cả đều do việc ghi âm bằng chữ cái Lamã. Nếu người ta tiếp tục viết tiếng An-nam bằng những chữ Nôm, có thể sẽ khó học để đọc hơn, nhưng trái lại chắc chắn sẽ vô cùng dễ hiểu hơn.

Việc biểu thị bằng tượng hình là chữ viết tự nhiên của các ngôn ngữ đơn âm ít ra lúc những tiếng đó đạt tới một trình độ phát triển nào đó, và đây là trường hợp tiếng Hán, tiếng An-nam.

Tiếng An-nam để có thể dễ hiểu, đáng lẽ đã phải giữ lại lối chữ viết là chữ Nôm, và mặc dầu cái hình thức

---

(1) Notes sur le quốc ngữ. Bulletin de SET 1er Semestre 1886.

Trung quốc của nó, việc đọc thứ chữ đó không quá khó khăn như người ta tưởng.

Để có thể đọc được, chỉ cần thiết lập cho nó một chính tả. Nói cách khác, theo Landes chữ quốc ngữ chỉ có thể tiện lợi cho nhu cầu hằng ngày và nó không thể trở thành một chữ viết của văn chương, văn hóa, thông thái. Những khó khăn bế tắc đương nhiên đặt ra khi muốn biến nó thành một thứ chữ của văn chương, khoa học và rất khó giải quyết, nhất là bằng những nghị định cải cách.

Vậy chỉ có cách :

1. Nếu muốn diễn tả văn chương, kiến thức cao, phải dùng lại chữ Nôm và chỉnh lý lại chính tả cho nó, do một Hàn Lâm Viện An-nam qui định.

2. Chữ quốc ngữ chỉ dùng cho việc giao thiệp hàng ngày, tuy có nhiều chỗ ghi âm không hợp lý, nhưng tốt hơn là « giữ nguyên cái chúng ta đã có » không nên đụng tới lối chữ ghi âm của các thừa sai.

Còn nếu có sửa chữa thì phải để cho sự thông dụng sửa chữa chứ không phải mấy ông cải cách sốt sắng, áp đặt một sửa chữa bằng những nguyên tắc này nọ...

Roucoules, Giáo-sư, Giám đốc trường Chasseloup-Laubat, đứng ở quan điểm nhà nước với tư cách một công chức, bênh vực chính sách giáo dục và chủ trương dạy chữ quốc ngữ của nhà cầm quyền. Roucoules cho rằng không nên đề cao cũng không nên hạ thấp vai trò chữ quốc ngữ

nhưng nhìn nhận công dụng đích thực của nó là cần thiết cho nền giáo dục cấp tiểu học và sự giao dịch hằng ngày. Nhà bưu điện nhận được nhiều thư gửi, đó là bằng chứng cho thấy người An-nam học dễ dàng chữ quốc ngữ để có thể thư từ trao đổi giao dịch... Và do đó chứng tỏ sự tiện lợi của chữ quốc ngữ. Roucoules đả kích những chỉ trích dùng chữ quốc ngữ hoặc những khuyết điểm của thứ chữ đó, đặc biệt nhắm vào các thừa sai. Roucoules cho biết lúc đầu nhà nước phải nhờ các thừa sai, thầy dòng, dì phước dạy học và dạy chữ quốc ngữ ngay cả trong Chủng viện, nên số tiền trợ cấp cho các cơ sở giáo dục của những người kể trên thật lớn (160.000 quan mỗi năm) về sau con cái người sang Pháp sang càng đông, đòi hỏi mở trường công lập buộc nhà cầm quyền phải rút bớt trợ cấp cho trường đạo, đồng thời kiểm soát việc giảng dạy trong các cơ sở giáo dục thuộc tôn giáo được trợ cấp. Tình hình đó đưa đến sự kiện trường đạo phải đóng cửa vì mất trợ cấp và nhất là sự chống đối của thừa sai về việc dạy chữ quốc ngữ. Theo Roucoules sở dĩ thừa sai chống đối việc truyền bá một thứ chữ viết do chính họ tạo ra chỉ vì họ không được trợ cấp để làm việc đó nữa.

« Nhưng tinh thần bè cánh ở nơi những người chống lại việc phổ biến chữ viết mà họ đã tạo ra đã nẩy sinh khi họ thấy thứ chữ viết đó, chuyền sang tay người khác có thể gây ra một cạnh tranh với ảnh hưởng của họ ».

Rồi Roucoules mỉa mai thừa sai : « 200 năm mà chỉ làm cho 500.000 người trên 30.000.000 (?) dân trở lại đạo

và được như thế là nhờ dựa vào sự hộ trợ những ảnh hưởng cao cấp, sự trở lại đạo dễ dàng của người Annam, mặc dầu chỉ một bao gạo, một sự trở lại không đắt lắm, nhưng ai đảm bảo được mức độ thành thật sự trở lại đó». (1)

Năm 1902, chính phủ Pháp ở Đông dương triệu tập một Hội Nghị Quốc Tế khảo cứu về Viễn-đông lần thứ nhất tại Hànội có 6 nước và 30 cơ quan nghiên cứu khoa học các nơi cử đại biểu tham dự Hội nghị. Những tranh luận về tiếng Việt, chữ quốc ngữ sôi nổi như vậy trong các giới học giả thực dân không thể không có âm hưởng trong Hội nghị. Do đó, Hội nghị cử ra một tiểu ban chữ viết ghi âm gồm 9 người : Cheon, Babonneau,, Cadiere, Dumortier, Finot, Gereni, Hoàng trọng Phu, Pelliot, Simonier, nhằm mục đích bàn cãi việc cải cách chữ quốc ngữ.

Tiểu ban đưa ra trước Hội nghị một đề nghị:

« Hội nghị xét rằng một ghi âm tiếng Án-nam đơn giản và hợp lý hơn hệ thống ghi-âm đang được xử dụng hiện nay rất ích lợi cả về mặt thực tế và về mặt khoa học, chấp thuận bản báo cáo của tiểu ban ghi âm, và thỉnh nguyện Toàn quyền Đông dương chấp thuận những sửa đổi được đề nghị ».

---

(1) Etude sur l'instruction publique. Bulletin de la SEI 2ème semestre 1889 trg. 25 - 24

- Lefrançais, Le Quốc ngữ et l' enseignement Public en Indochine. Bulletin de la SEI 1er semèstre 1890 trg . 5 - 17 .

Nhưng dự định cải cách bị nhiều người chỉ trích.

Đại-úy Bonifacy cho rằng tiểu ban không chứng minh được dự định cải cách chữ quốc ngữ mới có những thuận lợi hơn chữ quốc ngữ đang được thông dụng. Ngoài ra về mặt thực hành, việc cải cách chỉ làm cho nhiều người An-nam mới làm quen với chữ quốc ngữ sẽ gặp khó khăn hoặc phải học lại từ đầu hoặc phải bỏ sở làm.

Cadière ở trong tiểu ban cũng không đồng ý với dự định cải cách. Xét trên phương diện khoa học, Cadière nhìn nhận hệ thống ghi âm mới hợp lý hơn hệ thống ghi âm cũ, nhưng về mặt thực hành, việc cải cách gặp những khó khăn nghiêm trọng đến nỗi phải từ bỏ sự sửa đổi. Đứng ở phương diện thực hành, Cadière nêu 6 điểm chống đối :

1. Không thể loại bỏ những khó khăn gắn liền với lối ghi âm tiếng Việt và mọi hệ thống ghi âm đều không thể hoàn toàn.

2. Không thể gán cho chữ quốc ngữ những khuyết điểm gắn liền với chính bản thân của tiếng Việt.

3. Hệ thống ghi âm do tiểu ban đề nghị loại bỏ một số khó khăn, trái lại gây ra những khó khăn khác.

4. Việc sửa đổi chữ quốc ngữ sẽ làm cho một số lớn sách không thể đọc được như những tự điển của Taberd Genibrel, giáo trình và tuyển tập văn của Chéon.

5. Một số đông người Việt không biết chữ nho, và chỉ biết chữ quốc ngữ, trở thành mù chữ.

6. Cả một loạt dụng cụ nhà in sẽ trở thành vô dụng. Nocentini nhận xét vì chỉ có những ý kiến chống đối về phương diện thực tế nên yêu cầu Hội nghị chấp thuận dự định cải cách tạm thời về phương diện khoa học. Ý kiến của Nocentini được tán thánh coi như một lối thoát dung hòa của Hội nghị. Sau cùng hội nghị đã nhất trí thông qua một kiến nghị sau đây :

«Hội nghị xét lợi ích về phương diện khoa học của một lối ghi âm đơn giản hợp lý tiếng An-nam, đề nghị trường Viễn đông Bác cổ ấn định một hệ thống đáp ứng tất cả những điều kiện mong muốn trên những căn bản do tiểu ban đề nghị, để dùng trong việc nghiên cứu khoa học». (1)

Như vậy vấn đề cải cách chữ quốc ngữ vẫn còn trong vòng nghiên-cứu tranh luận lý thuyết, chưa đem ra áp dụng được.

Đứng trước những khó khăn trong việc sửa đổi chữ quốc ngữ, một số người Pháp lại xoay ra bênh vực chữ nho, chữ nôm, chỉ trích việc cưỡng bách dùng chữ quốc ngữ vì việc cưỡng bách này kèm theo việc bãi bỏ chữ nho, chữ nôm rất thịnh hành lúc người Pháp sang vừa làm suy giảm trình độ đạo đức của dân chúng, vừa ném tất cả nền văn chương củ vào quên lãng.

---

(1) Textes et documents relatifs à la reforme du Quốc ngữ, gouvernement général Hanoi 1907 trg. 7.

Trong tạp chí «Revue Indochinoise» T. K. Q. B (đoán là Bonifacy) (2) nhận xét chữ quốc ngữ để cho người Pháp học thì rất tốt và cho người Việt để giao dịch thông thường cũng tốt, nhưng không thể để cho nó thay thế chữ nho, biến thành một thứ chữ của văn học, văn hóa.

Chữ quốc ngữ chỉ ghi âm, không ghi ý, không thể dùng để diễn tả văn chương được. Theo B. người Việt chỉ biết chữ quốc ngữ cũng tựa người Pháp chỉ biết chữ tốc ký Duployé và không thể đọc được ngay cả truyện cổ tích Perrault. Do đó, cần giữ lại nền học vấn củ bằng chữ nho.

Một ông quan nhà binh khác Đại-tá Diguet cũng nêu lên những ý kiến tương tự (3) chữ quốc ngữ chỉ để cho người Âu châu học tiếng Việt thông thường.

« Thật là lầm khi chúng ta coi chữ quốc ngữ như chữ viết chính thức ở Nam kỳ. Làm như vậy chúng ta đã theo đuổi mục tiêu cắt đứt một cách hoàn tất những ràng buộc của dân chúng được chúng ta bảo hộ với văn minh Trung Hoa. Đó là một khuynh hướng hoàn toàn chính đáng ở nơi dân tộc đi chinh phục, nhưng đáng lẽ phải theo đuổi mực tiêu đó một cách từ từ thì khôn ngoan hơn. Và thay thế dần dần nền văn minh của chúng ta vào nền văn minh mà chúng ta muốn loại bỏ.

---

(2) Le Quốc ngữ et les caracterès so 5. /15. 3 1904 trg. 265-267.

(3) De la langue annamite parlée et écrite. Revue Indochinoise 1er semestre 1905 trg.206.

Việc ngăn cấm dùng chữ nho trong giấy tờ chính thức và thay thế ở khắp mọi nơi học chữ quốc ngữ vào chỗ của chữ viết đích thực đã tạo ra hậu quả là làm cho trẻ con không còn biết nền học vấn của đạo lý Khổng Tử dạy cho nó những luật lệ chung của mọi tôn giáo nhưng ở hàng đầu dạy sự tôn kính Cha Mẹ, thầy dạy và người cai trị. Hậu quả trực tiếp của việc bãi bỏ nền giáo dục luân lý nơi trẻ nhỏ, ít ra ở nơi những trẻ không học luân lý Thiên Chúa giáo, nghĩa là ở nơi đa số, đó là sự gia tăng đáng kể tội phạm. Một hậu quả thứ hai của việc bãi bỏ chữ nho ở Nam kỳ là đưa dân chúng của xứ này vào sự quên lãng cả một nền văn chương tạo ra cho đến bây giờ lý tưởng mà những tầng lớp ăn học của cả một xã hội vẫn nuôi dưỡng ».

Do đó Diguet chủ trương duy trì chữ nho , vì chữ quốc ngữ không phải là thứ chữ của văn thơ, tư tưởng triết lý và hơn nữa có dịch ra chữ quốc ngữ văn thơ triết lý cũng không hiểu được.

Vào thế kỷ XX, thực dân Pháp đã mở nhiều trường học ở Nam kỳ rồi Bắc kỳ, Trung kỳ đặc biệt những trường dạy chữ quốc ngữ. Đương nhiên vấn đề sách giáo khoa đặt ra phải được soạn thế nào, theo lối chữ viết nào. Đây không còn là chuyện nghiên cứu khoa học, lý thuyết, nhưng là chuyện thực hành.

Do đó vấn đề cải cách chữ quốc ngữ lại được đem ra thảo luận ở Hội Đồng cải cách học chánh Đông

dương và các Hội đồng học chánh Bắc kỳ Trung kỳ Nam kỳ.

Trong phiên họp ngày 21. 4. 1906 ở Hànội, Hội đồng cải cách học chánh Đông dương đã thông qua một đề nghị cải cách chữ quốc ngữ dựa trên tiêu - chuẩn làm cho chữ quốc ngữ gần với chữ Pháp hơn và ghi âm hợp lý đơn giản hơn.

Đề nghị cải cách này được toàn quyền Đông dương chấp thuận và ký ngày 16. 5. 1906. Nghị định các sách giáo khoa bằng tiếng Việt từ nay trở đi phải được viết bằng chữ quốc ngữ cải cách (1). Một vài người Việt như Đỗ Thận sau đó đã soạn « sách quốc ngữ mới» (nouvel alphabet quốc ngữ nhà in Schneider Hanoi 1907). Nhưng dự định cải cách được Toàn quyền chấp thuận vẫn bị nhiều người chỉ trích, thậm chí còn cho rằng thua xa, thụt lùi so với dự định đề nghị hồi 1902. Đặc biệt Linh mục Cadière (2) đã viết một loạt bài để phản đối dự định cải cách.

Trước sự phản đối của nhiều người có uy tín, nha học chánh Đông dương buộc lòng phải hoãn việc thi

---

1) Arrêté du gouvernement général de l' indochine instituant un concours pour la rédaction des manuels scolaires. journal officiel de l' indochine frse: 11. 6. 1906 hay Textes et documents rélatifs à la reforme du quốc ngữ trg . 10.

2) La question du quốc ngữ. Báo L' Avenir du Tonkin từ 24. 9 đến 10. 10. 1906.

hành cải cách chữ quốc ngữ trong các trường và để cho các ủy ban cải cách học chánh ba kỳ tùy ý định liệu.

Ủy Ban Nam kỳ (phiên họp 23. 11. 1906) gạt bỏ việc cải cách bằng một kiến nghị thông qua như sau:

«Ủy Ban địa phương cải cách học chánh Nam kỳ nhìn nhận nguyên-tắc sửa đổi chữ quốc ngữ, nhưng cho rằng việc nghiên cứu đó làm trong tinh thần đơn giản hóa và sát gần với tiếng Pháp chỉ có thể tiến hành tốt do ủy ban địa phương ở Nam kỳ và không thể bị áp đặt một cách cấp bách trong bất cứ trường hợp nào».

Ủy ban của Bắc kỳ đề nghị tạm thời giữ nguyên tình trạng. Còn Ủy Ban Trung kỳ chấp nhận sửa đổi, nhưng chỉ gồm một vài điểm mà thôi.

Trước tình trạng chống đối như trên, trong kỳ họp lần thứ hai, Hội đồng cải cách học chánh Đông dương (1907) đã thông qua kiến nghị giữ nguyên chữ quốc ngữ không cải cách.

Ba năm sau, Dubois lại nêu lên vấn đề cải cách chữ quốc ngữ (1) trong một cuốn biên khảo về tiếng Việt và tiếng Pháp, nhưng không còn có người hưởng ứng. Phần đông người Pháp cho rằng chữ quốc ngữ đã được thử thách có thể tồn tại không cần sửa chữa, bằng cớ là nó đã đắc thắng chữ Nôm chữ nho (2).

xXx

---

(1) Annamite et francais Hanoi Hải phòng 1910.

(2) Jules Roux, le triomphe définitif en Indochine de la langue annamite à l'aide des caractères Romains ou Quốc ngữ. Paris 1912.

Rõ ràng người Pháp đã rất chú ý đến việc truyền bá chữ quốc ngữ, cả việc cải cách thứ chữ đó dựa trên những công trình nghiên cứu khoa học.

Nhưng rõ ràng sự tha thiết với chữ quốc ngữ ở đây không phải là yêu tiếng Việt, nhằm phát huy văn hóa dân tộc (trừ một vài người thành thực như Cadière), nhưng vì nó là một công cụ chính trị tiện lợi, nhằm thực hiện những mục tiêu chính trị của thực dân.

Những người Việt tha thiết về việc truyền bá chữ chữ quốc ngữ, được đặc biệt lưu ý coi như một điểm đáng kể hàng đầu trong những đề nghị thăng-thưởng cũng không phải vì mục đích văn hóa, dân tộc, nhưng vì quyền lợi, và do đó khách quan cộng tác với một chính sách xâm lược tinh thần của thực dân chống lại dân tộc, tổ quốc.

Chính vì chữ quốc ngữ bị lợi dụng như một công cụ gắn liền với những chính sách xâm lược tinh thần của thực dân, nên các nho sĩ yêu nước đã chống lại sự lợi dụng trong việc truyền bá chữ quốc ngữ của thực dân.

Nhưng sau khi nhận ra chữ quốc ngữ chỉ lợi cho địch, vì ở trong tay địch, và hại cho ta, vì không ở trong tay ta, giới sĩ phu đã tranh đoạt lại lợi khí trên và biến nó thành một phương tiện kêu gọi lòng yêu nước lợi cho ta và hại cho thực dân.

Tóm lại, việc tìm hiểu chữ quốc ngữ và việc phổ

biến nó trong giáo dục văn học phải được đặt trong «bối cảnh lịch sử» của nó, nghĩa là trong một trận tuyến đấu tranh chính trị trên mặt trận văn hóa, văn học, giữa ta và thực dân Pháp, mới thẩm định một cách nghiêm chỉnh ý nghĩa, giá trị những chủ trương, hành động liên quan đến việc truyền bá, đề cao chữ quốc ngữ. Nói cách khác, không phải cứ nói đề cao chữ quốc ngữ là yêu nước vì có những người yêu nước, chống thực dân, trong một hoàn cảnh nhất định đã chống lại việc truyền bá chữ quốc ngữ. Vấn đề phải xét ở đây, không phải chỉ là nói *cái gì* - mà chủ yếu là ai nói, đứng ở bên nào trong trận tuyến, và nói nhằm mục đích gì?

Do đó, muốn tìm hiểu một cách xác đáng cái gọi là công trình truyền bá quốc văn quốc ngữ của những nhà văn tiền phong, của Đông dương tạp chí, Nam phong tạp chí, phải đặt nó trong chính sách lợi dụng chữ quốc ngữ của thực dân và thẩm định công trình của nó trong khuôn khổ sự lợi dụng chính trị trên.



II

Văn Quốc Ngữ

II. VĂN QUỐC-NGỮ

Muốn tìm hiểu một cách nghiêm chỉnh nền văn học chữ quốc ngữ lúc ban đầu, phải đặt nó vào trong hoàn cảnh lịch sử dân tộc cuối thế kỷ XIX, và rõ hơn nữa, trong chính sách lợi dụng chữ quốc ngữ của thực dân.

Nói về văn học chữ quốc ngữ thời kỳ đầu, những luận điểm sau đây thường được nêu lên trong nhiều sách văn học sử :

1. Những Pétrus Ký, Paulus Của, Nguyễn Văn Vĩnh, Phạm Quỳnh v.v... là những nhà văn *tiền phong* của nền văn học chữ quốc ngữ.

2. Nhờ những nhà văn tiền phong đó mà chữ quốc ngữ đã đắc thắng chữ nho, chữ nôm, đồng thời đưa chữ quốc ngữ, chỉ được sử dụng trong lãnh vực tôn giáo sang lãnh vực xã hội, văn học.

3. Những nhà văn tiền phong trên cũng là những người đã *chủ trương* những tờ báo bằng chữ quốc ngữ đầu tiên (như Gia Định báo) và *đề xướng* việc dịch cổ văn ra quốc văn.

4. Do đó, hiển nhiên những nhà văn tiền phong này là những người có công rất lớn với nền văn học chữ quốc ngữ lúc ban đầu : họ là những nhà cách mạng, Ông Tổ văn học cận đại.

5. Nhận định về sự nghèo nàn ngưng đọng của văn học quốc ngữ ở Nam kỳ sau Pétrus Ký, nguyên nhân được nêu lên vì mấy nhà văn tiền phong trên là những nhà cách mạng quá tiến bộ, đi trước thời đại quá sớm, nên không ai theo kịp và đất Nam Kỳ là đất mới, chưa thuận tiện cho việc phát hủy văn học.

Trong « *nhà văn hiện đại* » Vũ Ngọc Phan đã dành tập I cho những « nhà văn đi tiền phong » hồi mới có chữ quốc ngữ như Pétrus Trương-Vĩnh-Ký, nhóm Đông dương tạp chí, Nam phong tạp chí.

Ông Vũ Ngọc Phan nhận định « chữ quốc ngữ do người theo đạo Thiên Chúa dùng đầu tiên, song ngoài phạm vi đạo giáo, người Nam Kỳ là những người Việt Nam đã dùng chữ quốc ngữ trước nhất. Nhưng chữ quốc ngữ có được mẫu mực và được lan rộng ở Nam Kỳ sớm hơn cả là nhờ mấy nhà học giả đã thâu thái được học thuật Âu Tây trong hồi người Pháp mới đến nước Nam. Trong số những nhà học giả Việt Nam theo Tây học ấy, người ta phải kể đến hai người có tiếng nhất là Trương-Vĩnh-Ký và Huỳnh-Tịnh-Trai, tức Paulus Của » (1).

Trong « *Bảng lược đồ văn học Việt Nam* » (quyển-hạ) Thanh Lãng đã nhận định về Trương-Vĩnh-Ký :

---

(1) Nhà văn hiện đại quyển nhất «nhà xuất bản Vĩnh Thịnh - Hànội, 1951 trang 20 ».

« Sự nghiệp của Trương-Vĩnh-Ký còn để lại cho ta thấy ông xứng đáng là một *bậc chỉ đạo* của thời này, là *linh hồn* của thế hệ 1862, ông thầy khai đường mở lối cho thế hệ đến sau tức thế hệ 1913 . . .

. . . Riêng đối với văn học mới, công của ông thật vô cùng lớn lao, sự nghiệp của ông đã xây dựng một cơ sở vững chãi cho chữ quốc ngữ còn đang ở thời kỳ phôi thai. Từ đấy trở về trước, chữ quốc ngữ chỉ hoạt động vỏn vẹn trong phạm vi các Giáo đoàn Thiên Chúa giáo. Với ông thứ chữ ấy vượt ngưỡng cửa của nhà thờ mà đột nhập vào xã hội Việt nam. Rụt rè hơn, Nguyễn Trường Tộ là người đã dám đề nghị dùng « Quốc âm Hán tự ». Trương Vĩnh Ký là chiến sĩ hăng hái của chữ viết mới. Có thế lực trong Nha học chánh ông đã yêu cầu cưỡng bách việc học chữ quốc ngữ trong các trường tiểu học. Tất cả sự nghiệp của ông, bởi vậy không ngoài hai mục đích : truyền bá chữ quốc ngữ, và luôn thể, phổ thông sự học trong dân gian. Chính do ảnh hưởng của ông và Huỳnh Tịnh Của mà chữ quốc ngữ phát đạt rất sớm ở Việt Nam và dùng nơi đây làm bàn đạp để chuẩn bị ngày Bắc tiến. Ông là một trong những tay kiện tướng làm sụp đổ tại Nam-Việt, chế độ khoa cử thoái trào, và qua đó nền thống trị của cựu học... Với linh mục Bỉnh (của thế kỷ (XVIII) mới chỉ chớm nở, với Trương Vĩnh Ký, mới thật khai mở một kỷ nguyên mới : Kỷ nguyên văn suôi.

Với Trương Vĩnh Ký, văn suôi Việt Nam bắt đầu hứa hẹn một ngày mai tươi sáng : một cuộc cách mạng toàn diện đã do ông lãnh đạo. Nói tóm lại Trương Vĩnh Ký

về mọi phương diện đều xứng đáng là ông tổ văn học mới. Về Huỳnh Tịnh Của, Thanh Lãng cho là «một trong những người khởi xướng phong trào báo chí ở Việt Nam và sáng lập ra tờ báo đầu tiên là tờ Gia Định báo (1865)» (1).

Phạm Thế Ngũ kết luận về sự manh nha văn quốc ngữ ở Nam kỳ, cũng đã đề cao công lao của mấy nhà văn tiền phong : «Ta thấy như vậy, công lao mấy văn gia Nam kỳ đóng góp cho văn học mới lúc khai sanh không phải là không đáng kể. Họ đã *đề xướng (2)* lên những công việc mà rồi nhóm Nam phong ngoài Bắc tiếp tục như : phiên âm văn nôm cũ khảo cứu về văn hóa và chế độ nước nhà—sưu tầm những ca dao cổ tích của ta – dịch thuật ngoại văn ra quốc ngữ...

Tuy nhiên điều làm chúng ta ngạc nhiên là công cuộc của họ không được hưởng ứng, không được tiếp tục ở ngay Nam kỳ. Quốc văn mới sau đó, ở đây chìm vào một tình trạng đình đốn...

Kể cũng đáng ngạc nhiên. Sau việc *đề xướng (2)* do Trương Vĩnh Ký và Huỳnh Tịnh Của, người ta chờ đợi ở miền Nam một sự nảy nở tốt đẹp của văn học mới. Song những mầm manh nha lui dần. Quốc văn miền Nam

---

(1) Bảng lược đồ văn học Việt Nam (quyển hạ) — Nhà xuất bản trình bày 1967, Saigon, trang 31, 32 33, 34, và 35.

(2) Việt Nam văn học sử Giản ước Tân biên, tập III Quốc học tùng thư Sài gòn, trang 84-85. Chúng tôi gạch chữ *đề xướng*.

sau đó lâm vào một tình trạng ngưng trệ và nghèo nàn hết sức. Tại sao vậy ? Vì Nam kỳ không hiến hoàn cảnh thuận lợi cho sự phát triển văn học, nhất là văn học quốc gia. Gia định là đất mới. Dân chúng vừa thưa, ít, vừa chưa được thuần nhất. Luống cầy nho-gia chưa đào xới được sâu thì người Pháp đến. Sự sáng tác văn học sự ưa chuộng văn chương, sự trồng trọt thi văn ở đây chưa có truyền thống sâu xa, nên kém tiềm lực, kém khả năng. Hai ông Trương Vĩnh Ký và Huỳnh Tịnh Của là những vì sao mọc quá sớm. Họ dóng lên những tiếng chuông có giá trị song « điệu cao hoa quả ». Người ta không thể làm cuộc cách mạng một mình, cũng không thể làm trong một nhóm. Làm cách mạng văn học cũng vậy, phải có quần chúng, phải có tiềm lực trong quá khứ. Không kể chính sách học thuật của người Pháp ở Nam kỳ sau đó khuynh hướng về đường Tây hóa rõ rệt. Chữ Pháp được dạy ngay ở bậc tiểu học...

Người thượng lưu, nhất là người không có gốc nho-gia, mà về sau những người ấy lại càng là số đông — đi thẳng vào Tây học, không có cảm tình với quốc văn vốn bắt rễ từ Hán học. Quốc văn do đó trong nhiều năm về sau ở Nam kỳ chỉ bày tỏ trong hình thức báo chí phổ thông, với trình độ trí thức khá ấu trĩ, hoặc ở tác phẩm tiểu thuyết cho một công chúng hạ lưu dễ dãi. Những người thức giả lưu tâm đến quốc văn sau đó lại phải quay ra miền Bắc để đón tiếp những sáng tác mới cũng như phong-trào văn học mới ». (1).

(1) Việt Nam Văn Học Sử Giản Ước Tân Biên, tập III, Quốc học tùng thư, Saigon, trang 84-85.

Người đọc những biên khảo phê bình, văn học sử của những tác-giả tiêu biểu trên, tự hỏi tại sao mấy vị đó không để ý đến một vài điểm đặc biệt khác lạ trong thời kỳ đầu văn quốc ngữ :

1. Tại sao chữ quốc ngữ, văn quốc ngữ lại được truyền bá, phổ biến trước tiên ở Nam kỳ, là đất thuộc địa, đất mới, ít chú ý đến văn hóa (theo Phạm thế Ngũ) ngay từ thời kỳ đầu Pháp xâm chiếm Nam kỳ mà không phải ở ngoài Bắc, đất « ngàn năm văn vật » xứ bảo hộ ?

2. Tại sao những ông quan nhà binh, quan cai trị mới sang xâm chiếm chinh phục An nam lại tha thiết ân cần quá sức đối với « Lục Vân Tiên » của Nguyễn Đình Chiểu, ra lệnh bỏ tiền tài trợ dịch in Lục Vân Tiên ra quốc ngữ ?

3. Những nhà văn được gọi là cách mạng đi tiền phong mang những tên Paulus, Pétrus. Có phải vì ngẫu nhiên chăng hay đó chỉ là cái tên gọi không có ý nghĩa đặc biệt nào, hoặc trái lại rất có ý nghĩa ?

Chúng tôi không nói đến ông Vũ Ngọc Phan hồi 1944, vì nhà phê bình này đã đứng ở một quan điểm thuần túy văn học, phi lịch sử để tìm hiểu văn học. Nếu những nhận định của ông có lầm thì ít ra ông cũng hợp lý với quan điểm của ông.

Trái lại, những người như Phạm Thế Ngũ, đã đứng ở quan điểm lịch sử để biên khảo văn học, liên hệ lịch sử (nghĩa là chính trị, xã hội, văn hóa..) với văn học và

dùng lịch sử để giải thích nguồn gốc, xuất xứ những hiện tượng văn học. Ông Phạm Thế Ngũ đã lấy những biến cố chính trị để xác định thời kỳ văn học (văn học cận đại bắt đầu từ lúc Pháp xâm lược và đặt chế độ thuộc địa). Về chữ quốc ngữ ông đã tìm ra những sự kiện chính trị chỉ rõ những chủ trương của người Pháp (thừa sai, nhà cầm quyền) đối với chữ quốc ngữ (2) nghĩa là ông đã nêu lên được vài nét chính của bối cảnh lịch sử buổi đầu chữ quốc ngữ, nhưng ông đã quên liên hệ bối cảnh lịch sử trên với việc giải thích sự truyền bá văn quốc ngữ, nên ông mới ngạc nhiên không hiểu tại sao văn quốc ngữ lại ngưng đọng ở Nam kỳ sau những Pétrus Ký, Paulus Của.

Nếu những nhà biên khảo văn học sử như Ông Phạm Thế Ngũ chịu đặt việc tìm hiểu nền văn học quốc ngữ lúc ban đầu cũng như thời kỳ Nam phong vào trong hoàn cảnh lịch sử của nó, nghĩa là trong những chính sách về báo chí văn hóa, giáo dục của thực dân Pháp, họ sẽ thấy :

1. Những người như Pétrus Ký, Paulus Của có phải là những nhà văn tiền phong, những ông tổ văn học cận đại, những nhà cách mạng đi trước thời đại không, hay chỉ là những viên chức, tay sai thừa hành một chính sách của thực dân ?

2. Có phải nhờ họ mà văn quốc ngữ được truyền bá lan rộng ở Nam kỳ, có phải họ chủ trương những tờ báo

(2) Sách trích dẫn, trang 66.

quốc ngữ đầu tiên, đề xướng việc dịch cổ văn ra quốc ngữ hoặc họ yêu cầu Pháp cho học quốc ngữ ở nhà trường hay nhờ những nghị định của thực dân mà chữ quốc ngữ tiến từ lãnh vực tôn giáo sang lãnh vực xã hội, văn học, giáo dục và chính thực dân Pháp chủ trương những tờ báo quốc ngữ đầu tiên hoặc cưỡng bách học quốc ngữ trong các trường ?

3. Nguyên nhân sự nghèo nàn ngưng đọng văn quốc ngữ ở Nam kỳ sau Pétrus Ký có phải vì đất miền Nam là đất mới, thấp kém về sinh hoạt văn hóa, và giới có khả năng lại sính Tây học (một giải thích nhục mạ xúc phạm đến tình cảm của người miền Nam và xuyên tạc sự thực) hay vì đông đảo nhân dân, trí thức thời đó (sĩ phu) tẩy chay một công cụ xâm lược tinh thần của kẻ thù và chống đối một phong trào văn học không xuất phát từ dân tộc, mà xuất phát từ một chính sách tiêu diệt dân tộc bằng đường lối trực trị đồng hóa ?

4. Sau cùng, nếu những nhà văn mệnh danh là tiền phong trên có công lớn với văn học quốc ngữ, thì trước hết họ có công với ai, công với dân tộc hay nhà cầm quyền Pháp mà họ đã là viên chức, tay sai thừa hành những chính sách thống trị thâm độc trên bình diện hành chánh giáo dục, văn học ?

xXx

A. BỐI CẢNH LỊCH SỬ VĂN QUỐC NGỮ THỜI KỲ ĐẦU Ở NAM BỘ.

Sau khi chiếm đóng xong Nam kỳ, thực dân Pháp bắt

đầu thiết lập guồng máy cai trị. Vì chưa thể có sẵn những nhân viên dân sự từ Pháp sang, nên buộc lòng thực dân phải dùng bọn Tướng Tá Sĩ Quan tại chỗ lo việc hành chánh, tư pháp. Đó là thời kỳ các Đề đốc cai trị. Bọn này chủ trương chính sách trực trị nhưng chưa am hiểu tính tình, phong tục, văn minh Việt nam, nhất là không biết nói tiếng An nam. Do đó để tiếp xúc với Vua quan, dân chúng bản xứ, lúc đầu họ phải nhờ những thừa sai tu sĩ chủng sinh người Việt xuất thân từ các trường đạo, nhất là trường ở Pénang. Nhưng những người này vừa ít, vừa chỉ thông thạo chữ La tinh, mà bọn Sĩ quan lại không thông thạo gì tiếng La tinh, nên việc giao dịch thật khó khăn. Từ đó, thực dân thấy cần lập ngay một trường Thông ngôn để đào tạo lớp người trung-gian giữa nhà cầm quyền Pháp và dân bản xứ. Mở trường nhưng không kiếm ra người đi học. Những người có học thức (biết chữ nho chữ nôm) hầu hết đều chống đối, tẩy chay, nên rút cục thực dân Pháp phải dụ dỗ, chấp nhận cả những thành phần vô học, bồi bếp, côn đồ vào học. Chính cái gốc côn đồ, thành tích bất hảo, dốt nát của những thầy thông ngôn đó sau này đã đẻ ra một đám những ông quan An nam tham nhũng, hống hách, tàn ác, và đàng khác đã là một nguyên nhân đưa tới việc chống đối chữ quốc ngữ như sẽ nói dưới đây.

Song song với việc mở trường thông ngôn đào tạo tầng lớp trung gian tay sai là mối bận tâm tìm ra một chữ viết làm phương tiện giao dịch giữa người Pháp và người bản xứ để cho dân chúng hiểu được những chỉ thị, mệnh lệnh

thông cáo của nhà cầm quyền và hơn nữa hiểu được những chính sách đường lối cai trị nhà cầm quyền đề ra.

Không thể dùng tiếng Pháp, chữ Pháp vì hiển nhiên người bản xứ chưa ai biết, không thể dùng chữ nho, chữ nôm, vì đó là thứ chữ chỉ thông dụng cho một thiểu số, rất khó học và nhất là vì thứ chữ của lớp người phản kháng, tiêu biểu cho sự chống Pháp.

Vấn đề đặt ra cho thực dân cai trị như đã đặt ra cho giáo sĩ thừa sai làm sao truyền đạo cho đông đảo dân chúng không biết những tiếng Âu châu cũng không thông thạo chữ nho ; các thừa sai đã sáng chế ra chữ viết ghi âm bằng chữ cái La tinh dùng vào việc truyền đạo,

Thực dân không còn cách nào hơn là *cũng lấy thứ chữ ghi theo chữ cái La tinh* đó làm phương tiện giao dịch tuyên truyền. Thứ chữ giản dị, chỉ cần ít cố gắng và thời gian là có thể đọc viết được, đã được thực dân coi như một công cụ tốt, thuận tiện để thực hiện ba mục tiêu giao dịch tuyên truyền, cô lập như một viên chức cao cấp thực dân Paulin Vial, Giám đốc Nội vụ Súy Phủ Nam Kỳ đã ghi nhận trong một thư gởi cho Quan bố Sài-gòn ngày 15.1.1886 :

« *Ngay từ những ngày đầu, người ta đã nhìn nhận chữ nho là một hàng rào thêm nữa ngăn cách chúng ta với người bản xứ ; việc dạy bằng chữ nho hoàn toàn vượt khỏi tầm kiểm soát của chúng ta ; thứ chữ đó thật rất khó truyền đạt được cho dân chúng những khái niệm mà họ*

cần biết trong hoàn cảnh chính trị và thương mại mới của họ. Do đó, chúng ta bó buộc phải theo những truyền thống của nền học chánh của chúng ta, đó là nền học duy nhất làm cho chúng ta gần người An nam ở thuộc địa bằng cách gieo vào đầu họ những nguyên tắc của nền văn minh Âu châu và bằng cách cô lập họ khỏi ảnh hưởng thù địch của những nước láng giềng» (1).

Do đó, nguyên nhân đưa chữ quốc ngữ từ lãnh vực tôn giáo sang lãnh vực xã hội, chính trị, nguyên nhân tại sao Nam kỳ là nơi dùng chữ quốc ngữ trước tiên không phải là *văn học* do các nhà văn người Việt đi tiền phong đề xướng hay tranh đấu để được truyền bá chữ quốc ngữ, nhưng là *chính trị* do thực dân Pháp quyết định sử dụng như một công cụ thống trị cưỡng bách việc dùng chữ quốc ngữ trong hành chánh, học chánh, báo chí bằng những nghị định, thông tư v.v...

Nói cách khác, sở dĩ chữ quốc ngữ được truyền bá ở Nam kỳ sớm nhất và trước tiên là vì một chính sách chính trị của thực dân Pháp dựa trên chủ trương trực trị và đồng hóa.

xXx

B. LỤC-VÂN-TIÊN CỦA THỰC DÂN.

Có thấy rõ chính sách lợi dụng chữ quốc ngữ của thực dân mới hiểu tại sao họ tha thiết với Lục Vân Tiên, ấn

---

(1) Trích lại trong « Un Savant et un Patriote Cochinchinois-Pétrus J.B Trương Vĩnh Ký của J.Bouchot-Saigon 3ème édition Nguyễn Văn Của 1927, trang48.

cần tranh thủ cả con người Nguyễn Đình Chiểu. Nhiều người đã viết về sự liên hệ giữa Lục Vân Tiên, Nguyễn Đình Chiểu và thực dân Pháp, nhưng hầu hết đều coi từ việc thực dân dịch Lục Vân Tiên ra văn Pháp, dịch từ bản nôm ra chữ quốc ngữ, đề cao Lục Vân Tiên, Nguyễn Đình Chiểu, đến việc quan đầu tỉnh Bến Tre đi thăm Nguyễn Đình Chiểu, cả một phong trào Tây suy tụng Lục Vân Tiên Nguyễn Đình Chiểu chỉ là một hiện tượng văn học vì những quan Tây đó yêu văn chương cảm phục một nhân tài Việt nam.

« Người ngoại quốc từ Tây phương tới đã đồng thanh ca ngợi thi-phẩm Lục Vân Tiên, Người thì dịch ra Pháp văn và bình luận một cách sáng suốt thận trọng, người thì phiên dịch theo mẫu tự Âu châu, người lại ngâm vịnh bằng thể thơ Thập nhị âm». (1).

« Cuộc gặp gỡ giữa một đại thi sĩ Việt Nam vừa đui vừa điếc với một đại diện cao cấp của chính quyền Pháp trong một cảnh thô sơ không có sự đón rước long trọng theo nghi lễ huy hoàng là một sự kiện rất hiếm là trong mọi bang giao Việt Pháp thời bây giờ. Thế cũng đã chứng tỏ sự say mê thi ca và kính trọng một tâm hồn cao thượng không hề phân biệt màu da và biên giới». (2).

(1. 2) Tìm hiểu Đồ Chiểu qua Lục Vân Tiên, Võ Lang — trích trong «Sưu tầm những bài báo về Nguyễn Đình Chiểu», Phủ Quốc Vụ Khanh, đặc trách văn hóa, xuất bản in ronéo 1971, trang 160, 147.

Ngay dù có nhận những Aubaret, Janneau, Ponchon thích văn chương Lục Vân Tiên đi nữa, thì ý định lợi dụng chính trị của thực dân cũng rất rõ rệt trong việc suy tụng Lục Vân Tiên, Nguyễn Đình Chiểu. Ý định đó bộc lộ trong chính những sự việc, bản văn mà những nhà phê bình biên khảo văn học sử đã để lại và trích dẫn...

Lúc mới sang Việt Nam, đi đâu thực dân cũng nghe nói đến Lục Vân Tiên nhất là trong các giới bình dân, như một tác phẩm truyền miệng rất được dân chúng yêu thích vì nội dung đạo đức và lời thơ nôm na, dễ hiểu.

Người Pháp không thể không chú ý đến Lục Vân Tiên khi họ đang cần biết hai điều : tìm hiểu phong tục, tập quán, đạo giáo và tiếng nói của người bản xứ.

Theo một báo cáo của Tổng Trưởng Hải ngoại gởi Tổng Thống Cộng Hòa về việc thành lập một ngạch cai trị dân sự (1) những quan cai trị người Pháp phải học nói, viết tiếng An nam thông thạo luật lệ phong tục An nam như một điều kiện tuyên dụng :

«Đàng khác nếu việc chu toàn sứ mệnh khai hóa văn minh mà nước Pháp muốn thực hiện ở các dân tộc vùng này, việc đồng hóa mà nước Pháp phải theo đuổi, đòi hỏi những người được chọn để cai trị dân bản xứ phải có một trình độ học vấn vừa rộng vừa chuyên biệt, bao quát luật lệ Pháp và toàn bộ luật lệ phong tục Nam kỳ, thì ngày nay phải đòi hỏi những viên chức thay mặt nhà cầm quyền

(1) Trích lại trong Taboulet tome II trang 585.

Pháp bên cạnh dân bản xứ biết tiếng An Nam» (văn thư ngày 10-2-1873). (3)

Nếu người Pháp phải am hiểu phong tục, luật lệ, phải biết tiếng An Nam, mới được làm quan cai trị, không còn lạ gì họ phải chú ý đến Lục Vân Tiên là một truyện bình dân chứa đựng rất nhiều đặc điểm cá tính địa phương và viết bằng một thứ tiếng nói bình dân.

Do đó, trước hết, họ cần dịch Lục Vân Tiên ra Pháp văn để giúp đồng bào của họ am hiểu phong tục bản xứ và học tiếng Việt như Aubaret người đã dịch Lục Vân Tiên đầu tiên ra Pháp văn (1884) đã nói rõ trong lời tựa.

« Chúng tôi nhận ra rất rõ, trong truyện những đặc tính chính của một quốc gia mà chúng tôi đã chung sống lâu năm. Nếu có những chú thích, thật dễ dàng phác-họa một lịch sử đích thực đời sống xã hội ở Nam Kỳ như ta đã thấy ngày nay ».

Lục Vân Tiên không những chỉ có ích cho việc phục vụ các quan cai-trị người Pháp mà còn ích lợi cho việc phục vụ mục tiêu xâm lược tinh thần người bản xứ. Nếu thực dân đã coi chữ quốc ngữ như là phương tiện giao dịch, tuyên truyền, cô lập và cưỡng bách dùng chữ quốc ngữ trong Hành chánh, Học chánh, Báo chí, thì Lục Vân Tiên xuất hiện đúng lúc như một dịp may hiếm có để

(3) Xem những nghị định về việc mở các kỳ thi khuyến khích các viên chức Pháp nói tiếng Annam bằng những giải thưởng (phần I tài liệu h. chánh)

truyền bá thứ chữ quốc ngữ đó bằng cách lợi dụng lòng ái mộ rộng rãi phổ biến của dân chúng đối với Lục Vân Tiên. Trong viễn tượng đó, đích thân Thống-đốc Nam-kỳ, Đề-đốc Dupré ra lệnh cho Janneau dịch Lục-Vân-Tiên bản Nôm ra chữ quốc ngữ và in ở Paris với tiền tài trợ của nhà nước (1873). Lục Vân Tiên bị Tây cưỡng đoạt và biến thành một công cụ tuyên truyền của Thực dân, vì họ chẳng hỏi gì cũng chẳng xin phép tác giả cho dịch, in, nhất là dịch ra những chữ Pháp, quốc ngữ, mà tác giả thù ghét. Tiểu sử Nguyễn Đình Chiểu không thấy nói gì đến phản ứng của Cụ trước việc thực dân cưỡng đoạt Lục Vân Tiên.

Những ông quan thực dân kiêm học giả rêu rao ái mộ văn chương, muốn làm việc chú thích khoa học, phục hồi nguyên bản, nhưng lại không tôn trọng gì hết tác quyền, một tôn trọng xuất phát từ nền văn minh coi quyền tư hữu là linh thiêng. Hành động đó chỉ có thể hiểu là hành động của những kẻ xâm lăng, đã cướp cả nước người ta, mà không đặt chuyện tôn trọng chủ quyền, sá gì một tác phẩm của người dân mất nước.

Những bản dịch ra quốc ngữ của Janneau in ở bên Pháp không được phổ biến rộng rãi và quá đắt nên có những ông Tây như Pillet kêu gọi Hội đồng Thuộc địa bỏ tiền ra in một bản khác chính thức và hoàn toàn hơn. Một Ông Tây khác, chủ hiệu sách, thấy việc in Lục Vân Tiên có lời, nên cũng viết thư xin Hội đồng Thuộc địa trợ cấp tiền để in một bản mới, giá bán thật rẻ vì

« quyển Lục Vân Tiên, một trong những truyện thơ được người An Nam yêu thích nhất, chỉ còn lưu hành với bản phiên âm ra chữ La tinh với một giá mà đa số quần chúng không thể mua nổi, tôi muốn nói ở đây, bản phiên âm của Janneau (Paris 1873) giá bán 6 quan mỗi cuốn bên Pháp. Vì vậy tôi xin đề nghị với Hội đồng Thuộc địa giúp tôi một số tiền của Thuộc địa để có thể xuất bản một bản mới giá thật rẻ, mà tôi hứa trước sẽ chịu hoàn toàn trách nhiệm việc ấn hành ». Trong thơ của tên Tây, chủ hiệu sách có bày tỏ dã tâm của thực dân khi cho dịch, phiên âm, in và phổ biến Lục Vân Tiên : *« Theo chính sách trực trị, đồng hóa, thật là lợi ích lớn lao nếu nhà nước ở Thuộc địa thay thế những sách chữ nho bằng những sách viết theo mẫu tự Âu châu » (1).*

Không phải thực dân chỉ lợi dụng Lục Vân Tiên mà còn muốn lợi dụng cả con người tác giả.

Thực dân thừa biết uy tín tinh thần lớn lao của Đồ Chiểu, không phải chỉ với tư cách nhà văn, nhưng chủ yếu vì tiêu biểu cho tinh thần bất-khuất chống Pháp, nên không dám nghĩ đến chuyện thuyết phục Cụ chấp nhận chế độ thuộc địa. Tuy nhiên lợi dụng tình cảnh tuổi già mắt mù, nghèo khổ của Cụ, Thực dân chỉ muốn tỏ ra lưu tâm đến tình cảnh trên của Cụ và muốn giúp Cụ đỡ túng thiếu về vật chất ; nếu Nguyễn Đình Chiểu chịu

(1) Người Pháp đối với « Lục Vân Tiên và Cụ Nguyễn Đình Chiểu, Trường Sơn Chí ở Sưu Tầm, s. t. dẫn trang 24 ».

nhận những sự giúp đỡ chỉ có tính chất nhân đạo, thì cũng đã lợi cho sự tuyên truyền của Thực dân, có tác dụng làm giảm bớt những hình ảnh về sự xâm lược tàn bạo vẫn còn sống động trong tâm trí quần chúng.

Chính trong ý định trên mà Ponchon, vừa về nhậm chức ở Bến Tre, đã tìm đến thăm Nguyễn Đình Chiểu theo lệnh của Chính-phủ Pháp. Ông Phan Văn Hùm là người trong gia đình đã mô tả cuộc thăm viếng trên của Ponchon như một thừa hành lệnh trên *(trong nỗi lòng Đồ Chiểu)*, một chi tiết rất quan trọng mà các nhà biên khảo đã bỏ qua, nên mới trình bày cuộc thăm-viếng như một hội ngộ hiếm có chỉ vì động cơ văn chương nghệ thuật. Đã hẳn viên quan Tây rất khéo léo, tế nhị, chỉ nói chuyện văn chương, nhưng đó là thực hiện những đòi hỏi của một sứ mệnh ngoại giao mà chuyện văn chương chỉ là chuyện mượn cớ. (1)

C. NHỮNG CHỐNG ĐỐI VÀ KHÓ KHĂN TRONG VIỆC CƯỠNG BÁCH DÙNG CHỮ QUỐC NGỮ.

Việc cưỡng bách dùng chữ quốc ngữ trong hành chánh, học chánh, do nhà cầm quyền Pháp chủ trương lúc ban đầu ở Nam kỳ đã gặp nhiều chống đối và khó

---

(1) Về sau Tây vẫn tiếp tục lợi dụng Lục Vân Tiên, Nguyễn Đình Chiểu. Hồi 1943, Lục Vân Tiên được đề cao về nội dung đạo Nho như một nền tảng của chính sách phục hồi quốc gia của Thống chế Pétain và việc Sarraut cho P. Quỳnh vào Nam thuyết phục con cái Đồ Chiểu nhận công tác về văn hóa như Hồ Hữu Tường kể lại theo Phan Văn Hùm.

khăn. Có chống đối xuất phát từ đông đảo dân chúng, giới Sĩ phu nhưng cả ngay những người chấp nhận thuộc địa, đứng ở phía người Pháp cũng chống đối nhân danh chính quyền-lợi của Thuộc địa, Thực dân.

I. CHỐNG ĐỐI CỦA SĨ PHU

Lúc Pháp vừa chinh phục xong Nam kỳ, dân chúng sĩ phu, nếu không tích cực tham gia những tổ chức kháng chiến, thì cũng tẩy chay, bất hợp tác với kẻ thù. Tây đi tới đâu, họ bỏ đó đi chỗ khác, và viên chức cai-trị thì đốt, hoặc dấu hết bộ sổ, giấy tờ hộ tịch. Tình trạng bất hợp tác đó đã được Cultru ghi lại như sau :

« Nếu vì một phép lạ nào Sĩ phu An nam hợp tác với người Pháp chống lại Vua của họ, thì việc cai trị Nam kỳ sẽ dễ như một trò chơi. Nhưng người An nam có học, hạng thượng lưu trung thành với luật pháp xứ sở họ, những người này chỉ có thể coi chúng ta như kẻ thù, Nông dân, vì đồng ruộng, mùa màng, súc vật của họ mà phải ở lại trong làng ; ngó qua tưởng như chịu khuất phục, thực ra họ chẳng khuất phục gì cả. Còn bọn quan lại hễ ta đến chiếm đâu, họ bỏ đó mà đi tất cả » (2).

Trong tình hình lúc đó, việc bất hợp tác là một thái độ liêm sỉ nên rất ít ai chịu ra làm việc cho Pháp, vì chịu cộng tác là vô liêm sỉ là bị hiểu như vì danh lợi, và do đó

---

(2) Histoire de la Cochinchine Française — A. Challamel, Paris 1910 trang 189.

mất hết uy tín, ảnh hưởng. Theo Phó Đề-đốc Rieunier chỉ còn hai hạng người chịu cộng tác là người Công giáo và bọn lưu manh đều giả. Dân chúng, sĩ phu chống Pháp, nên chống tất cả những chính sách Pháp đề ra và những gì liên hệ đến sự xâm lăng thống trị của Pháp, như Thiên Chúa Giáo.

Chữ quốc ngữ được Pháp lợi dụng như một công cụ xâm lược tinh thần thực hiện đường lối đồng hóa gắn liền với những nghị định cai trị. Đứng ở tư thế một người dân mất nước, người trí thức trong hoàn cảnh đó, làm sao không chống lại việc truyền bá thứ chữ trên, nhất là khi nhận rõ âm-mưu thâm độc của Thực dân nhằm tiêu diệt tinh thần dân tộc, luân lý đạo giáo mà chữ Nho lúc đó là con đường dẫn tới và nuôi dưỡng nó ?

Một người liêm sỉ trong cái nhục mất nước còn nóng hổi không thể làm khác được. Một người như Nguyễn Đình Chiểu, tiêu biểu cho tinh thần bất khuất của cả miền Nam lúc đó, càng không thể không chống đối việc Pháp cưỡng bách dùng chữ quốc ngữ, vì chấp nhận dùng thứ chữ đó, không thể và cũng chưa đến lúc xét tới giá trị khách quan của nó, chỉ có nghĩa là một sự khuất phục kẻ xâm lăng.

Thời đó, lệnh của Thực dân đưa xuống tận làng xã bắt trẻ con đi học trường dạy chữ quốc ngữ như bắt lính và bọn Hương chức, đầu hàng địch, phải tỏ ra sốt sắng truyền bá chữ quốc ngữ bằng cách khuyến dụ, cưỡng ép trẻ con đi học, để mong được thăng ngạch như Nghị định

đã nói rõ. Ông Phan Văn Hùm, người trong gia đình, thuật lại thái độ của Đồ Chiểu với chữ quốc ngữ :

« Tiên sinh vốn không ưa chữ quốc ngữ. Ông Nguyễn Đình Chiêm con thứ bảy của Tiên sinh, có thuật cho hiệu giả chuyện sau này : Bấy giờ ông còn bé, Hương chức trong làng đến xin cho ông đi học chữ quốc ngữ. Tiên sinh gắt lên : « Tôi vì đâu mà phải đến góc biển chân trời này, các ông sao lại còn đem chuyện đó mà nói cùng tôi. » (1).

Nhiều người biên khảo bây giờ nhận định về thái độ chống đối của sĩ phu thời Đồ Chiểu, thường coi đó là một thái độ *cố chấp*, cực đoan quá khích, nhưng mặc dầu sự chống đối đó, chữ quốc ngữ vẫn được truyền bá toàn thắng.

« Cho nên, mặc dầu sự chống đối của cả một thế hệ nho sĩ ở trong đó có những người nhiều uy tín như Nguyễn Đình Chiểu, mặc dầu bị cản trở bởi những lý do sâu xa như lòng tự ái dân tộc, tinh thần yêu nước v.v... cuối cùng chữ quốc ngữ đã được toàn dân xử dụng và công nhận là quốc tự » (2).

Lý luận như thế có vẻ vừa nhục mạ những người chống chữ quốc ngữ vì tự ái dân tộc hẹp hòi nên cố chấp, ngăn chặn một lợi ích cho dân tộc, vừa nhục mạ

(1) Ngữ tiểu vấn đáp y thuật — Tân Việt Sàigòn.

(2) Phạm Việt Tuyền — Luận văn kỳ thi năm thứ I Tiến Sĩ ban Việt, Đại học Văn Khoa Sàigòn (1973), bản đánh máy trang 40.

Trương Minh Ký và Văn học thế hệ 1862 -- 1973.

những người mặc dầu sự chống đối cố chấp trên, vẫn làm cho chữ quốc ngữ trở thành phương tiện truyền thông của toàn dân, như thể họ dùng chữ quốc ngữ không phải vì lòng yêu nước và bất chấp tự ái dân tộc.

Phải đặt vấn đề chữ quốc ngữ vào trong trận tuyến tranh đấu giữa ta và địch, và vào từng thời kỳ của trận tuyến tranh đấu đó, mới có thể nhận định một cách trung thực chống việc dùng chữ quốc ngữ ở thời kỳ này là đúng, là yêu nước, và dùng chữ quốc ngữ ở thời kỳ kia là đúng, yêu nước và do đó chấp nhận dùng chữ quốc ngữ ở thời kỳ phải chống là thỏa hiệp, đầu hàng, và chống ở một thời kỳ phải dùng là cố chấp, hẹp hòi.

Thời kỳ Đồ Chiểu, khi Pháp mới chỉ chiếm Nam kỳ, tình hình toàn quốc chưa ngã ngũ, đòi hỏi lúc đó là nêu cao tinh thần kháng chiến, bất khuất chưa thể và cũng chưa phải lúc phân biệt khí giới của địch với địch. Nhưng sau đó, khi đất nước đã hoàn toàn bị xâm chiếm, những khởi nghĩa thuần-túy quân sự đều thất bại, cuộc kháng chiến chống Pháp phải được chuyển hướng sang bình diện văn hóa giáo dục như một chuẩn bị cho những khởi-nghĩa võ trang về sau. Nói cách khác, muốn chống Pháp có hiệu nghiệm phải duy tân trước đã. Tình thế mới đòi hỏi một đường lối tranh đấu mới. Cũng chính những nhà nho trước đây đã tích cực tham dự các cuộc khởi nghĩa võ trang bây giờ chủ trương Duy-tân, và trong chiều hướng chiến lược mới, đoạt lại chữ quốc ngữ, đang ở phía kẻ thù, biến thành lợi khí phục vụ dân tộc, khêu gợi ý thức quốc gia. Đó là đường lối của Đông

Kinh Nghĩa-thục hồi 1907. Kể từ đó, chữ quốc ngữ được những người yêu nước chấp nhận và dần dần trở thành chữ viết của toàn thể dân tộc, không phải là *mặc dầu* sự chống đối của những người đại diện cho ý thức dân tộc mà *nhờ* sự chấp thuận, cổ võ của họ (1).

xXx

2. SỰ CHỐNG ĐỐI CỦA THÂN HÀO NHÂN SĨ THÂN PHÁP.

Không phải chỉ giới Sĩ phu chống việc dùng chữ quốc ngữ, mà cả những người chấp nhận thuộc địa, chính sách trực trị, dĩ nhiên vì những lý do khác.

Theo những người này ở Nam kỳ có hai thứ tiếng, chữ có thể thông dụng, một là chữ Pháp mà họ muốn học, hai là chữ Nôm mà họ đều đọc viết được. Nhà cầm quyền Pháp, thi hành chính sách đồng hóa, không bắt học nguyên chữ Pháp mà lại cưỡng bách học thứ chữ mà họ gọi là Quốc ngữ Tàu vì tiếng Việt còn nghèo nàn, chưa đủ tiếng chữ để chỉ thị những khái niệm chuyên môn, trừu tượng nên bó buộc các nhà học giả Tây, ta theo Pháp đã lập ra chữ mới từ chữ Hán rất tối nghĩa. Thứ chữ viết với những từ ngữ mới Hán Việt rất khó hiểu đó lại được chính thức dùng trong các giấy tờ hành chánh mà họ không thể đọc được hoặc đọc sai không hiểu, nên họ đành phải đi nhờ thông ngôn xuất thân từ

(1) Dĩ nhiên, sau Đông Kinh Nghĩa Thục, có thể vẫn còn một số người chống đối, sự chống đối lúc đó mới là cố chấp.

trường Thông ngôn thông thạo cả chữ Pháp, chữ quốc ngữ đọc dùm. Nhưng như đã nói trên, những người đi học trường Thông ngôn là bọn vô học, côn đồ, thành tích bất hảo, chữ Nho bập bẹ, chữ quốc ngữ cũng không thông, nhứt là những từ ngữ Hán mới nên dĩ nhiên là hiểu trật và kết quả là họ bị phạt vạ, đi tù vì không làm những điều luật lệ bắt làm hay làm sai do những ông Thông ngôn dịch bậy.

Tình trạng trên làm cho họ bất mãn, vì họ vừa phải trả tiền sự ngu dốt của một Thông ngôn ăn tiền, hối lộ, sách nhiễu, vừa trả tiền những hậu quả sự ngu dốt của chúng gây ra (hiểu lầm luật lệ văn thư bị phạt vạ) và do đó họ đòi bãi bỏ chữ quốc ngữ.

Chúng tôi tìm thấy một thư thỉnh nguyện của một số thân hào nhân sĩ chấp nhận chế độ thuộc địa, chánh sách đồng hóa và họ nhân danh những quyền lợi của chính người Pháp, của thuộc địa, của chính sách đồng hóa để yêu cầu Hội đồng Thuộc địa Nam kỳ can thiệp với nhà nước bãi bỏ chữ quốc ngữ.

Sau đây là nguyên văn bản dịch lá thư thỉnh nguyện bằng tiếng Pháp.

Kính gởi Ông Chủ Tịch Hội đồng Thuộc địa và các vị trong Hội đồng.

Thưa Quí vị,

Việc nhà cầm quyền cao cấp chú ý xét những thỉnh nguyện mà quí vị nêu lên trong các buổi họp của quí vị,

khuyến khích chúng tôi gởi tới quí vị yêu cầu nếu có thể được bác bỏ thứ chữ quốc ngữ Tàu.

Chúng tôi hiểu lòng tận tâm của quí vị, chúng tôi biết quí vị để tâm đến những vấn đề thuộc địa và chúng tôi tin cậy ở quí vị vì quí vị không bị ràng buộc bởi một hành động không thể bỏ được vì xuất phát từ chính quyền.

Theo thiển ý chúng tôi, hiện nay chỉ có hai thứ tiếng có thể được ở Nam kỳ, tiếng Pháp mà chúng tôi muốn học và tiếng An nam nôm na mà chúng tôi đều biết viết bằng chữ nôm.

Quí vị chắc không thể không biết rằng tiếng Quan thoại Trung Hoa rất ít được phổ biến trong dân chúng của chúng tôi như tiếng tác-ta (tartare) hay tiếng phạn, vì một lẽ đơn giản là ở Viễn đông từ ngàn xưa, những viên chức mọi ngạch đều tưởng họ đều có công và học cao hiểu rộng nên họ càng ít được hiểu khi họ nói hoặc viết. Một ngôn ngữ đơn giản, mạch lạc dễ hiểu đả không bao giờ và sẽ không bao giờ được những người Nho học nói vì họ là những người xác tín rằng hành chánh đồng nghĩa với sự phức tạp và do đó họ làm hết sức mình để biện hộ một cách có ý thức niềm xác tín của họ.

Thưa Quí vị, một vài người Pháp, thật ra biết rõ vấn đề đã theo gương mấy nhà Nho học mà họ tìm cách vượt qua. Để làm điều đó, mỗi ngày họ thêm một chữ Hán vào thứ tiếng thoái hóa mà họ tìm cách khép nó vào một số qui luật. Những người Pháp và những nhà nho học trên nhất-

định muốn sáng chế ra một thứ tiếng hình như đã thành công An nam hóa được chừng hai ngàn tiếng Hán.

Qui vị hãy đoán xem chúng tôi lúng túng thế nào mỗi khi chúng tôi nhận được những lệnh viết bằng thứ chữ trên, chúng tôi phải chạy kiếm hằng chục người thông ngôn mà chúng tôi phải trả tiền để rồi rốt cục họ đã làm cho chúng tôi hiểu hoàn toàn ngược lại với những gì người ta muốn truyền lệnh cho chúng tôi. Hoàn cảnh chúng tôi đáng được để ý vì chúng tôi phải trả giá bằng tiền phạt hoặc đi ở tù một sự không thông thạo bị cưỡng bách sau khi đã trả bằng tiền sự không thông thạo của những người mà chúng tôi đã chạy đến nhờ vả.

Chúng tôi biết một nghị định đã ký biến chữ quốc ngữ thành chữ chính thức. Chúng tôi nhớ lại thời mà người ta cấm dùng tiếng Pháp trong các trường của chúng tôi và thời mà việc dịch các bộ mỗi làng tốn phí hàng ba bốn trăm đồng. Chúng tôi cũng biết trong ngôn ngữ của quí ông, có một kiểu nói khá thông dụng : « Cái nhầm không đáng kể ». Chúng tôi mong muốn điều nhầm lẫn vì hành chánh đã làm cho chúng tôi thiệt hại, và còn làm cho chúng tôi thiệt hại bây giờ, được xóa bỏ nhờ sáng kiến can thiệp của quí vị, chúng tôi mong muốn người ta thay thế trong tất cả các trường chữ Pháp vào chỗ của chữ quốc ngữ và như thế người ta làm cho chúng tôi tiến tới bằng một bước thật dài đến chỗ đồng hóa.

Bởi vì, mỗi lúc qui ông đều nói với chúng tôi về đồng hóa, xin qui Ông đừng buộc chúng tôi sống với qui ông

như người ngoại quốc. Chúng tôi không nói với quí ông : hãy đến với chúng tôi, nhưng chúng tôi vẫn nài quí ông cho chúng tôi phương tiện để đi tới quí ông. Quí ông hứa cho chúng tôi những quan Tòa, hãy cho chúng tôi trước hết những trường sở tốt để chúng tôi có thể biết những quyền lợi và bổn phận của chúng tôi. Trong vấn đề giáo dục này, có lẽ chuyện đáng kể là lợi ích của quí ông hơn là lợi ích của chúng tôi, đó là sự an ninh của quí ông và sự an ninh của thuộc địa, vì nếu chúng tôi không thể sống một chút cuộc sống của quí ông, thẩm định những đức tính tốt của quí ông, nhìn nhận lòng ưu ái trong các ý định của quí ông, làm sao chúng tôi có thể quí mến ông.

Nhưng nếu quí ông để chúng tôi bị đối xử như một dân tộc hôm qua bị chinh phục bởi những nhà nho hoặc bởi những kẻ trung gian mà việc điều-hành hiện nay của nền hành chánh cần tới, nếu quí ông thực ra làm cho xứ Nam Kỳ trở thành thuộc địa thống trị và khai thác, *làm sao quyền sống của chúng tôi sẽ không phải là chống lại quí ông và bổn phận chúng tôi là chiến đấu chống quí ông. Xin quí ông đừng quên rằng tất cả thiện cảm của chúng tôi đều dành cho nước Pháp, những tư tưởng Pháp, tiếng Pháp. Chúng tôi tin chắc rằng quí ông sẽ có đủ ý chí và nghị lực cần thiết để biến thuộc địa này thành một nước Pháp ở phương Đông, và chúng tôi tín nhiệm ở quí ông khi quí ông hứa cho chúng tôi sự tiến bộ, nghĩa là việc tiến dần tới những ý tưởng đã làm cho nước quí ông được cao sang vinh-hiển. Với lòng kính cẩn sâu xa, chúng tôi là những người tôi tớ của quí ông.*

Một nhóm thân hào An-Nam
(Báo Le Saigonnais, organe des intérêts politiques Commerciaux et agricoles de la Cochinchine — thứ năm 10-12-1885).

3. NHỮNG KHÓ KHĂN KHÁC.

Việc truyền bá chữ quốc ngữ không phải chỉ gặp những chống đối mà còn vấp phải những trở ngại do chính quan niệm thiển cận của thực dân về chữ quốc ngữ

Như trên đã nói (xem phần I) thực dân coi tiếng Việt, chữ quốc ngữ (tiếng An-nam ghi bằng mẫu La tinh) chỉ là một tiếng bình dân, không phải tiếng của văn học nên khi cưỡng bách việc dùng chữ quốc ngữ, họ chỉ nhằm làm sao cho dân chúng đọc hiểu những thông cáo nghị định, thông tư của nhà cầm quyền. Do đó chương trình học ở trường chỗ nào cũng chỉ dạy đọc và viết chữ quốc ngữ, bốn phép tính cộng trừ nhân chia mà không bao giờ có áp dụng cụ thể (1) không dạy văn chương luân lý gì cả.

Kết quả là nhà trường chỉ đào tạo những đứa trẻ biết đọc các thông tư nghị định, công văn đăng trong Gia-Định báo, nghĩa là chỉ học chữ, mà không học nghĩa, do đó vẫn là vô học vì biết đọc biết viết để làm gì, nếu không hiểu điều học, viết, nghĩa là không có kiến thức gì về luân thường đạo lý. Mà không có kiến thức về luân thường đạo lý, làm sao có cơ sở, tinh thần tuân giữ luật lệ, tôn trọng nhà nước, người cầm-quyền hoặc làm sao có thể làm quan cai trị dân, dạy tôn trọng luật lệ nhà nước.

Nhưng kiến thức về luân thường đạo lý chỉ có trong các sách bằng chữ nho là thứ chữ mà thực dân muốn tiêu diệt vì nó đưa vào ý thức về đạo lý dân tộc.

---

(1) Phúc trình của Giám Đốc Học Chánh (25-7-1881) mục Học chánh. Báo cáo ở hội Đồng Thuộc địa năm 1881, trang 12

Đó là chỗ kẹt, bế tắc mà thực dân nhận ra sau một thời gian thi hành đường lối cưỡng bách dùng chữ quốc ngữ ở các trường học. Cultru đã nhận định « *chỉ lấy việc dạy chữ Pháp và chữ quốc ngữ làm nền tảng cho việc giáo dục là thủ tiêu giáo dục, tinh thần và tâm hồn không được cải tiến chỉ nhờ việc biết viết, biết đọc một thứ tiếng, bằng lòng như vậy là tạo ra bọn người vô học, vì biết đọc biết viết làm gì nếu không hiểu bản văn đọc.*

... Việc dạy chữ quốc ngữ và tiếng Pháp, như đã áp dụng trong những năm đầu thuộc địa đã hoàn toàn sao lãng việc phát huy trí thức và luân lý người bản xứ, và do đó đã đẩy phần lớn 300.000 trẻ em Nam kỳ, đã đi qua các trường học của chúng ta vào một tình trạng ngu ngốc thực sự ». *(1)*. Những bản phúc trình về tình trạng nhà trường đều nhất trí về sự ngừng trệ, thất bại của việc học chữ quốc ngữ. Rất ít người chịu học, những người học rồi cũng không làm được trò trống gì vì họ thiếu văn hóa, kiến thức, nên ngay cả việc thông ngôn họ cũng không làm được.

Trước tình trạng đó, thực dân buộc phải xét lại chính sách. Đồng ý vẫn giữ đường lối đồng hóa, nhưng không phải chốc lát biến cả một dân tộc thành Tây được : suy nghĩ tập quán theo Tây. Không thể thay thế ngay bằng tiếng Pháp, văn hóa Pháp, nhưng lại xóa bỏ văn hóa cổ truyền dựa trên nho học. Người ta đã sai lầm khi để một trống rỗng như vậy trong giáo dục học chính : chỉ học chữ học tiếng mà không học nghĩa.

Sách trích dẫn trang 388, 389.

Vậy đành phải tạm thời dùng lại văn hóa cổ truyền để cho việc học có kiến thức, đạo lý, nhằm giữ được trình độ đạo đức của dân chúng khỏi sa sút và đào tạo những viên chức quan lại biết dựa vào đó mà dạy dỗ cai trị dân. Đó là nguyên nhân việc đề ra công tác : phiên dịch những cổ văn (Hán Nôm) ra quốc văn, mà những học giả Pháp và Việt trong các trường Thông ngôn sẽ đảm nhận.

Đến đây Thực dân mới nhận thấy việc thay đổi một chữ viết thì dễ nhưng thay đổi cả một xã hội, một pháp luật, một tâm tình không phải là chuyện có thể làm trong chốc lát như Đề đốc Dupré đã thú nhận trong thư gởi cho Tổng Trưởng Hải Quân ngày 6-11-1873.

« Không có gì tế nhị hơn là sự thay đổi những phong tục, tôn giáo, luật lệ một dân tộc, đó là việc của thời gian. Phải để cho những ý tưởng mới thấm dần dần vào các thế hệ tiếp nối. Muốn áp đặt những thay-đổi như thế bằng quyền hành luôn luôn bao giờ cũng là xấu và phản chính trị. Luận Pháp An nam, dựa theo Trung quốc, tuy có nhiều điều không hoàn toàn nhưng không phải là một công trình man rợ hay đáng khinh, vì nó dựa trên những nguyên tắc công chính không thể chối cãi được. Từ lâu nó vẫn được áp dụng và dân chúng hiểu biết nó và không muốn thay đổi. Người ta có thể cải thiện những chi tiết bằng cách kiên nhẫn chờ đợi một dịp thay đổi mới lúc thuận tiện. Muốn cải tổ toàn thể pháp luật như một số nhà luật say mê 'Luật La Mã và Napoléon' chủ trương là làm cách

mạng, là muốn gây xào trộn sâu sa xứ nầy và đẩy họ đến chỗ làm loạn». (1)

Chúng tôi tìm thấy một báo cáo của những quan Tây thông minh nhất thời đó trong Ủy ban học chánh gửi Đề đốc Dupré, Thống đốc Nam kỳ vào năm 1873 nhận định về những nguyên nhân bế tắc trong chính sách dùng chữ Quốc ngữ ở trường học và đề nghị nhnững biện pháp cải thiện. Ủy ban học chánh nầy do Dupré thiết lập nhằm những mục đích trên. (2).

Trong phúc trình của Luro, Giám đốc trường Hậu Bổ người được coi như am hiểu hơn cả những vấn đề Nam kỳ, Luro nhận định những tiến bộ về trường học chỉ là bề ngoài, việc áp dụng chữ quốc ngữ không có kết quả vì không bắt rễ từ dân chúng :

«Từ mười năm nay, chúng ta dạy cho người An nam viết tiếng nôm na của họ bằng một phương pháp đơn sơ hợp lý, hay hơn rất nhiều lối diễn tả tượng hình do họ sáng chế ra và dựa vào việc kết đôi những ký hiệu tượng hình với những ngữ âm của tiếng Quan thoại. Mặc dầu phương pháp của chúng ta hay và đơn sơ hơn một cách không thể chối cải được, tôi lấy làm tiếc mà nhận rằng chữ viết bằng mẫu tự La tinh không bắt rễ trong dân chúng.

---

(1) La geste fse Taboulet trang 584

(2) Trích trong La geste fse trang 592. Báo cáo nầy, theo sách Taboulet nằm trong hồ sơ «Nam Kỳ» Archives Cochinchine Dossier R 10, vì Taboulet không đăng toàn văn nên trong khi chờ đợi chụp được toàn bản chúng tôi chỉ trích dẫn một số đoạn.

Có lẽ tôi nhầm, nhưng tôi hiểu rõ nguyên nhân tại sao việc tuyên truyền của chúng ta bị thất bại. Hình như chỉ các Thừa sai thành công và tôi sẽ trình bày những lý do sau đây»

Tiếp đó, Luro trình bài tình hình nhà trường trước khi người Pháp đến. Theo Luro tỉnh nào cũng có Đốc học và huấn đạo ở mỗi quận, các trường làng được tự do và các nhà nho dạy chữ nho cho trẻ con dựa vào một số bản văn chứa đựng một nền luân lý trong sáng có khả năng mở mang trí óc và phát huy lòng yêu mến đạo đức ở nơi đứa trẻ. Người ta nhắc đi nhắc lại dưới muôn ngàn hình thức luân lý của Khổng Tử dạy dỗ mười bổn phận như: lòng hiếu thảo đối với cha mẹ, sự hòa hợp vợ chồng lòng thương yêu của anh đối với em và lòng kính trọng của em đối với anh, lòng cung kính đối với người trên lòng trung thành đối với bạn bè, lòng ngay thẳng, lòng nhân ái... Chính nhờ nền giáo dục đó mà các nước Viễn đông đã tồn tại được từ ba ngàn năm nay.

Dĩ nhiên chữ nho khó học, và không phải ai cũng thạo cả, nhưng một vài nguyên tắc đạo lý căn bản, thì ai cũng biết và đó không phải là điều đáng kể sao ?

«Nhưng sau khi chinh phục xong, chúng ta đã phá huỷ tất cả nền học vấn đó...

« Chúng ta tưởng thật là dễ dàng diễn tả tiếng nói bình dân An nam bằng 24 chữ của ta. Chúng ta cho rằng trong vài năm, dân chúng sẽ bỏ chữ tượng hình khó hiểu và không mất công nhiều học thứ chữ đó nữa. Than ơi, chúng ta đã ảo tưởng một cách thật tàn nhẫn. Sau 10 năm đi

học ở trường của chúng ta, dân chúng vẫn tiếp tục viết những chữ tượng hình.

Có nên cấm hẳn chữ tượng hình (chữ nho) như chúng ta đã bãi bỏ các trường? Sự thay đổi tàn bạo đó sẽ chỉ gây ra xáo trộn trong hành chánh. Còn dân chúng mà việc buôn bán không thể một hai ngày bỏ đi thứ chữ ai cũng biết, và được dùng trong mọi khế ước, họ đã chống lại bằng sự ỳ ra mà bao nhiêu bằng chứng đã cho thấy thái độ chống đối đó, và họ vẫn tiếp tục dùng chữ tượng hình như trước.

Chính phủ đã mở nhiều trường. Sau ba tháng trẻ con thông minh đọc được công báo, cuốn sách duy nhất của các trường học đáng thương hại của chúng ta (1) trước mặt những bậc cha mẹ ngạc nhiên. Sau 6 tháng, những trẻ đó viết được. Chúng ta cũng ngạc nhiên thấy những trẻ đó đạt tới những kết quả trong một thời gian vắn như thế, điều mà trẻ con Âu-Châu phải mất lâu thời giờ hơn. Chúng ta tưởng chúng ta toàn thắng và dân chúng cũng không thể không chịu nhận những thành quả đó một cách hiền nhiên như vậy.

Sau một năm đứa trẻ về nhà cha mẹ. Nó biết đọc, nó biết viết. Người cha hỏi nó, đứa trẻ chẳng biết gì và mọi người đều khinh bỉ cái hiểu biết con vẹt của nó và đứa trẻ bị nhục nhã, vội vã bỏ qua tất cả những gì nó đã học theo lệnh của viên chức xã ấp để làm hài lòng nhà cầm quyền Pháp.

---

(1) Tờ Gia Định báo. Chủ thích của chúng tôi

Tuy nhiên, nếu chúng ta nhìn sang phía các làng Công giáo, cũng những nhà trường tương tự, dưới sự hướng dẫn của các thừa sai, chúng ta ngạc nhiên nhận thấy ở đó người ta biết đọc tiếng An Nam Nôm na, ở đó người ta biết viết thứ tiếng đó, và ở đó người ta theo học một cách chăm chỉ mà không cần ông quan nào làm áp lực đối với dân chúng. Chính vì đứa trẻ Công giáo không tập đọc trong công báo, nhưng tập đọc trong phúc âm. Khi về nhà chỉ tốn vài quan, nó mua được nhiều sách do các Thừa sai in. Và ban tối, nó làm cho cả nhà vui sướng khi đọc lên những chuyện đạo đức hay những chuyện các thánh. Và gia đình sung sướng, ngợi khen những người Âu Châu đã mang đến cho dân nghệ thuật tài ba tập đọc được trong vài tháng những điều cao cả. Và người ta thương hại những người lương phải mất 4 hoặc 5 năm học mới đọc được vài ba cuốn đạo đức của nền nho học.

Chúng ta đã mở trường, nhưng chúng ta không in một cuốn sách giáo khoa nào. Đó là lý do tại sao ít thành công. Đã từ lâu tôi yêu cầu mà không được để có thể dịch những sách lịch sử An nam và đạo lý Trung quốc dưới sự coi sóc của một ủy ban chuyên môn. Dân chúng, ít khi nghe biết thứ tiếng bác học, sẽ hoan hỉ có được những sách đó trong tay dịch ra bằng tiếng bình dân. Họ sẽ mua và sẽ đọc. Chúng ta có nhiều Thừa sai và quan cai trị có thể làm việc dịch đó».

Cuối cùng Luro yêu cầu Đề đốc đưa phúc trình của mình cho hai người khác duyệt xét là Philastre và Legrand de la Liraye.

Một cách tổng quát, Philastre và Legrand de la Liraye đồng ý với Luro : không thể bãi bỏ tức khắc chữ nho và phải tiếp tục dùng chữ quốc ngữ nhưng phải dạy kiến thức của đạo lý nho học.

«Ở đây, tôi trở lại ý kiến của Luro mà tôi hầu như hoàn toàn đồng ý. Để đạt tới kết qủa đó, phải làm sao trước hết để người ta đến trường học của chúng ta và điều kiện thứ nhất để người ta chịu đến là biết chắc rằng sẽ tìm được những gì họ muốn biết, nghĩa là đạo lý Trung Hoa. Nếu người ta biết chắc sẽ dạy ở trường chữ nho, nghĩa là triết lý, lịch sử, và tất cả các môn khác mà người An Nam biết, người ta sẽ đến trường nếu việc dạy không quá đắt, và ngay cả trong thời kỳ đầu, ít đắt bằng trả tiền thầy dạy ở làng. Người ta sẽ không chống lại việc học chữ viết bằng mẫu tự La tinh, nếu tiếng An nam được thay thế để dịch một vài tác phẩm Trung Hoa cơ bản và cổ điển. Nếu sau đó, người ta cung cấp cho các học sinh những sách viết bằng tiếng An nam và chứa đựng nhiều ý tưởng mới mẻ đối với họ, họ sẽ tiếp tục học và chữ nho sẽ mất một phần ảnh hưởng và người An nam sẽ bắt đầu viết bằng chữ của họ».

(Saigon 22. 12. 1872).

Legrand de la Liraye cũng nhận định như Luro là *« sau 10 năm, thí nghiệm việc dùng những mẫu tự La tinh không bắt rễ được vào dân chúng trong 6 tỉnh của chúng ta và chỉ có các Thừa Sai hình như thành công vì họ biết cung cấp cho các gia đình công giáo một số những sách hay ».*

Rồi Legrand de la Liraye nêu vấn đề : Có nên cưỡng bách việc học hay để tự do, có nên duy trì việc học chữ nho như trước kèm theo việc học chữ quốc ngữ với một vài khái niệm về văn Phạm tiếng Pháp, toán số, sử - địa và sau cùng có nên giới hạn việc mở trường ở các tỉnh, phủ, huyện ?

« Hình như chúng ta đã bắt đầu bằng một cách sai lầm khi nhất định muốn thay thế bằng được ở khắp nơi việc giáo dục trong nước bằng việc học chữ Việt theo mẫu tự La tinh, bằng cách bắt dân chúng phải viết đơn bằng chữ quốc ngữ và bằng cách bắt họ học thứ chữ viết đó trong hầu hết các làng và bằng cách lập ở khắp các chợ lớn những trường không thầy không sách học.

Những trường học quái đản đó ở các làng được ích gì nếu không phải là để duy trì cái óc lạm bổ và những yêu sách quấy nhiễu lẫn nhau trong cái xứ này. Dù chúng ta có tinh thần bài ngoại thế nào đi nữa phải chăng chúng ta hy vọng rằng có thể thay đổi trong vài năm với sự trợ giúp của một vài người An Nam trẻ tuổi chạy theo chúng ta nhưng chẳng biết gì, tiếng nói và nền giáo dục của hàng bao triệu người ? Sao được ?

Theo ý tôi, không nên vội vã hối thúc đi tới một kết quả như vậy mà tôi chỉ yêu cầu lập một học chánh chính thức ở các quận huyện tỉnh và được tự do. Còn về phương diện tuyên truyền và dạy học, tôi sẽ cho in đủ mọi loại sách tốt, sách dịch bằng cả chữ quốc ngữ lẫn chữ nho ».

(Sàigòn 5-1-1873)

D. NHỮNG HỆ LUẬN CÓ THỂ RÚT RA.

Qua những sự việc trình bày trên, chúng ta có thể rút ra mấy hệ luận :

1. việc đưa chữ quốc ngữ từ lãnh vực tôn giáo sang lãnh vực xã hội (chính trị, văn hóa, giáo dục), việc truyền bá thứ chữ đó (trong trường học, giấy tờ chính thức, báo chí) là do thực dân Pháp chủ trương, khởi xướng, cưỡng bách bằng những nghị định, chứ không phải do những nhà văn tiên phong như Pétrus Ký, Paulus Của... Ngay cả bản dịch ra chữ quốc ngữ một tác phẩm văn chương lớn cũng là do một người Pháp làm đầu tiên (Janneau) và do đó nếu cứ phải gọi là tiên phong thì thực dân đã đi tiền phong chớ không phải những người Việt Nam theo họ.

Những phúc trình của Luro, Philastre Legrand de la Liraye cũng cho thấy chính thực dân đề xướng việc phiên dịch ra chữ quốc ngữ cổ văn (Hán văn, Nôm) việc truyền bá tư tưởng Tây phương, vì những lý do mục đích không liên hệ gì đến mục tiêu làm văn hóa, bồi bổ quốc văn.

2. Chữ quốc ngữ, văn quốc ngữ xuất hiện sớm nhất ở Nam Kỳ, nhưng rơi vào tình trạng ngưng đọng, nghèo nàn sau Pétrus Ký không phải vì mấy nhà văn đó làm cách mạng văn hóa quá sớm và đất Nam kỳ thiếu khả năng văn hóa văn chương như ông Phạm Thế Ngũ đã nhận định. Thực ra văn quốc không phải chỉ nghèo nàn, ngưng đọng *sau* Pétrus Ký mà ngay cả *trước* Pétrus Ký

và *đồng thời* với Pétrus Ký, và nghèo nàn, bế tắc vì sự chống đối của cả một dân tộc với đại đa số trí thức tiêu biểu là giới sĩ phu thời đó. Chống đối vì chữ quốc ngữ bị ngoại bang áp đặt như một công cụ thống trị, tiêu diệt dân tộc thông qua mục tiêu đồng hóa. *Làm sao có văn học, có phát triển văn học khi nền văn học đó không xuất phát từ dân tộc, nhằm phục vụ dân tộc?* Chính thực dân cũng đã sáng suốt thú nhận sở dĩ việc dùng chữ quốc ngữ thất bại là vì nó không bắt rễ vào dân chúng mà chỉ như cái gông cùm đeo vào cổ dân chúng để xích hóa dân chúng, làm sao dân chúng chấp-nhận nó và phát triển nó ?

3. Những nhận xét của các học gỉa thực dân về nguyên nhân thất bại của chính sách cưỡng bách dùng chữ quốc ngữ cho thấy tại sao thực dân đề xướng việc dịch các tác phẩm, cổ văn rồi sau đó không bãi bỏ chữ Hán, trong các nghị định về dùng chữ quốc ngữ ở Bắc kỳ vị thực dân nhận thấy không thể trong chốc lát thay thế nền tảng đạo lý của một dân tộc, hoặc không thể xóa bỏ nền tảng đạo lý đó rồi không có gì khác thay thế. Không có đạo lý, dân chúng không thể trở thành dân tốt được và cũng không lấy gì đào tạo được những người cai trị dân.

4. Những người bản xứ cộng tác với thực dân trong việc truyền bá chữ quốc ngữ thời kỳ đầu là bọn thông ngôn, hương chức mà chính thực dân khinh bỉ cho là bọn vô học chỉ vì quyền lợi địa vị mà làm thôi.

Cho nên thật là đặc biệt trong đám người vô học vô liêm sỉ đó xuất hiện một người như Pétrus Ký. Những tên gọi Pétrus, Paulus cho thấy từ hoàn cảnh nào những Trương Vĩnh Ký Huỳnh Tịnh Của, trở thành những những người Việt đi tiên phong trong việc truyền bá chữ quốc ngữ trong *chính sách văn hóa, báo chí giáo dục của thực dân.*

Tiểu sử ông Ký cho thấy ông là con đẻ của một nền giáo dục Thiên - Chúa - Giáo theo Tây phương ở các trường đạo, chủng viện, chịu sự hướng dẫn đào tạo của Thừa sai, lại rất thông minh có tư cách, nên đương nhiên được nhà cầm quyền Pháp trọng dụng trong lúc hầu như toàn thể trí thức bản xứ tẩy chay, bất hợp tác và những kẻ chạy theo Pháp chỉ là bọn vô lại vô học.

Ông rất thân với toàn quyền Paul Bert và được ông nầy trao cho nhiều sứ mệnh chính trị tế nhị đưa vào cơ mật ở Triều Đình Huế để *« thuyết phục vua và triều đình về những ý định tốt của chính phủ Pháp đối với họ, và cũng để điều khiển đường lối chính trị của Triều Đình theo lối nhìn của nước Pháp »* (thư Pétrus Ký gửi cho Noel Pardon, Giám đốc súy phủ Nam Kỳ ngày 15. 1. 1887) (1). Ngoài ra ông đảm nhiệm nhiều chức vụ hành chánh, học chánh, và nhất là giảng dạy chữ quốc ngữ ở các trường thông ngôn, hậu bổ, biên soạn, phiên dịch nhiều sách cổ văn ra quốc ngữ ông không phải là người

---

(1) Trong Un Savant et un patriote cochinchinois. Pétrus T. V Ký. Bouchot Saigon 3 ème edition Ed. Nguyễn Văn Của. 1927, trang 86.

chủ động đề xướng việc truyền bá quốc ngữ và việc dịch cổ văn ra quốc ngữ, như một nhà cách mạng theo óc suy diễn của ông Phạm-Thế-Ngũ, vì ông làm tất cả những việc văn hóa, văn học trên trong chính sách nô dịch văn hóa của thực dân như người viết tiểu sử đề cao sự nghiệp ông đã xác nhận :

« *Tất cả những bản văn mà ông đã phiên dịch từ chữ nho ra quốc-ngữ không có mục đích nào khác là làm cho dân chúng An nam chấp nhận mẫu-tự La tinh và giảm bớt việc dùng chữ nho bằng cách làm phong phú nền văn học quốc ngữ. Tất cả những việc đó đáp lại đúng ước muốn mà những Đề đốc Thống đốc đã bày tỏ ngay từ lúc mới chinh phục và đã được quan Giám đốc Nội vụ, Paulus Vial trình bày, người đã đo lường được tất cả những cản trở mà chữ nho đặt ra giữa chúng ta và dân tộc này* » *(1)*.

Do đó, nếu ông Trương Vĩnh Ký là người tiền phong trong việc truyền bá chữ quốc ngữ, văn quốc ngữ, thì đó là tiền phong *ở phía* thực dân, kẻ thù của dân tộc, và nếu ông có công thì công đó *trước hết* là công đối với thực dân. Thực dân đã tưởng thưởng công của ông ngay khi ông còn sống bằng cách tặng cho ông Bảo Quốc Huân Chương của nước Pháp.

Tuy nhiên về cuối đời, Pétrus Ký cũng bị bạc đãi, nhất là khi những ông quan thầy có thế lực như Paul-Bert không còn nữa.

(1) J. Bouchot, sách trích dẫn trang 48.

Ông bị những quan Tây cấp dưới và kế tiếp thời Paul Bert « *triệt hạ* » ra mặt vì ghen ghét hoặc vì nghi ngờ ông không thành thật phục vụ nước Pháp. Họ cúp lương của ông hoặc giảm lương một cách bất công đối với ông như thư ông khiếu nại với quan Quan Giám đốc Nội vụ súy phủ Nam Kỳ.

« Tôi xin hân hạnh nhắc lại Ngài lời yêu cầu miệng mà tôi đã nói với Ngài về tiền lương Giáo sư Sinh ngữ Đông phương của tôi, 9.000 quan cho tới bây giờ vẫn được coi như lương của một người Âu châu, nay bị đổi sang đồng bạc và biện pháp đó đã làm tôi thiệt 2.000 quan theo số lương thực thụ. Với tư cách người giúp việc cũ của chính phủ (ancien serviteur), tôi có quyền chờ đợi một tăng lương chứ không phải một cắt giảm. Tôi cũng cũng không cần thêm rằng trước mặt đồng bào tôi, tôi cũng bị trừng trị về tinh thần ». (s.t dẫn trang 84).

Tây Nghi ngờ, ghen ghét, ta thì cho là phản quốc (2) thân Tây...

Tóm lại, một cách tổng quát, Pétrus Ký cũng tương tự Phạm Quỳnh sau này, nhưng khác Phạm Quỳnh ở một vài điểm căn bản : Pétrus Ký có tư cách hơn : Ông làm chính trị thì làm một cách kín đáo, còn làm văn hóa thì chỉ làm văn hóa thuần túy tuy trong chính sách của thực dân, không như Phạm Quỳnh hay Tôn Thọ Tường

(2) Theo nhận định của Bouchot, s t đ trang 92. Tôi chưa tìm thấy một tài liệu nào bày tỏ thái độ của sĩ phu thời đó đối với T. Vĩnh Ký.

đem hết lý luận này nọ, cả chủ nghĩa quốc-gia ngụy tạo để biện hộ cho thái độ theo thực dân, với tư cách người trí thức hoặc biện hộ cho chính chế độ thuộc địa, mạt sát, đã kích những người chống Pháp và sau cùng, viết văn, dịch văn nghị luận chính trị nhằm phục vụ những mục tiêu chính trị của thực dân.

Còn đối với chính ông, ông cho rằng thái độ cộng tác với Pháp chỉ là *ở với* họ nhưng không phải *cho* họ như ông đã bày tỏ trong những thư viết bằng La tinh cho Bác sĩ Chavane một bạn thân của ông (Sic vosnon vobis, Hoc est mea sors et consolatio). (1)

Nếu Ông thành thực tin như vậy, phải chăng đó cũng là một thái-độ ngụy tín về chính trị? Vì thực ra Ông *ở với* họ (nhận những chức vụ của họ được họ hậu đãi và những hậu đãi này (lương như Tẩy) gắn-bó Ông *ở với* họ và Ông cũng đã làm cho họ, phục vụ họ đắc lực về chính trị giáo dục, văn học ... không thấy Ông có một hành động nào chống họ để tỏ ra ông *ở với* họ mà không *cho* họ, dù chỉ là chống nhân danh quyền lợi của chính họ như mấy ông thân hào nhân sĩ dám viết thỉnh nguyện chống chữ quốc ngữ kể trên.

(1) Xem Trương-Vĩnh-Ký của Khổng-Xuân-Thu. Tân Việt Sàigòn 1958.



III

Tiếng nói, Chữ viết, Văn học trong hoàn cảnh mất nước hay Sự lừa bịp của chủ nghĩa Quốc gia bằng Tiếng nói, Chữ viết

III TIẾNG NÓI, CHỮ VIẾT, VĂN HỌC TRONG HOÀN CẢNH MẤT NƯỚC.

Tiếng nói, chữ viết, văn học chỉ là phương tiện. Điều cốt yếu là phải xem ai dùng nó và dùng để làm gì ? Trong tình cảnh tranh chấp trên một trận tuyến, phương tiện được bên này xử dụng nhằm mục đích chống lại bên kia, phương tiện là lợi, tốt đối với người xử dụng bên này và hại, xấu đối với người bên kia. Trận tuyến tranh chấp có thể xảy ra trong nội bộ dân tộc giữa giai cấp thống trị và các giai cấp bị trị, hay giữa dân tộc với ngoại bang xâm lăng, thống trị.

Chẳng hạn chữ nho. Chữ nho bên Trung quốc là thứ chữ của Quốc-gia Trung-hoa, dân tộc Trung-hoa, nhưng khi được quan quân Trung quốc xâm lăng đem sang Việt nam, nó trở thành một phương tiện thống trị cả về văn hóa lẫn chính trị trong thời gian đô hộ. Các nhà nho Việt nam chấp nhận chữ nho, văn nho, nho học về hệ ý thức vì coi nho học như một quan niệm về con người, vũ trụ, xã hội, chính trị là đúng, phổ biến, không phải *vì là* Trung quốc mặc dầu được mang từ Trung quốc sang, nên trong thời độc lập, không chống nho học, bãi bỏ dùng chữ nho và thời xâm lược cũng chỉ chống sự thống trị chính trị của Trung quốc và dùng ngay chữ nho, văn nho, nho học để chống (hịch của Trần Hưng Đạo). Trái lại đối với quần chúng bình dân chữ nho là thứ chữ của qui

tộc, phong kiến, của nền văn học bác học và nho học là hệ ý thức của tầng lớp lãnh đạo (quan, Vua, tri thức) và nhân dân chống nho học, chữ nho khi nó gắn liền với một thống trị về văn hóa, phong tục, tín ngưỡng do tầng lớp phong kiến, Vua Quan nho sĩ Việt nam lãnh đạo. Trên phương diện đó, các nhà nho Việt nam gần gũi với nhà nho Trung quốc hơn gần gũi bình dân Việt nam khi họ làm thơ chữ Hán.

Khi người Pháp mới sang, nhận thấy chữ nho, nho học hiện thân của tinh thần chống Pháp ở giới sĩ phu, nên chống nho học, chủ trương bãi bỏ chữ nho, vì chữ nho, nho học đối với họ *lúc đó* là hại, xấu trong chính-sách trực trị, đồng hóa. Nhưng về sau họ miễn cưỡng dùng lại nho học mà không dùng chữ nho và sau cùng họ ca tụng cả nho học lẫn chữ nho trong chính sách bảo vệ truyền thống khi họ quay sang đường lối hợp tác qua chiêu bài Pháp Việt đề huề thời Pasquier, Albert Sarraut và Pháp Việt phục hưng quốc-gia thời Pétain. Nho học ở đây được coi như nền tảng đạo lý bảo vệ trật tự của chế độ bảo hộ. Lúc nho học đối với Pháp là tốt, có lợi thì lại là xấu, hại (bảo thủ, phản động) đối với các sĩ phu chủ trương Duy Tân và các nhóm văn hóa do những trí thức tân học đề xướng.

Chữ quốc ngữ cũng vậy. Ở thời kỳ đầu, người Pháp dùng chữ quốc ngữ như công cụ xâm lược tinh thần, cô lập dân tộc trong ý định đồng hóa bằng cách tiêu diệt lòng yêu nước hiện thân trong truyền thống đạo lý gắn liền với nho học. Lúc đó chữ quốc ngữ đối với Pháp là có lợi,

tốt, nhưng đối với ta là hại xấu. Khi các sĩ phu yêu nước, đoạt lại chữ quốc ngữ trong tay thực dân, biến nó thành công cụ khêu gợi lòng yêu nước, chống Pháp, chữ quốc ngữ lại trở thành một phương tiện có lợi, rất tốt của ta.

Do đó, thời kỳ đầu Pháp thuộc biên soạn văn học sử về chữ quốc ngữ, văn quốc ngữ, phải đặt vấn đề vào trong trận tuyến tranh đấu giữa ta và địch, xác định những chủ trương, kẻ chủ động và người thừa hành, *không thể nhập nhằng coi diễn tiến văn học như một tiếp nối của những người cùng một chiến tuyến, một chủ trương, mục đích...* Chẳng hạn xếp những Pétrus Ký, Paulus Của, rồi đến Đông Kinh Nghĩa Thục, Đông Dương tạp chí, Nam phong tạp chí vào cùng một phía.

TRẬN TUYẾN TRANH ĐẤU TRÊN BÌNH DIỆN VĂN QUỐC NGỮ

Thực dân Pháp	Những người yêu nước chống Pháp
— chữ quốc ngữ của Thừa sai	
— chữ quốc ngử của Thực dân Pháp	
Lục-Vân-Tiên Janneau Trương-Vĩnh-Ký	Nguyễn-Đình-Chiểu và giới sĩ-phu đương thời (chống)
Gia-Định báo	
Nguyễn-Văn-Vĩnh (Đ.D.T.Ch) Phạm-Quỳnh (Nam Phong)	Phong trào Duy-Tân (chủ trương dùng chữ quốc ngữ) Đông-Kinh Nghĩa-Thục

Căn cứ vào trận tuyến trên, nếu gọi những Pétrus Ký là nhà văn tiền phong, phải xác định là tiền phong trong chủ trương của thực dân, và những người thực sự là tiền phong của văn quốc ngữ xuất phát từ dân tộc phục vụ dân tộc, là những nhà nho chủ trương Duy-Tân, cầm đầu phong trào Đông-Kinh Nghĩa-Thục.

Thuở ban đầu chữ quốc ngữ đã được mang đến từ bên ngoài.

Chữ quốc ngữ cũng đã được áp đặt cho chúng ta từ bên ngoài, như một công cụ xâm lược tinh thần, thống trị chúng ta.

Sau đó, chúng ta đã đoạt lại công cụ của thực dân. Đó là sự thực lịch sử.

Ngày nay, thái độ của chúng ta là vẫn tiếp thu những thành quả của chữ quốc ngữ, văn quốc ngữ thời kỳ đầu như tiếp thu những thành tích khác mà chế độ thực dân đã làm và để lại. Biên khảo giảng dạy về thời kỳ đầu chữ quốc ngữ không phải là đề cao một cách vô ý thức những người đã vô tình hay cố ý cộng tác với địch, phục vụ những chính sách văn hóa của địch, vì đã rõ nếu họ có công với Pháp và nếu phải kể công thì phải kể công của Pháp đã chủ động, chủ xướng (1), nhưng là khêu gợi ý

(1) Nhiều nhà viết văn, học sử vẫn theo nhau lập lại những nhà văn tiền-phong như Pétrus Ký có công lớn với chữ quốc ngữ. Dựa vào đâu mà quả quyết như vậy, phải chăng vào chủ quan của mình ngày nay mà thôi ? Đặt vào trong hoàn cảnh người đương thời, một công trình biên khảo tự bản thân đã chẵng vĩ-đại gì lại được thực hiện trong một chính sách của kẻ thù dân tộc, và tác giả bị coi là phản bội, trong một tình thế tẩy chay chống đối hầu như toàn diện có ảnh hưởng gì không và nếu có, là bao nhiêu ?

thức về nỗi nhục của người dân mất nước, vạch ra những âm mưu đầu độc, xâm lược tinh thần nham hiểm của thực dân xâm lăng và nêu cao tinh thần bất khuất của cha ông rút ra những bài học về đường lối tranh-đấu trên mặt trận văn học ; có như vậy mới gọi là dùng văn học sử để giáo dục ý thức dân tộc như mục tiêu cao cả chính đáng mà các nhà giáo hay biên soạn văn học sử thường đề ra trong bài tựa, lời nói đầu.

xXx

Sau cùng, trong viễn tượng trên cũng cần lột trần tính chất bịp bợm của cái gọi là chủ nghĩa quốc gia bằng ngôn ngữ, văn tự khi tìm hiểu thời kỳ đầu văn, chữ quốc ngữ lúc người Pháp mới thiết lập chế độ thuộc địa.

Trong hai tập biên khảo về Nam Phong, Phạm Quỳnh, chúng tôi đã vạch mặt cái chủ nghĩa quốc gia bằng ngôn ngữ của Phạm Quỳnh. Đó là một chủ trương nhằm bảo vệ, duy trì tiếng nói của dân tộc. qua một số tác phẩm văn chương tiêu biểu như đường lối yêu nước, cứu nước thích hợp hơn cả trong hoàn cảnh mất nước. Luận điệu trên của Phạm Quỳnh bịp bợm ở chỗ đáng lẽ tiếng nói, văn chương chỉ được coi như một phương tiện khêu gợi lòng yêu nước, ý thức dân tộc, đưa đến *hành động tranh đấu* cứu nước, thì lại được coi như thay thế cho hành động, tranh đấu.

Muốn cứu nước, chỉ cần bảo vệ, duy trì được tiếng nói. Tệ hơn nữa, thực ra, tiếng nói, văn chương cũng không được coi như phương tiện khêu gợi tình tử dân

tộc, vì nếu dùng tiếng nói, văn chương để khêu gọi lòng yêu nước thì đó cũng đã là một hành động tranh đấu rồi. Theo Phạm Quỳnh, muốn cứu nước chỉ cần bảo vệ, duy trì, hoặc phát huy tiếng nói hoàn toàn về phương diện hình thức, nghĩa là duy trì được cái tinh hoa trong một số tác phẩm văn chương nổi tiếng, tiêu biểu của dân tộc, và phát huy được tiếng nói, làm cho nó phong phú về từ ngữ, gọn gàng về lời văn, mà không cần xét đến nội dung : nói gì cũng được, ngay cả nói, viết đề cao thực dân thuyết phục chấp nhận chế độ bảo hộ, miễn là tiếng nói vẫn còn và được phát huy, bồi bổ, phong phú hóa...

Một đường lối yêu nước, cứu nước như thế thật là dễ dàng và dễ chịu quá ! Vì người chủ trương về phía kẻ thù chẳng những không phải hy sinh gì mà lại được mọi thứ lợi lộc ; còn về phía dân tộc, vẫn được tiếng là yêu nước, cứu nước bằng đường lối văn hóa.

Luận điệu bịp bợm về chủ nghĩa quốc gia bằng ngôn ngữ không phải do Phạm Quỳnh sáng chế ra, nhưng Phạm Quỳnh chỉ học mót lại của một ký giả thực dân. Để thuyết phục trì thức bản xứ yên lòng chấp nhận chế độ thực dân, hoàn cảnh mất nước mà vẫn như còn, G. Gaubye đưa ra trường hợp xứ Ba Tư. Nước này tuy bị ngoại bang thống trị hàng trăm năm nhưng dân tộc vẫn còn nhờ có những tác phẩm văn chương tiêu biểu nổi tiếng như bộ Shanamed của Firdousi. Số phận một dân tộc gắn liền với một tác phẩm tuyệt-hảo. Tác phẩm tuyệt hảo còn, dân tộc vẫn còn.

Phạm Quỳnh đã học mót luận điệu trên, lấy truyện Kiều của Nguyễn Du làm một thứ Shanamed của Firdousi cho Việt nam. Theo lệnh thực dân, Nam Phong và Phạm Quỳnh tung ra phong trào đề cao truyện Kiều, được coi như quốc hồn quốc túy. quốc sách, vì Truyện Kiều còn, tiếng ta còn, tiếng ta còn thì nước ta còn.

Luận điệu bịp bợm trên của thứ chủ nghĩa quốc gia bằng ngôn ngữ đã bị Cụ Ngô Đức Kế vạch mặt, tố cáo, và những phản ứng biểu đồng tình với Cụ Ngô của dư luận đương thời đã bịt miệng Phạm Quỳnh, làm xẹp phong trào suy tôn Truyện Kiều.

Nhưng trước Phạm Quỳnh cả 20 năm, Nguyễn-Văn-Vĩnh đã đưa ra luận điệu tương tự. Trong lời tựa bộ Tam-Quốc Chí do Phan-Kế-Bính dịch hồi 1907, Nguyễn-Văn-Vĩnh đã viết : *« Nước Nam ta mai sau này hay dở cũng ở như chữ quốc ngữ »*.

Câu nói trên được coi như một câu bất hủ, một lời tiên tri, một chân lý mà người ta nhắc đi nhắc lại mãi, *bắt buộc* phải nhắc tới mỗi khi nói đến chữ quốc ngữ. Câu nói đề cao vai trò tối quan trọng của chữ quốc ngữ vì nó quyết định tương lai dân tộc. Số phận của dân tộc, sự tồn tại hay diệt vong, sự phát huy hay sa đọa của dân tộc, hoàn toàn tùy thuộc vào chữ quốc ngữ.

« Học chữ quốc ngữ là một sự bất đắc, bất nhiên, là một việc Sống chết của nước Nam ta » (trong bài văn chương An nam, Đông dương tạp chí, số 9) Theo Nguyễn-Văn-Vĩnh, sở dĩ phải học chữ quốc ngữ, như một điều

kiện sống còn của dân tộc vì chữ quốc ngữ là phương tiện giải thoát, con đường tiến hóa. Giải thoát sự kìm kẹp của Hán học, chữ nho vì « *chữ nho chính là hàng rào chắn ngang đường văn minh* ». Con đường ttến hóa : theo Tây học để trở thành văn minh, tiến bộ.

Thiết tưởng đã đến lúc phải chấm dứt lập luận phiếm diện, lệch lạc dã ru ngủ, huyễn dịu những học sinh các lớp Việt-văn từ mấy chục năm nay bằng cách phơi bày tính cách bịp bợm của cái gọi là chủ nghĩa quốc-gia bằng chữ viết mà Nguyễn Văn Vĩnh đã chủ xướng trước phạm Quỳnh thông qua câu nói nổi tiếng được coi là bất hủ trên.

xXx

Vào thời câu nói của Nguyễn Văn Vĩnh, nghĩ đến tương lai nước Nam bao hàm những mơ ước gì ? Có lẽ chỉ có hai mơ ước chính : nước nhà dành được độc lập, chủ quyền và thực hiện một cải tiến xã hội nhằm nâng cao dân trí dân sinh. Tóm lại là mơ ước Độc lập, Tự do, hạnh phúc mà toàn dân phải đợi dến cách mạng 8/1945 mới công khai nói lên được sao ngót một thế kỷ bị kìm kẹp dưới ách nô lệ của thực dân Pháp.

Nhưng làm thế nào thực hiện được những mơ ước trên ? Chỉ có một cách là đứng lên, chống lại, hủ tiêu chế độ thuộc địa dựa trên áp bức chính trị, bóc lột kinh tế và ngu dân đầu độc về văn hóa.

Dĩ nhiên, đây là một cuộc tranh đấu lâu dài, đòi hỏi có tổ chức, lãnh đạo, tùy thời, trải qua nhiều giai đoạn

và nhất là muôn mặt : đấu tranh võ trang, hoặc đấu tranh trên mặt trận văn hóa, chính trị. Một trong những phương tiện tranh đấu trên mặt trận văn hóa, chính trị là ngôn ngữ văn tự. Tiếng nói, chữ viết được dùng để khêu gợi tình tự dân tộc, động viên lòng yêu nước, giáo dục ý thức chính trị, tuyên truyền, tranh thủ dư luận bên ngoài, dư luận của đối phương.

Có tiếng nói, chữ viết dân tộc càng tốt, chưa có, hoặc có mà không được dùng, hay không dùng được, thì mượn tiếng nói, chữ viết của nước ngoài. ngay cả của kẻ thống trị.

Trong một hoàn cảnh như của các nước Phi Châu thuộc địa trước đây, vì không có một tiếng nói, chữ viết thống nhất nên các người yêu nước, các tổ chức tranh đấu chống thực dân đã phải dùng tiếng Pháp, tiếng Anh, tiếng nói chữ viết của kẻ thống trị để thực hiện những công tác khêu gọi, động viên, giáo dục, tuyên truyền, tranh thủ trên. Do đó, mà nhiều dân tộc Phi châu có hẳn một nền văn chương yêu nước, tranh đấu chống thực dân bằng tiếng Pháp, tiếng Anh. Những nhà văn, nhà thơ Phi châu đã mượn chữ Pháp chữ Anh để diễn tả tình tự dân tộc, nỗi niềm da đen của họ.

Trường hợp Việt nam phức tạp hơn. Hằng bao thế kỷ, trí thức, sĩ phu Việt nam đã coi chữ nho như chữ ta, nên những người yêu nước muốn tranh thủ giới nhà nho phải viết bằng Hán văn. Những tác phẩm cổ động biên khảo của Phan-Bội-Châu đều được viết bằng chữ nho.

Sau đó, lớp trí thức mới xuất hiện ở các trường học của Pháp lại chỉ thông thạo tiếng Pháp. Để tranh thủ họ, chống lại những luận điệu đầu độc của sách báo bằng tiếng Pháp do thực dân hay tay sai như Phạm Quỳnh tung ra, các người yêu nước, tổ chức tranh đấu cũng bắt buộc phải cho ra báo tiếng Pháp, chẳng hạn tờ « La cloche fêlée, l'Annam » của nhóm Nguyễn-an-Ninh, tờ « La lutte » của đệ tam đệ tứ, tờ Le Travail » của đảng Cộng Sản Đông dương v.v...

Ngoài mục đích tranh thủ dư luận trí thức bản xứ, những tờ báo bằng tiếng Pháp còn nhằm mục đích tranh thủ dư luận người Pháp ở Việt nam và nhất là ở Pháp (tố cáo những áp bức, bóc lột, chà đạp của chế độ thuộc-địa, kêu gọi sự liên đới, biểu đồng tình của những người Pháp dân chủ, tiến bộ, ủng hộ, tranh đấu cho những nguyện vọng chính đáng của dân tộc Việt nam).

Về chữ quốc ngữ, lúc đầu những người yêu nước chống đối vì nó bị thực dân lợi dụng như công cụ xâm lược tinh thần nhằm thực hiện chính-sách đồng hóa, nhưng về sau chúng ta đã đoạt lại công cụ trên biến thành phương tiện khêu gợi lòng yêu nước, giáo dục văn hóa nhằm tranh thủ đặc-biệt những tầng lớp bình dân...

Một người Việt nam yêu nước, tha thiết với tương lai dân tộc, trong hoàn cảnh mất nước, có thể nhìn nhận tiếng nói, chữ viết như một phương tiện cứu nước, nhưng không bao giờ nghĩ rằng có thể cứu nước, xây dựng tương lai dân tộc *chỉ bằng* tiếng nói, chữ viết. Đó là chữ viết, tiếng nói được coi như phương tiện tranh

đấu, dùng để diễn tả, biểu lộ lòng yêu nước, lập trường tranh đấu, không phải tiếng nói chữ viết chỉ được coi như hình thức diễn tả một nội dung văn học, văn hóa, không những không gắn liền với tư tưởng, đường lối chính trị tranh đấu cứu nước mà còn chống lại với chúng, như Nguyễn Văn Vĩnh và Phạm Quỳnh chủ trương...

Vậy Nguyễn Văn Vĩnh, tác giả câu nói được coi là bất hủ : « *Nước Nam ta mai sau này hay dở cũng ở như chữ quốc ngữ* » chủ trương một đường lối cứu nước, gây dựng tương lai dân tộc bằng cách bồi bổ thứ chữ viết tiếng Việt bằng mẫu tự La tinh, ông ta là ai và tại sao lại chủ trương như vậy ?

Nguyễn-Văn-Vĩnh thuộc loại trí thức mới, chủ trương đầu hàng thỏa-hiệp với thực dân, trước hết và chủ yếu vì quyền lợi bản thân, tầng lớp của mình, như chính Nguyễn Văn Vĩnh đã công khai thú nhận : *nhờ ơn nhà nước Đại Pháp mà bọn trí thức ta được ăn học như ngầy nay, và vì thế nguyện trung thành với nhà nước bảo hộ, không âm mưu, chống đối, làm loạn như bọn bất mãn, giả danh cách mạng ở trong nước hay lưu vong ở nước ngoài* ». Nhưng những kẻ đầu hàng thỏa hiệp không bao giờ chịu nhận họ là những người đầu hàng thỏa hiệp, trái lại họ phải tự lừa dối và lừa dối người khác bằng cách coi sự đầu hàng thỏa hiệp như một đường lối cứu nước thích hợp hơn cả, và họ viện đủ lý lẽ để biện hộ cho chủ trương cứu nước bằng đường lối thỏa hiệp đầu hàng thực dân của họ (nước ta yếu kém về mọi mặt, người Pháp mạnh hơn ta mọi mặt, nên phải chấp nhận bảo hộ, để được học hỏi, tiến bộ).

Trong đường lối cứu nước bằng thỏa hiệp đầu hàng thực dân, những Nguyễn Văn Vĩnh đề ra phương thức hoạt động cụ thể, dĩ nhiên không phải tranh đấu chống Pháp, nhưng chỉ là trau dồi văn hóa, bồi bổ chữ quốc ngữ, dịch thuật, giới thiệu tư tưởng, văn hóa tây phương, đặc biệt văn hóa tư tưởng Pháp. Và vì chỉ có cách bồi bổ chữ quốc ngữ là thích hợp hơn cả nên tương lai nước An nam sau này hay dở đều tùy thuộc vào chữ quốc ngữ.

Những người đương thời với Nguyễn Văn Vĩnh thấy rõ thực chất phản bội của những kẻ đầu hàng thỏa hiệp vì quyền lợi giai cấp còn dám mạt sát, chửi rủa những người làm cách mạng, chống Pháp như Phan-Bội-Châu là bọn « *chúng nó* », tuy không vạch mặt nói thẳng, công khai ra được, nhưng đã truyền tụng sự lên án những kẻ đầu hàng qua những câu ca dao tục ngữ như « *Nguyễn phản quốc, Phạm hót Tây* ».

Tuy nhiên, luận điệu của Nguyễn-Văn-Vĩnh có thể lừa bịp được một số người : những người nếu không cùng một lựa chọn chính trị như Nguyễn Văn Vĩnh, thì cũng chia sẽ chấp nhận một hệ luận của lựa chọn chính trị trên : chấp nhận chế độ bảo hộ, nghĩa là không làm chính trị nữa. Trong khuôn khổ chấp nhận chế độ bảo hộ và do đó không đặt vấn đề chính trị (tuy thực ra đã đặt và lựa chọn một chính trị) chỉ làm văn hóa, văn học thuần túy coi như đường lối cứu nước thích hợp hơn cả, nghĩa là làm văn hóa văn học *tách khỏi* tranh đấu chính trị cứu nước thật sự.

Chỉ những người quan niệm làm văn hóa, văn học như trên mới tin vào câu nói của Nguyễn-Văn-Vĩnh, hoặc tiếp thu nó mà không phê phán, vì từ *căn bản* tuy có thể là vô tình, vô thức, thực ra chia sẻ một lựa chọn chính trị tương tự như lựa chọn chính trị của Nguyễn Văn Vĩnh. Trái lại những người liên hệ với những tổ chức tranh đấu chống thực dân hay ít ra biểu đồng tình với những tổ chức tranh đấu trên, vì hiền rằng tương lai dân tộc trong hoàn cảnh mất nước là ở tại có tranh đấu chống nô lệ hay không, chỉ có thể thấy câu nói của Nguyễn Văn Vĩnh là khôi hài hoặc bịp bợm vì những lý do sau đây :

1. Lựa chọn chính trị căn bản của Nguyễn Văn Vĩnh là chấp nhận chế độ thuộc địa dưới hình thức trực trị, nghĩa là đã gạt bỏ ngay từ khởi điểm đòi hỏi cốt yếu : tranh đấu chống thực dân và do đó đã không đặt vấn đề tương lai dân tộc, vì đã rõ tương lai cũng sẽ giống hiện tại một khi được những người đầu hàng thỏa hiệp như Nguyễn Văn Vĩnh, Phạm Quỳnh coi là một định mệnh, một tất yếu lịch sử và hơn nữa một may mắn cho dân tộc (được một nước văn minh, quảng đại, bảo hiệp đến khai hóa).

Không chống thực dân và trong khuôn khổ thuộc địa, chỉ còn một việc làm thích hợp hơn cả là giáo dục, văn hóa. Nhưng dù có làm văn hóa giáo dục tiến bộ đến đâu đi nữa, mà không gắn liền công tác văn hóa giáo dục đó với tranh đấu chính trị, thì vẫn chỉ là tiến bộ trong khuôn khổ chế độ thuộc địa, tiến bộ của một người dân nô lệ, mất nước mà thôi.

2. Nhưng thực ra, ngay cả làm văn hóa giáo dục trong khuôn khổ thuộc địa cũng không thể có tiến bộ được. Bản chất của chế độ thực dân là : áp bức về chính trị, bóc lột về kinh tế và ngu dân về văn hóa, những kẻ có bổn phận bảo vệ duy trì chế độ thực dân không thể thay đổi bản chất của chế độ mà không tự phủ nhận, đồng thời phủ nhận chế độ thực dân. Do đó, không thể quan niệm có khai hóa phát triển văn hóa thực sự trong chế độ thực dân. Thực dân mở một số trường không phải vì phát huy văn hóa giáo dục, nhưng để đào tạo một số tay sai bản xứ. Thực dân cưỡng bách dùng chư quốc ngữ trong giấy tờ hành chánh, cưỡng bách dạy chữ quốc ngữ ở các trường học, như đã thấy, chỉ nhằm thực hiện một âm mưu thâm độc : tiêu diệt dân tộc bằng chính sách đồng hóa, hoặc về sau để hạn chế sinh viên du học. Thực dân chỉ có hai chính sách để bảo vệ duy trì thuộc địa : đồng hóa trực trị và bảo hộ. Chính sách nào cũng có cái bất lợi và để giải quyết cái bất lợi của chính sách đồng hóa, họ dùng cái lợi của chính sách bảo hộ nhưng chính cái lợi của chính sách bảo hộ này lại sinh ra cái bất lợi và bắt buộc thực dân phải dùng cái lợi của chính sách đồng hóa để sửa chữa. Thực dân bị bó tay trong một vòng luẩn quẩn, và họ không có cách nào khác thoát khỏi cái vòng luẩn quẩn đó. Bắt học tiếng Pháp để biến người Việt thành người Pháp. Dĩ nhiên nhiều người Việt trở thành vong bản vì chính sách đồng hóa trên. Nhưng cũng có nhiều người việt lợi dụng việc học tiếng Pháp, việc du học, có quốc tịch Pháp, luật lệ Pháp để chống thực dân. Đó là điều bất lợi của chính sách đồng hóa. Thực dân bắt buộc qnay lại chính sách

bảo hộ : lập ra một hệ thống học chính, học chính bản xứ song song với hệ thống học chính pháp, đề cao việc học chữ quốc ngữ để hạn chế việc du học, hoặc số người có thể lợi dụng nhiều ưu đãi của nền học chính Pháp. Tóm lại, không bao giờ thực dân thực tâm muốn phát triển văn hóa giáo dục. Chỉ có những người Việt yêu nước thực tâm muốn phát triển văn hóa giáo dục và vì thực dân chủ trương ngu dân, nên không thể cho phép những người, những tổ chức cách mạng làm văn hóa giáo dục thực sự. Những phong trào như Đông Kinh, Nghĩa Thục, Truyền bá chữ quốc ngữ đã bị thực dân cấm đoán, giải tán, hoặc làm khó dễ.

Trong thời Pháp thuộc, nếu có lúc nào thực dân và tay sai văn hóa cổ võ chữ quốc ngữ, đề cao bảo vệ truyền thống dân tộc. thì đó chỉ là những chiêu bài được tung ra trong những thời kỳ áp dụng đường lối bảo hộ, còn về căn bản, tiếng Việt. chữ quốc ngữ, thực ra luôn luôn bị khinh bỉ, không phải là tiếng nói, chữ viết của thăng tiến xã hội, vì muốn tiến thân, được trọng dụng phải biết tiếng Pháp, tiếng của kẻ thống trị. Ngoài xã hội cũng như ở trường học thời Pháp thuộc, môn việt văn có một địa vị như thế nào trong chương trình học, thiết tưởng ai cũng đã rõ rồi. Trước thời Pháp thuộc, số người thông thạo chữ Hán, chữ nôm không phải là ít. Sau khi thiết lập chế độ thuộc địa, thực dân bãi bỏ việc học chữ nho lúc đầu cưỡng bách học chữ quốc ngữ, về sau bỏ nửa chừng vì sự chống đối, do đó số người không biết cả chữ nho lẫn chữ quốc ngữ, nghĩa là mù chữ tăng hơn

thời trước khi bị đô hộ. Đó là tiến bộ hay ngu dân ? Còn trường học, những thống kê chính thức của chính quyền thực dân dưới đây cho thấy sự tiến bộ chậm chạp đến thế nào :

NIÊN KHÓA 1938 - 1939

— Trung học	:	400
— Cao Đẳng tiểu học	:	4.552
— Tiểu học	:	57.412
— Sơ học	:	352.565

Tổng cộng là 414.929 với 547 học sinh theo hệ thống học chính Pháp.

— Đại học Hà nội : 1.047 sinh viên (Luật 338 Y Khoa 376, Mỹ Thuật 333).

Niên giám thống kê 1937 - 1938 :

Tỷ lệ là 0,8% bậc sơ học
0,25% Cao đẳng tiểu học
0,005% Trung học
nghĩa là cứ 10 vạn dân mới có 25 học sinh Cao đẳng tiểu học và 5 học sinh trung học.

Số học sinh được đi du học sang Pháp (niên khóa 1941 - 1942) : 52 người

Về sách báo, nhìn thoáng qua có vẻ nhiều tuy không có những thống kê chính xác về số lượng xuất bản, nhưng

phỏng đoán cũng thấy tình trạng sách báo thời Pháp thuộc không thể coi là tiến bộ nếu đối chiếu với những nhu cầu của đông đảo dân chúng. Sách báo in ra chỉ phổ biến trong một giới nhỏ bé, giới được ăn học ở các đô thị, trong khi đông đảo dân chúng trong các tầng lớp khác ở đô thị và nông thôn không hề được biết tới những sinh hoạt văn hóa, văn học. Thử hỏi một người công nhân, một người nông dân, Xuân Diệu là ai ? Nhất Linh là ai ? chắc chắn họ không bao giờ nghe biết tới. Tam Lang viết một phóng sự về người kéo xe tay, như một người ở tầng lớp khác nói về họ, không phải cho họ mà cho tầng lớp của tác giả đọc. Còn họ, đối tượng được mô tả, không biết Tam Lang là ai cũng chẳng biết có người nói về kiếp sống của họ. Nói tóm lại. trong thời Pháp thuộc, đa số dân chúng bị gạt ra ngoài những sinh hoạt văn hóa văn học.

Nhưng khi vừa giành lại được chủ quyền, độc lập chúng ta đã đặt tiếng Việt, chữ quốc ngữ vào địa vị xứng đáng của nó : làm chuyền ngữ ở mọi cấp học, kể cả ngành Đại học ; chỉ sau vài năm, thông qua tổ chức bình dân học vụ, chúng ta đã thanh toán nạn mù chữ bằng những bước tiến gấp trăm nghìn lần thời Pháp thuộc, và sau 20 năm, chúng ta đã mở bao Đại học có bao sinh viên trên toàn quốc. Cho nên, *điều kiện giải thoát, tiến bộ không phải là phát huy tiếng nói, chữ viết, nhưng là tranh đấu chính trị.* Một chính trị (chính trị thực dân) đã ngăn chận, hạn chế, ngu dân, một tranh đấu chính trị khác giải thoát, tạo điều kiện tiến bộ. Tương lai một dân tộc trong hoàn cảnh mất nước tùy thuộc ở sự tranh đấu hay không để

giành lại chủ quyền, độc lập vì sự hay dở của một dân tộc về mọi phương diện (văn hóa, dân sinh, dân quyền v.v...) tùy thuộc vào việc có chủ quyền hay không. Có chủ quyền mới kiến tạo xây dựng phát triển thực sự được, không có chủ quyền không có kiến tạo xây dựng phát triển thực sự.

3 Nguyễn-Văn-Vĩnh nói : *«Chữ nho chính là hàng rào chắn ngang đường văn minh»*, còn Phạm Quỳnh nói : *«Chữ quốc ngữ, công cụ kỳ diệu giải thoát về đường trí thức». (1)*

Tự bản thân, chữ viết chỉ là một phương tiện, nó trở thành phương tiện ngăn chận hay giải thoát tùy ở người dùng nó, chứ không phải tự nó mang tính chất khả năng giải thoát hay ngăn chận, áp bức.

Do đó, nếu chữ nho là hàng rào chắn ngang đường văn minh không phải vì bản thân chữ nho mang khả năng ngăn cản, nhưng vì thái độ bảo thủ, cố chấp của một số nhà nho. Nói cách khác, hàng rào ngăn cản, nếu có, không phải là chữ nho, nhưng là một thái độ, tinh thần cố chấp bảo thủ. Như thế cũng đã rõ vấn đề không phải là chống chữ nho, nhưng là chống thái độ bảo thủ, cố chấp mà thôi. Vì khi người ta có một thái độ cởi mở, cầu tiến, thì chữ viết nào cũng có thể trở thành một phương tiện học hỏi, giải thoát. Đối với các nhà nho Trung quốc và

---

(1) Ce merveilleux instrument daffranchissement intellèctuel qu' est le quốc-ngữ, trong bài Evolution de la langue Annamite. Nouveaux essais Franco-Annamites Page 46.

Việt nam hồi đầu thế kỷ, trong phong trào tân thư, chữ nho chắc chắn đã không phải là hàng rào chắn ngang con đường văn minh như Nguyễn Văn Vĩnh nhận định, nhưng chính là con đường giải thoát đưa vào văn minh Tây phương. Qua phong trào Tân thư chữ nho đã chứng tỏ có khả năng tiếp thu, diễn tả tất cả những tư tưởng, kiến thức khoa học, văn hóa Tây phương...

Nhưng có kiến thức nhờ chữ viết là một chuyện, thực hiện những kiến thức tiếp thu được là một chuyện khác. Dĩ nhiên điều kiện thực hiện nhưng kiến thức không phải là chữ viết, nhưng là chính trị (có chủ quyền, độc lập).

Trung quốc, Nhật Bản, Cao Ly trước 1945 và ngày nay có văn minh, trở thành một nước tiền tiến không (văn minh theo nghĩa Âu hóa tiếp - thu những kiến thức khoa học kỹ thuật Tây phương) mặc dầu những nước đó không có chữ quốc ngữ, viết bằng mẫu tự La tinh và vẫn dùng chữ nho, hoặc chữ Nhật, chữ Cao Ly là những chữ tượng hình tương tự chữ Hán để tiếp thu và diễn tả những kiến thức khoa học, kỹ thuật, tư tưởng Tây phương ? Trái lại, Việt-Nam có chữ quốc ngữ mà nhiều người vẫn coi sự kiện có chữ viết bằng mẫu tự La tinh như một đắc thắng chữ nho, chữ nôm, có tiến bộ văn minh bằng cách Âu hóa bằng những nước trên hay không ?

Cho nên yếu tố quyết định sự tiến bộ không phải là chữ viết, tiếng nói, mà là tự do hay nô lệ. Một nước

bị đô hộ, dù có tiếng nói thống nhất chữ viết thuận lợi mấy đi nữa, cũng không thể tiến bộ phát triển được. Trái lại, một nước độc lập tự làm chủ vận mệnh của mình thì dù chữ viết phải vay mượn, hay có chữ viết khó học, khó đọc mấy đi nữa cũng vẫn tiến bộ phát triển được, vì cái khó không phải luôn luôn là nguyên nhân cản trở sự tiến bộ và cái dễ không nhất thiết là yếu tố thuận lợi.

Mỗi chữ viết đều có cái khó cái dễ, cái lợi cái bất lợi của nó.

Chữ nho, một thứ chữ tượng hình có cái bất lợi cũng có cái lợi của nó, chữ quốc ngữ cũng vậy.

Ở Trung quốc, Nhật Bản, đã có nhiều thí nghiệm áp dụng thứ chữ viết theo mẫu tự La tinh, nhưng rồi lại tạm gác lại. Sự kiện đó cho thấy chữ viết tượng hình có những bất tiện mà người ta muốn khắc phục bằng chữ viết theo mẫu tự La tinh, nhưng chữ viết theo mẫu tự La tinh phải chăng lại tạo ra những khó khăn khác có thể lớn hơn nên rốt cục người ta đành giữ lại chữ viết của truyền thống ? Còn chữ quốc ngữ sở dĩ đã đắc-thắng được chữ nho, chữ nôm, không phải vì nó vô cùng tiện lợi hơn chữ nôm, chữ nho, mà *chủ yếu* vì một cưỡng bách chính trị do thực dân chủ trương như chúng ta đã thấy ở trên.

Giả sử nước chúng ta không bị Pháp đô hộ, chắc gì chữ quốc ngữ thay thế được chữ nho, chữ nôm vì chắc chắn sẽ có một nỗ lực để cải tiến chữ Nôm, như

qui định lại chính tả, điều chỉnh, đơn giản hóa những chữ không hợp lý, phức tạp v.v... để có thể dùng thứ chữ cải tiến đó làm phương tiện canh tân, Âu hóa như Nhật bản, Cao Ly đã làm.

Trong một bài biên khảo công phu về chữ quốc ngữ (1) ông Nguyễn Văn Xuân đã nêu thắc mắc : *tại sao chữ quốc ngữ, vào cái thời nước ta chưa bị thực dân Pháp xâm lược, đặt ách thống trị đã không được để ý tới bên ngoài cánh cửa của các nhà chung ? Nói cách khác, khi chúng ta còn chủ quyền độc lập, nếu chữ quốc ngữ là thứ chữ tiện lợi, dễ học hơn chữ nôm, chữ nho, tại sao nó không được trì thức đương thời tiếp thu chấp nhận ? Có phải vì ác cảm với các vị thừa sai ?* ông Nguyễn Văn Xuân cho rằng không phải vì có những lúc thừa sai được tín nhiệm trọng dụng trong dân chúng cũng như trong Triều đình ! nếu không có sự tín nhiệm và cảm phục, làm sao Vua Quang có thể đã ủy thác cho thừa sai việc chữa bịnh là việc liên hệ mật thiết hơn cả đến sinh mệnh ? Hoặc vì chữ quốc ngữ còn lạ mắt ? Theo ông Nguyễn Văn Xuân cũng không phải vì trong suốt hàng mấy thế kỷ, sự giao thiệp, buôn bán đã không còn làm cho người Việt Nam, nhất là thành phần trí thức lạ gì với tiếng nói, chữ viết bằng mẫu tự La tinh, vậy chỉ có một nguyên nhân giải thích, theo Nguyễn Văn Xuân, là vào thời đó, lúc bắt đầu có những giao thiệp với Tây phương chữ nôm rất thịnh hành, được dùng trong các giấy tờ không những ở cấp dưới mà cả ở cấp nguyên thủ nữa

---

(1) 100 năm văn học chữ quốc ngữ. Văn số 1, tháng XI, 1967.

(1). Trong hoàn cảnh chữ nho, chữ nôm toàn thịnh như thế, chữ quốc ngữ do các cố đạo sáng chế ra đã xuất hiện trước mặt trí thức đương thời như một thứ chữ *dễ viết* nhưng không *dễ hiểu* vì nó là thứ chữ ghi âm mà không ghi ý như chữ nho, chữ nôm. Rất nhiều tiếng thuần túy Việt hay Hán Việt có nhiều nghĩa. Phiên âm mới chỉ viết ra, ghi lại tiếng nhưng chưa xác định rõ nghĩa của tiếng. Tiếng giây ghi là giây hay bây, đọc lên không thể hiểu ngay có ý chỉ sợi dây hay dây dưa trong khi chữ nho chữ nôm vì diễn ý nên viết ra có thể hiểu ngay không lầm được.

Ngay từ thời kỳ đầu chữ quốc ngữ, các cố đạo, các học giả thực dân đã nhận thấy chữ quốc ngữ chưa hợp lý, nên họ đã họp hội nghị, tranh luận đưa ra những phương thức cải tiến, cải cách nhưng không áp dụng được Sau đó các học giả Việt Nam tiếp tục tranh luận. Thỉnh thoảng vấn đề cải cách chữ quốc ngữ lại được nêu lên, tranh luận ồn ào một thời, nhiều ý kiến, đề nghị được đưa ra, rốt cục vẫn chưa bao giờ áp dụng nổi bất cứ một cải cách qui mô nào. Phải chăng vì chữ quốc ngữ có những khuyết điểm cơ bản như chữ quốc ngữ chỉ ghi âm mà không diễn ý, nên không thể sửa chữa gì được ? Có một điều chắc chắn là chữ quốc ngữ càng đi sâu vào lãnh vực chuyên môn càng phải dùng nhiều từ Hán Việt, do đó càng trở thành khó hiểu.

---

(1) Trong thư thỉnh nguyện của một số thân hào Nam - Kỳ đòi bỏ chữ quốc ngữ cũng khẳng định sự phổ thông của chữ Nôm trong dân chúng, thời Pháp mới sang.

Một đoạn văn triết hay khoa học dùng cũng đầy dẫy những từ Hán Việt, viết bằng chữ quốc ngữ, ai cũng có thể đọc được, nhưng không hiểu gì cả. Nếu đọc mà không hiểu thì cũng kể như không đọc được.

Nêu lên những khó khăn của chữ quốc ngữ để chứng tỏ chữ viết nào cũng có những ưu điểm, khuyết điểm của nó và việc chữ quốc ngữ, do một tất yếu lịch sử, đã bị áp đặt, cưỡng bách dùng, sau khi chữ nho bị cấm đoán không phải là một may mắn tuyệt đối, nhất là không phải con đường *duy nhất* hiện đại hóa dân tộc.

Trong một bài viết ca tụng công lao của De Rhodes, Maurice Durand cũng đã cho người đọc thấy chữ quốc ngữ là con đường đưa tới văn minh.

« *Vào thế kỷ XIX và XX, với sự chiếm đóng của người Pháp, các nhà cầm quyền thuộc địa đã hiểu rằng việc phổ biến chữ quốc ngữ là phương thức tốt nhất để đưa một cách nhanh chóng dân chúng tới trình độ những kiến thức Tây phương, và cũng để ngăn chặn dân chúng khỏi chịu ảnh hưởng của quan lại, sĩ phu nắm giữ chìa khóa của mọi kiến thức được viết bằng chữ nho và chữ nôm. Chính nhờ chữ quốc ngữ mà dân Việt nam gắn bó với chế độ thực dân Pháp, và do đó với Tây phương... Chính nhờ chữ quốc ngữ mà khoa học Tây phương, tiến bộ kỹ nghệ và các khái niệm hiện đại nhất trong tất các lãnh vực tri thức được truyền bá trong dân chúng Việt-Nam* » (Bulletin de la Sociétés des Études Indochinoises, T. XXVII, No 21, ler semestre, 1957, trg. 24).

Đúng là nhờ chữ quốc ngữ, những kiến thức khoa học, kỹ thuật, văn hóa đã được truyền bá ở Việt nam, nhưng không phải chữ quốc ngữ là phương tiện *duy nhất* để thực hiện mục tiêu trên, vì nếu Việt Nam không bị Pháp đô hộ và giả sử không có chữ quốc ngữ, Việt nam vẫn có thể Âu hóa bằng chữ nho hay chữ nôm được cải tiến, chỉnh lý như Trung quốc, Nhật Bản, Cao ly.

Sở dĩ chữ quốc ngữ là phương tiện thực hiện mục tiêu Âu hóa là vì chế độ thực dân như chính Durand đã thú nhận.

4. Đặt vấn đề một cách triệt để, phải tìm hiểu xem việc sáng chế chữ viết trong lịch sử nhân loại có phải luôn luôn là một yếu tố quyết định của văn minh tiến bộ không ? Về điểm này, chúng ta có thể dựa vào những ý kiến của các nhà dân tộc học, chẳng hạn của Lévi-Strauss khi ông nhận định về vai trò của chữ viết trong một số các dân tộc cổ sơ ở Châu Mỹ La tinh. Theo Lèvi Strauss (1), chữ viết đối với bộ lạc Nambikwara không phải để nhằm phục vụ những mục tiêu trí thức cho bằng nhưng mục tiêu xã hội. Sự biết đọc biết viết không phải để tìm hiểu biết, tăng thêm kiến-thức hoặc để ghi nhớ kiến thức, nhưng để tăng uy quyền cho một vài cá-nhân bằng cách giảm uy quyền của đa số. Chữ viết được phát minh trong nhiều xã hội xưa và nay không phải để cho đông đảo quần chúng bước vào đời sống văn hóa vô vị

(1) Trong Tristes Tropiques, tủ sách bỏ túi Le monde en 10/18 từ trang 264-266, Paris 1936.

lợi, vì thực tế, đông đảo quần chúng vẫn bị giam hẳn trong tình cảnh mù chữ, mặc dầu có chữ viết, vì chữ viết hầu như chỉ để dành cho một số người có quyền biết đọc biết viết và do đó tăng thêm uy quyền của họ đối với quần chúng.

Người ta vẫn quan niệm việc sáng chế ra chữ viết đã qui định những đảo lộn lớn lao trong đời sống nhân loại, những đảo lộn chủ yếu có tính chất trí thức, vì nhờ chữ viết người ta có thể ghi chép và giữ gìn dĩ-vãng để kiến tạo hiện tại và tương lai. Do đó người ta thường căn cứ vào tiêu chuẩn một dân tộc có chữ viết hay không để xác định dân tộc đó là văn minh hay không văn minh, vì một dân tộc có chữ viết là dân tộc có khả năng thu thập và gìn giữ kiến thức dĩ vãng để có thể tiến bộ, trong khi một dân tộc khác không có chữ viết không thể tiến bộ được vì kiến thức chỉ được ghi lại trong trí nhớ cá nhân không tồn tại lâu dài và thường bị xuyên tạc, trở thành lệch lạc...

Theo Lévi Strauss, thực ra sự phân biệt văn minh và không văn-minh dựa trên tiêu chuẩn có hay không chữ viết không phải luôn luôn xác đáng. Cái thời có nhiều phát minh sáng tạo vĩ đại của lịch sử nhân loại là thời đồ đá mới (néolithique) : phát minh ra kỹ thuật canh tác nông nghiệp, chế ngự súc vật và nhiều kỹ thuật khác... Để đạt tới những sáng chế lớn lao trên, đã hẳn nhân loại phải trải qua hàng mấy nghìn năm quan sát, thí-nghiệm và truyền lại những kinh nghiệm, kiến thức của mình. Vậy mà những sáng chế vĩ đại trên đã có thể thực

hiện được ở một thời chưa có chữ viết. Theo Lévi Strauss, nếu chữ viết đã chỉ xuất hiện vào quãng 3 hoặc 4 nghìn năm trước Tây lịch, người ta phải coi chữ viết như là *hậu quả* xa xôi, gián tiếp của cuộc cách mạng thời đá mới, chứ không phải như điều kiện của cuộc cách mạng đó.

Hơn nữa, từ khi có chữ viết cho đến khi khoa học hiện đại ra đời, thế giới Tây phương đã trải qua 5.000 năm lịch sử bấp bênh và trong khoảng-thời gian đó, những kiến thức đã không vì có chữ viết mà gia tăng... Người ta nhận thấy giữa nếp sống của một công dân Hy Lạp, La Mã với nếp sống của người trưởng giả Âu châu ở thế kỷ XVIII không có gì khác nhau lắm Vậy theo Lévi Strauss, ở thời đồ đá mới, nhân loại đã thực-hiện những bước tiến khổng lồ mà không cần chữ viết, trái lại từ khi có chữ viết, những nền văn minh Tây phương đã rơi vào một tình trạng ngưng đọng...

Dĩ nhiên khó có thể quan niệm những tiến bộ khoa học của thế kỷ XIX và XX mà không có chữ viết ; chữ viết ở đây là một điều kiện cần-thiết nhưng không phải là điều kiện đầy đủ để giải thích những tiến bộ khoa học trên.

Vậy theo Lévi Strauss, không nên khẳng định việc sáng chế ra chữ viết như một biểu hiệu tất yếu của tiến bộ, văn minh.

Trái lại, người ta chỉ nhận thấy một đặc điểm thường gắn liền với sự phát minh ra chữ viết là sự hình thành những đô thị, những đế quốc, nghĩa là sự đoàn ngũ hóa

đông đảo quần chúng trong một hệ thống chính trị. Hiện tượng đó đều nhận thấy từ Ai cập đến Trung quốc : việc phát minh ra chữ viết tạo điều kiện thuận lợi cho việc khống chế, áp bức bóc lột dân chúng và do đó vai trò chủ yếu của chữ viết trong nhiều xã hội không phải là giải phóng về trí thức, mà là kiềm chế, thống trị ; nếu có giải thoát về trí thức, thì đó chỉ là mục đích phụ và đôi khi chỉ nhằm biện hộ che dấu mục đích khống chế trên. Để chứng minh cho nhận xét trên, Lévi Strauss nêu trường hợp các nước Âu châu thế kỷ XIX đã chú ý rất nhiều vào việc cưỡng bách học chính và chính sách cưỡng bách đó song song với việc mở rộng chế độ quân dịch và hiện tượng vô sản hóa. Do đó, công tác chống nạn mù chữ gắn liền với nhu cầu củng cố việc nhà cầm quyền kiềm soát dân chúng, vì mọi người phải biết đọc biết viết để nhà cầm quyền có thể nói : không ai được nghĩ rằng mình không biết luật.

Chữ viết là một công cụ thống trị, khống chế, nhận định đó cũng áp dụng thật đúng trong trường hợp thực dân Pháp cưỡng bách dùng chữ quốc ngữ hồi đầu chế độ thuộc địa. Mọi người phải biết đọc biết viết để có thể đọc Gia-Định báo, một thứ công báo của nhà cầm quyền thuộc địa, nghĩa là đọc các Thông tư, Nghị định, Sắc luật, Thông cáo, Quyết định của nhà cầm quyền để thi hành, tuân giữ, và do đó không ai có thể nói không biết luật vì không biết đọc biết viết chữ quốc ngữ.

Tóm lại, chữ viết tự nó không phải là một công cụ giải thoát như Phạm Quỳnh đã nhận xét. Trái lại trong

lịch sử nhân loại cũng như trong lịch sử Việt nam, chữ viết thường đã xuất hiện như một công cụ thống trị, khống chế. Chữ nho, thời Bắc thuộc, chữ quốc ngữ, thời Pháp thuộc, đều chỉ là một công cụ ngoại bang để khống chế, thống trị.

Tuy nhiên điều đó không ngăn cản việc coi chữ viết như một phương tiện giải thoát đối với những người, dân tộc vùng lên và chống lại sự thống trị, khống chế của ngoại bang. Những người yêu nước, những phong trào tổ chức cách mạng chống sự đô hộ của Trung Quốc, của Pháp đã dùng chữ nôm, chữ quốc ngữ để thực hiện dự định chống đối và giải thoát trên.

5. Sau cùng, phải nói đến những giới hạn của chữ viết trước sự xuất hiện một nền văn minh mới dựa vào hình ảnh và âm thanh.

Vô tuyến truyền thanh và vô tuyến truyền hình đã đảo lộn những phương tiện diễn tả, ghi nhớ từ trước đến nay do chữ viết đảm nhận. Nhiều người đã tiên đoán sự suy tàn của nền văn minh sách vở, vì cần gì phải đọc khi có thể nghe, xem bằng âm thanh, hình ảnh ! Chắc hẳn sách vở chữ viết vẫn còn được xử dụng, nhưng cũng chắc chắn nó bị hạn chế vì những phương tiện truyền thông khác có khả năng lớn lao gấp bội đi tới nhiều người, nhiều nơi và cũng có tác dụng hiệu nghiệm hơn chữ viết vì cụ thể, trực tiếp hơn.

xXx

Không phải ngẫu nhiên con đường cứu nước bằng tiếng nói, chữ viết do những người như Nguyễn-Văn-Vĩnh, Phạm Quỳnh tung ra cổ võ mà không phải ai khác, vì chủ nghĩa quốc gia bằng ngôn ngữ, văn tự xuất phát từ một lựa chọn chính trị cặn bản : đầu hàng, thỏa hiệp với chế độ thuộc địa vá nhằm che dấu lựa chọn chính trị căn bản đó.

Chúng tôi đã phơi bày tính chất lừa bịp của chủ nghĩa quốc gia bằng ngôn ngữ, văn tự qua những câu nói nổi tiếng của Nguyễn-Văn-Vĩnh và Phạm Quỳnh.

Thực ra, sở dĩ những luận điệu của hai người trên có thể lừa bịp là vì chúng bao hàm một chút sự thực. Nó dối một cách trắng trợn không lừa bịp được ai, nhưng nói dối dựa trên một chút sự thực có thể lừa bịp được một số người. Nhìn thoáng qua, hời hợt, có thể chỉ thấy một chút sự thực và lầm tưởng, coi đó như là tất cả sự thực.

Từ một điểm đúng : tiếng nói, chữ viết là một công cụ cứu nước, Nguyễn-Văn-Vĩnh Phạm-Quỳnh đã nhập nhằng coi chữ viết, tiếng nói như *tất cả* đường lối, phương tiện duy nhất cứu nước và xây dựng tương lai dân tộc...

Phê phán triệt để tính chất lừa bịp của chủ nghĩa quốc gia bằng ngôn ngữ, chữ viết là phải phê phán lập trường chính trị ẩn dấu đàng sau chủ nghĩa đó, để vạch ra những động cơ nào đã thúc đẩy những kẻ chủ trương và họ nhằm những mục tiêu gì.

Những người chủ trương đầu hàng, thỏa hiệp với ngoại

bang thống trị, không dám nhìn nhận mình đầu hàng thỏa hiệp vì không ai muốn tự nhận là người phản bội, kẻ bán nước, đầu hàng địch... Vậy để tự lừa dối và lừa dối kẻ khác, họ phải đề ra một đường lối yêu nước, cứu nước nào đó cho họ được tiếng vẫn là người yêu nước mà không thiệt hại gì cho thái độ đầu hàng thỏa hiệp của họ. Đường lối đáp lại được cả hai đòi hỏi mâu-thuẫn trên, những kẻ thông minh, tài giỏi, nhưng đầu hàng thực dân như Nguyễn-Văn-Vĩnh, Phạm-Quỳnh đã tìm ra : *đó là chủ nghĩa quốc gia bằng ngôn ngữ và văn tự,*

Mùa Hè 1974.



TÀI LIỆU

HỒ SƠ HÀNH CHÁNH

— Các Nghị-định, Quyết-định, Thông-tư Hành-Chánh, Học-chánh về việc dùng chữ quốc ngữ, đều được đăng trong :

1. Bulletin Officiel de la Cochinchine Française trong những năm 1878, 1879, 1880, 1881, 1882 (Thư Viện Quốc-gia Sàigòn có).

2. Bulletin administratif du Tonkin 1906, 1907, 1910, 1912 (Thư-Viện Quốc-gia Sàigòn có).

3. Bulletin administratif de l'annam 1906, 1907, 1911, trừ :

   * Nghị định ngày 22-2-1869 của Ohier.

   * Thông tư ngày 10-4-1878 của Béliard.

   * Thông tư ngày 28-10-1879 của Le Myre de Vilers. trích trong « Recueil de la Législation et de la Règlementation de la Cochinchine au 1er Janvier 1880, Tome II, Saigon Imprimerie Nationale, 1881 — trang 272-274 ».

— Thư của Giám-mục Puginier gửi Tổng-Trưởng Thuộc địa ngày 4-5-1887. Văn-khố Bộ Pháp-quốc Hải-ngoại, Paris, ký hiệu N.F. 541.

— Báo-cáo chính trị Tam-cá-nguyệt 1910 của Toàn-quyền Đông-dương gửi Tổng-trưởng Thuộc-địa (24-8-1910). Văn khố kể trên, ký hiệu C. 10. A. 20.

— Báo-cáo chính trị của Quyền Thống-sứ Bắc-kỳ, Tam-cá-nguyệt bốn 1910, gửi Toàn-quyền Đông-dương (1-1-1911). Văn-khố kể trên, ký hiệu A. 20 (63).

Báo-cáo Hội-đồng Thuộc-địa (Rapport au Conseil Colonial, Cochinchine Française, Saigon Imprimerie Nationale, 1881).

SÁCH BÁO

— *Taboulet* : La Geste Française en Indochine — Histoire par des textes de la France en Indochine des origines à 1914. Adrien-Maisonneuve, Paris 1956, tome II.

— *J. Bouchot* : Un savant et un patriote Cochinchinois — Pétrus Trương Vĩnh Ký, Saigon 3ème édition Nguyễn-Văn-Của, 1927.

— *Cultru* : Histoire de la Cochinchine Française des origines à 1883 — A. Challamel, Paris 1910.

— *Báo Le Saigonnais*, organe des intérêts politiques, commerciaux et agricoles de la Cochinchine (10-12-1885).

— *Vũ-Ngọc-Phan* : Nhà Văn Hiện-đại, quyển I, nhà xuất bản Vĩnh-Thịnh, Hanoi, 1951.

— *Thanh-Lãng* : Bảng Lược-đồ Văn học Việt-Nam (quyển hạ) — Nhà xuất-bản Trình-bầy Saigon 1967.

— *Phạm-Thế-Ngũ* : Việt-Nam Văn-học Giản-ước Tân-biên, tập III — Quốc-học Tùng-thư Saigon.

— *Phủ Quốc-Vụ-Khanh đặc trách Văn-hóa* : Sưu tầm những bài báo về Nguyễn-Đình-Chiểu, ronéo 1971, tập I.

— *Khổng-Xuân-Thu* : Trương-Vĩnh-Ký — Tân-Việt Sàigòn 1958.

— *Nguyễn-Văn-Xuân* : 1967. Một trăm năm Văn-học chữ quốc ngữ. Văn số 1, tháng XI 1967 Saigon.

Về cải cách chữ quốc ngữ, chúng tôi không đi sâu vào nội dung chuyên môn của vấn đề vì không trực tiếp liên quan đến điều chúng tôi muốn nói ở đây. Chúng tôi chỉ ghi lại một số tài liệu để những bạn lưu ý vấn-đề tiện việc tham-khảo.

— *Janneau* : Essai sur l'origine de la langue Annamite. Bulletin de la Société des Etudes Indochinoises de Saigon ler semestre 1883.

De l'étude pratique de la langue Annamite vulgaire. B. SEI. ler semestre 1884.

— *Abels des Michels* : La nature et les origines de la langue Annamite. Revue critique, tome XVII 1884.

— *Aubaret* : Grammaire de la langue Annamite, Paris 1864.

— *Landes :* Notes sur la langue et la littérature Annamite. Excursions et Reconnaissance, tome VIII 1884 Saigon.

Notes sur le Quốc ngữ. Bulletin de SEI ler semestre 1886.

— *Aymonier :* Nos transcriptions (étude sur les systèmes d'écriture en caractères européens adoptés en Cochinchine fse.) Excursions et Reconnaissance, tome XII 1886.

— *Roucoules :* Étude sur l'instruction publique. B. SEI 2ème semestre 1889.

Le Français, le Quốc ngữ et l'enseignement public en Indochine. B. SEI ler semestre 1890.

— *T.K.Q.B.* Le Quốc ngữ et les caractères. Revue Indochinoise số 5, 1904.

— *Diguet.* De la langue Annamite parlée et écrite. R. Indoch. ler sem. 1905.

— *Dubois.* Annamite et Français Hanoi Hải-phòng 1910.

— *Jules Roux.* Le triomphe définitif en Indochine de la langue Annamite à L'aide des caractères romains ou quốc ngữ. Paris 1912.

— Premier Congrès International des Études d'Extrême-Orient — Compte-rendu analytique des séances, Hanoi 1903.

— Gouvernement de l'Indochine — Conseil de perfectionnement de l'enseignement indigène-Première sesion , Hanoi 1906.

— Gouvernement de l'Indochine — Conseil de perfectionnement de l'enseignement indigène-2ème session, Saigon 1908 — Condurier et Montegout , Imprimeur-editeur, Saigon.

Gouvernement général de l'Indochine — Direction générale de l'Instruction publique : Textes et Documents relatifs à la réforme du Quốc ngữ. Hanoi, Schneider 1907.

Trong tài liệu này, có trích bản đúc kết của Hội nghị Quốc tế về nghiên cứu Viễn-đông, Hội đồng cải cách lần thứ I, Nghị định ngày 16-5-1906 và một số bài báo của những học giả tiêu biểu, nhất là bài của Cadière đăng trong « Avenir du Tonkin, 24-9 đến 17-10-1906 » và của Lucien-Bauno ngày 4-1-1907 (cũng đăng trong báo trên).

— Biên bản buổi họp của Ủy ban Hội đồng Cải cách Nam kỳ ngày 23-11-1906.

— Trích một vài bài đọc chữ quốc ngữ mới của Đỗ-Thận.

Ở Sàigòn, Thư viện của Hội « Société des Études Indochinoises » có bản in về Hội đồng cải cách kỳ hai (1908). Chúng tôi có một bản chụp cuốn « Textes et Documents relatifs à la Reforme du Quốc ngữ » do các bạn Việt kiều ở Paris làm hộ.

— Viện Văn học Hanoi. Vấn đề cải tiến chữ quốc ngữ. Nhà xuất bản Văn hóa Hà nội 1961.



MỤC LỤC

PHỤ LỤC

Để đánh giá một cách nghiêm chỉnh những thành quả văn học của các người vẫn được coi « là tiền phong » của nền văn học quốc ngữ, không những phải tìm hiểu sự lợi dụng chính trị chữ quốc ngữ của Người Pháp trong lãnh vực hành chánh, học chánh, báo chí... mà còn phải tìm hiểu những quan niệm, nguyên tắc dịch, sử dụng từ ngữ hán việt xây dựng câu văn xuôi, kiểm điểm lại những từ ngữ kiểu nói nào được người đương thời chấp nhận và vẫn còn được thông dụng ngày nay.

Chúng tôi xin dành vấn đề sau cho các chuyên môn về tiếng việt. Ông Mai Ngọc Liệu đã đáp lại lời đề nghị của chúng tôi và góp phần của mình vào việc tìm hiểu trên, đặc biệt trong báo Nam Phong.



TIẾNG VIỆT
trong 25 năm đầu thế kỷ XX

LƯỚT QUA 2000 LỊCH SỬ

Sau 1000 Bắc thuộc tức là sau một thời gian đối kháng trường kỳ trên chiến tuyến văn hóa, mặt trận duy nhất mà ta thắng lợi — Tiếng Việt chẳng những vẫn tồn tại mà còn lớn mạnh hơn trước do sự đồng hóa một số đông đảo tiếng Hán như những quân địch quy hàng được biến thành dân bản xứ : đó là những tiếng Nôm gốc Hán tức là tiếng Hán bị Việt hóa chẳng những về âm giọng mà cả về ý nghĩa nữa. Đồng thời chữ Hán cũng bị đọc trại đi theo lối phát âm Việt nhưng không được coi là tiếng Việt — Trái lại vẫn là chữ Tàu được ta mượn để sử dụng làm công cụ văn hóa, nhất là để khai thác cái kho tàng tư tưởng và học thuật Trung-quốc — dây là loại tiếng bác học mệnh danh là tiếng Hán Việt.

Từ ngày thâu hồi độc lập do trận Bạch-Đằng thứ nhất. (Ngô Quyền), — về mặt ngôn ngữ, công cuộc phát triển tiếnng nói dân tộc vẫn tiếp tục theo chiều hướng trên nhưng vì chưa có chữ viết riêng nên văn chươug Việt vẫn phải tiến hành bằng phương pháp truyền khẩu — tuy nhiên nền văn chương thuần Việt này không vì thế mà

nghèo nàn ; trái lại vì xuất phát từ sức sống mãnh liệt của dâu tộc nên văn chương truyền khẩu (tuyện cổ tích, ca dao, thành ngữ...) là một kho tàng vô cùng đồ sộ về cả số lượng và phẩm chất, vượt rất xa bất cứ một dân tộc nào trên thế giới.

Qua ba triều đại Ngô, Đinh và Tiền Lê, văn chương truyền khẩu (văn chương thuần Việt) giữ địa vị chủ nhân vì nền Hán học chưa được thiết lập. Từ triều Lý trở về sau Hán học với tiếng Hán Việt (nói bằng chữ Hán « nói-chữ ») và giới *Nho sĩ* mới thực sự và chính thức thành hình. Trong khi các nhà Nho « nói chữ » và viết văn Hán thì đại đa số dân Việt vẫn không rời bỏ công cuộc bảo tồn và phát triển ngôn ngữ cũng như văn chương thuần Việt lưu truyền từ ngàn xưa.

Phải đợi đến triều đại nhà Trần ta mới thực sự có chữ viết chữ nôm mà tác giả (1) có lẽ là một số Nho sĩ thiết tha với ngôn ngữ, văn học và văn hóa dân tộc (chống lại chủ trương « nói chữ » và dùng Hán văn để diễn tả tư tưởng) : Hàn-Thuyên chỉ là một người trong nhóm này, và cũng có thể ông là người cầm đầu nhóm.

Nhưng oái oăm thay ! chữ Nôm lại là loại chữ đặt nền trên chữ Hán : phải biết chữ Hán mới có thể học dễ dàng chữ Nôm — mà tự nó chữ Hán đã khó học khó nhớ rồi —

---

(1) Theo Lê Dư, việc sáng chế chữ Nôm bắt đầu từ đời Sĩ Nhiếp (trong thời Bắc Thuộc)

do đó rất khó phổ biến chữ Nôm trong nhân gian. Cho tới ngày có « chữ Quốc ngữ » theo mẫu La-Tinh, chữ Nôm vẫn là chữ của giới Nho sĩ chứ không phải của đại đa số dân Việt : người dân dù có năng khiếu vượt mức về sáng tác bằng ngôn ngữ (kể cả thi ca) cũng không « có chữ » để ghi lại tác phẩm của mình.

Như vậy, kể từ nhà Trần cho đến khi « chữ quốc-ngữ » thịnh hành, ngôn ngữ và văn chương Việt chia hai khuynh hướng rõ rệt : tiếng nói cũng như văn chương « bình dân » của đại đa số (dân chúng) — và tiếng nói cũng như văn chương « bác học » của một tối thiểu số (Nho sĩ). Do hai tầng xã hội chủ trương và đường ai nấy đi, hai khuynh hướng này tuy không chống đối nhưng cũng không hợp tác — tuy nhiên mỗi bên đều góp phần vào công cuộc chung tức là việc bồi bổ và phát huy ngôn ngữ văn chương nước nhà.

Mặc dầu không lấn át nổi đà sáng tạo của đại đa số (văn chương truyền khẩu) nhưng giới Nho sĩ đã phạm hai lỗi lầm lớn tạo thành một căn bệnh di truyền trong giới này, đó là sự coi trọng tiếng Hán-Việt và khinh miệt tiếng thuần-Việt (biểu lộ bằng câu : Nôm na là cha mách qué).

Căn bệnh này mang lại hai hậu quả :

Sử dụng quá nhiều tiếng Hán-Việt (họ gọi là tiếng chữ) và điển tích Trung-Hoa trong văn chương bác học, gắn liền với tệ đoan « nói chữ » trong ngôn ngữ cửa miệng của nhà Nho.

Sử dụng chữ Hán và Hán văn chứ không dùng chữ Nôm, văn Nôm trong các loại giấy tờ chính thức,, thư từ riêng tư, và sách viết bằng «văn xuôi». Do đó văn chương bác học cổ điển (dùng tiếng Việt) gồm hầu hết là những tác phẩm « văn vần » tức thi ca phú lục được coi là cao quý hơn « văn xuôi », thể văn quá gần với tiếng « Nôm na » của dân chúng.

Căn bệnh trên của giới « Nho Tàu » còn lưu truyền cho tới ngày nay dưới hai hình thức nguyên và biến chứng nguyên chứng cũ là tệ đoan dùng tiếng Hán Việt « không cần thiết » để thay thế tiếng thuần Việt (đầy dẫy trong các sách báo cũng như giấy tờ chính thức và riêng tư) biến chứng là tệ đoan nói pha tiếng Việt với tiếng Tây (Pháp, Mỹ) trong ngôn ngữ của miệng của giới « Nho Tây »

xXx

GIAI ĐOẠN CHUYỂN HƯỚNG

Sự chuyển hướng từ « văn vần » sang « văn xuôi » bắt đầu với sự phổ biến « chữ quốc ngữ » tức là lối viết tiếng Việt theo mẫu tự La Tinh.

Thoạt đầu, lối chữ này chỉ được sử dụng trong giới « nhà đạo, nhà chung » để truyền bá giáo-lý và kinh-nguyện Công-giáo : « Văn-xuôi » được triệt để xử dụng và tác phẩm đầu tiên của cố Đắc-Lộ (Alexandre de Rhodes) nhan đề là Bài Giảng Tám ngày viết từ đầu khoảng thế kỷ 17 tức là trên 300 năm trước đây — đồng thời các sách

trong bộ Kinh thánh và các bài Kinh-nguyện chính thức của Giáo-Hội Công-Giáo cũng được phiên dịch từ tiếng La-Tinh sang tiếng Việt, tất cả đều là « văn xuôi ». Do đó, phải nói rằng chính « nhà đạo » Công-giáo đã đi tiên phong về « văn xuôi » — tài liệu củ nhất cho thấy không những chỉ có sách vở « nhà đạo » viết bằng văn xuôi, mà cả đến thư từ liên lạc trong nội bộ « nhà chung » nữa (coi : thư của thầy Bento Thiện gửi một vị bề trên — trong tạp chí Đại Học của Viện Đại Học Huế, số 10 năm 1959)

Bởi vậy cũng knông lạ gì khi thấy nền « văn xuôi » chung của văn học Việt-Nam chỉ thực sự khởi đầu với những tác phẩm của Trương-vĩnh-Ký và Huỳnh-tịnh-Của (1) từ cuối thế kỷ 19 tại miền Nam là nơi mà « chữ quốc ngư » được phổ biến trước hết vào dân chúng (và cũng là nơi chịu ít ảnh hưởng Hán học). Trong khi đó tại hai miền Bắc và Trung, chữ Hán và Hán văn vẫn còn rất phổ thông trong Nho sĩ : không kể các văn kiện chính thức mà cả đến thư từ giữa tư nhân cũng vẫn tiếp tục viết bằng « chữ Nho » (coi : thư từ trão đổi giữa Phan-đình-Phùng và Hoàng-cao-Khải), — sự kiện này chỉ là việc tiếp nối truyền thống« Nho Tàu » trọng Hán khinh Việt trong địa hạt ngôn ngữ và văn chương — một truyền thống còn đi hại cho tới lúc này, chưa biết ngày nào mới xóa bỏ được.

(1) *Trương-vĩnh-Ký* : Chuyện khôi hài và, Chuyện đời xưa dịch bộ Tứ Thư.

Huỳnh-tịnh-Của : Chuyện giải buồn (1 và 2), Đại-Nam quốc âm tự vị.

BƯỚC SANG THẾ KỶ 20

Tại Á-Đông, từ giữa thế kỷ 19, Nhật-Bản là quốc-gia tiên phong mở cửa ngõ đón nhận văn minh và văn hóa Tây-phương, dùng làm phương tiện canh tân xứ sở và nhờ đó họ trở thành đại cường quốc từ ngày đại thắng quân đội Nga.

Trung-Hoa — vì thất bại nhục nhã về chính trị và quân sự — cũng theo gương Nhật-Bản : trong địa hạt văn hóa họ bắt đầu chấp nhận tư tưởng và khoa-học Tây-phương, và khởi sự công cuộc phiên dịch sách Tây-phương ra chữ Hán — đó là phong trào Tân Thư do Khang-hữu-Vi và Lương-khải-Siêu khởi xướng.

Cùng lúc với nước Tàu, nhưng khác với họ là bị « mất nước » vào tay Pháp, Việt-Nam bắt đầu tỉnh ngộ và nhìn sang Nhật-Bản : Phong trào Đông Du thành hình rồi tiếp đến việc thành lập Đông-Kinh-Nghĩa-Thục. Có thể nói công cuộc định hướng mới cho văn hóa và văn học Việt-Nam khởi sự với phong trào và tổ chức này nhưng đã bị thực dân Pháp dập tắt từ đầu bằng chính sách đàn áp để rồi thay thế vào đó bằng kế hoạch văn hóa giáo dục thâm độc của họ : dùng tiếng Việt và « chữ quốc ngữ » làm phương tiện ru ngủ, nhồi sọ và đầu độc mà việc thi hành được trao cho bọn người Việt tay sai và được thể hiện bằng báo chí sách vở của hai nhóm Đông-Dương Tạp-Chí và Nam-Phong nơi quy tụ của cả hai giới « Nho Tàu và Nho Tây » theo Pháp.

xXx

NGÔN NGỮ VÀ VĂN HỌC VIỆT NAM TRONG MƯỜI NĂM ĐẦU THẾ KỶ

Trong lãnh vực ngôn ngữ và văn học, mười năm đầu thế kỷ này chỉ là thời gian tiếp nối những năm cuối thế kỷ trước với hai đặc điểm :

— « Văn xuôi » viết bằng « chữ quốc ngữ » bắt đầu được phổ biến ở miền Nam đồng thời với sự xuất hiện báo chí tiếng Việt tại đây, do sự thúc đẩy của người Pháp áp dụng chữ quốc ngữ phục vụ những mục tiêu chính trị.

Trái lại, hai miền Trung Bắc vẫn còn chìm đắm trong cơn lũ lụt ngàn xưa tức là vẫn bám chặt lấy Hán văn (coi như văn tự tối thượng và ngôn ngữ chính thức của sĩ phu) và « văn chương bác học » gồm toàn thơ phú (tiếng Việt pha trộn thêm « tiếng-chữ » - tiếng Hán-Việt - biểu tượng của giới « Nho Tàu » để phân biệt với tiếng « nôm na » của dân chúng). Nhận thấy lợi ích của chữ quốc ngữ, các nhà nho có đầu óc cách mạng đã chủ trương dùng chữ quốc ngữ thay chữ nho.

Nhưng thực dân đã đàn áp hai phong trào Đông-Du, Duy Tân và tổ chức Đông-Kinh Nghĩa-Thục khi lớp « Nho sĩ giác ngộ » tại hai miền Trung Bắc muốn bắt chước Nhật-Bản và Trung-Hoa để lái văn hóa và văn học Việt Nam sang chiều hướng canh tân theo khoa học Tây-phương trên nền móng tinh thần và dân tộc tính Việt-Nam Sua đó thực dân áp dụng chiến thuật « gậy ông đập lưng ông » bằng cách sử dụng chính ngay kế hoạch văn hóa

của Đông-Kinh Nghĩa-Thục. nhưng nhắm vào chủ đích riêng của chính quyền đô hộ : dùng « chữ quốc ngữ » làm phương tiện mê hoặc dân chúng về « chủ trương khai hóa » của thực dân đồng thời đề cao văn minh và văn hóa Pháp rồi từ đó cổ động việc học tiếng Pháp với mục tiêu rõ rệt là đào tạo một lớp thư lại mới do thực dân trực tiếp sử dụng đồng thời với một lớp trí thức « Nho Tây » làm tay sai chống lại giới sĩ phu cựu học vẫn âm thầm kiên quyết đối kháng thực dân, và còn ảnh hưởng sâu đậm trong dân chúng.

Cũng trong chiến thuật « gậy ông » này, Pháp còn nhử mồi để lôi cuốn một số « Nho Tàu » vào nhập cuộc với đám « Nho Tây » trên nhằm đánh bại dễ dàng giới sĩ phu yêu nước.

NHỮNG NĂM KẾ TIẾP

Từ chủ trương và kế hoạch trên và do sự nâng đỡ hoặc chỉ huy trực tiếp của « Chính-phủ Bảo-hộ », các báo chí tiếng Việt lần lượt xuất hiện tại Hà-Nội, sau cuộc đàn áp hai phong trào Đông-Du và Duy-Tân cũng như Đông Kinh Nghĩa-Thục : Đăng Cổ Tùng Báo (ra đời cùng lúc với Đông-Kinh Nghĩa-Thục : Đầu năm 1907) Đông-Dương Tạp-Chí (1913), Trung-Bắc Tân-Văn (1915), Năm học niên khóa (1916), Nam-Phong (1917) Cùng lúc với báo chí, thực dân khởi sự thiết lập hạ tầng cơ sở học chánh là các trường ấu học dạy quốc-ngữ (cho lớp tuổi tương đương với tiểu học ngày nay) rồi lần lần tới tiểu học (lớp tuổi trung-học đệ nhất cấp ngày nay) tại các tỉnh ly để dạy

tiếng Pháp xen với tiếng Việt, sau hết tại các thành phố lớn mở Cao-đẳng tiểu-học tức trung-học đệ nhất cấp (cho lớp tuổi lớn - một số đã có vợ con) với 90% chương trình học bằng tiếng Pháp.

Ngoài ra thực dân còn lập hiệp hội Khai-Trí Tiến-Đức (1919) (do trùm mật thám L. Marty khởi xướng và giữ chức Chủ Hội) qui tụ cả hai loại Nho Tây và Nho Tàu không ngoài mục đích củng cố và tăng cường hàng ngũ tay sai để thực hiện hữu hiệu chủ trương và kế hoạch trên (1).

Tóm lại, Pháp đã xử dụng gần như toàn vẹn chủ trương phương pháp và chương trình của Đông-Kinh Nghĩa-Thục nhưng lật ngược lại mục đính để qui vào chiều hướng phục vụ chính sách xâm lược văn hóa — và họ đã thành công lớn trong khoảng gần nữa thế kỷ kể từ ngày Đông-Kinh Nghĩa-Thục bị tiêu diệt cho đến gần đây khi họ rời

---

(1) « Hội đặt tên là Khai-Trí Tiến-Đức-Hội. Mục địch của Hội là thừa cái chủ nghĩa khai hóa của Nhà nước mà dùng các cách chính đáng để giúp cho sự Mở mang trí thức, gìn giữ đạo đức trong quốc dân An-Nam, truyền bá các khoa học của Thái-Tây, nhất là học thuật tư tưởng nước Đại Pháp, bảo tồn cái quốc túy của nước Việt-Nam ta, cũng là bênh vực cho quyền lợi người Pháp và người Nam trong trường kinh-tế. Muốn thực hành cái mục đích đó, hội sẽ làm báo, làm sách hoặc diễn thuyết để cho phổ cập khắp mọi nơi. Hiện xét báo Nam-Phong Tạp-chí (...) cũng cùng giữ một chủ nghĩa như trên kia nên Hội đã điều đình với các người chủ trương báo ấy xin công nhận báo Nam-Phong làm cơ quan của Hội. (...) Hội lại định dựng một nhà hội-quán (...) làm chốn cộng đồng để những người có chân hội cùng những bậc thượng lưu trong nước (...) hằng ngày tới lui (...) chuyện trò, bàn bạc cho thêm cái tình thân mật trong những hạng người trí thức trong nước » Trích tờ đạt của Hội KTTĐ tháng 2-1919

bỏ Việt-Nam sau Hiệp-định Genève (1954). Mặc dù trong suốt thời gian này vẫn thường xảy ra những cuộc đấu tranh võ trang bạo động hoặc cuộc chống đối công khai (vận động dân chúng biểu tình), rồi đến hai cuộc đảo chánh 1945 và chiến tranh Việt Pháp 1946-54, thực dân Pháp lúc đầu (trước 1945) vẫn tiếp tục hữu hiệu chính sách xâm lược văn hóa, và từ 1945 đến 1954 vẫn duy trì được những kết quả do chính sách này mang lại. Một điểm đáng lưu ý là ngay lúc này, sau gần một phần tư thế kỷ Việt-Nam dành lại độc lập, phần lớn những kết quả đó vẫn còn tồn tại trên phân nửa đất nước chúng ta — tồn tại ngay tại đây với các trường Tây, học chế Việt-Nam rập khuôn theo Pháp tư tưởng hướng chiều theo Pháp, một số tục lệ bắt chước Pháp v.v... và cả đến văn chương, ngôn ngữ cũng nhuốm màu Pháp một phần nào.

TIẾNG VIỆT CHUYỂN MÌNH

Tình trạng ứ đọng cố hữu bắt đầu được khai thông với phong trào Duy-Tân từ đầu thế kỷ này khi một thiểu số nho-sĩ yêu nước nhận thức được cái học từ-chương khoa-cử bằng chữ Hán đã tác hại quá nhiều, dẫn đến tình trạng mất nước, dân ngu, bởi vậy muốn mở mang dân trí, truyền bá tư tưởng mới (của Âu Mỹ) vào quần chúng thì chẳng những phải gạt bỏ chữ Hán, mà đến chữ Nôm cũng không dùng được, vì loại chữ này còn khó học hơn cả chữ Hán, và phải phổ biến « chữ quốc ngữ » vì dễ đọc dễ viết, học rất mau chóng. Do chủ trương này, *các Nghĩa-Thục* được thành lập từ 1903 trong các làng xã tại Quảng-Nam

và dạy bằng « chữ quốc ngữ »; đồng thời những cuộc diễn thuyết (dĩ nhiên bằng « văn xuôi ») và các bài ca-vè (loại « văn vần » bình dân dễ học, dễ nhớ, dễ phổ biến bằng phương pháp truyền khẩu) cũng được tung ra để khích động dân chúng (được truyền tụng nhiều nhất là hai bài Chiêu Hồn Nước và Khuyên Con Đi Học).

Khởi xuất từ miền Trung (Do ba lãnh tụ Phan-Chu-Trinh, Trần-Quí-Cáp và Huỳnh-Thúc-Kháng) phong trào Duy-Tân lan ra Bắc hơi chậm chạp, Do đó phải đợi đến đầu năm 1907 *Đông-Kinh Nghĩa-Thục* mới được thành lập ở Hà-Nội sau khi Phan Chu-Trinh ở Nhật-Bản về nước rồi ra Bắc để cổ-động phong trào (1906) Nghĩa-Thục mới này vì dành nhắm đào tạo lớp sĩ phu trẻ nên dạy cả chữ Hán bên cạnh chữ Nôm và « chữ quốc ngữ ». Phương pháp áp dụng có nhiều kết quả tại các Nghĩa-Thục « bình dân » miền Trung, cùng với phương pháp phổ biến bằng các cuộc diễn thuyết và các bài ca-vè cũng được Đông-Kinh Nghĩa-Thục chấp nhận toàn bộ — thêm vào đó, báo chí cũng bắt đầu được sử dụng (Đại-Việt Tân Báo của trường và Đăng-Cổ Tùng-Báo của Nguyễn-Văn-Vĩnh) và nhà trường lập Ban Trước Tác để biên soạn sách vở, tài liệu.

Một sự kiện quan trọng nữa cần ghi nhận trong lãnh vực ngôn ngữ do phong trào Duy-Tân và các Nghĩa-Thục mang lại, đó là sự du nhập *các danh từ Hán Việt mới* về chính-trị, xã-hội, văn-hóa, tư-tưởng... do loại sách Trước-tác và phiên dịch sách Âu Mỹ — mệnh danh là *Tân-Thư* — của nhóm Lương-Khải-Siêu và Khang-Hữu-Vi nhập

cảng từ Trung-Quốc. Những danh từ chung như « *dân-tộc, dân-chủ, dân-quyền, dân-ước, tự-do, bình-đẳng, văn-minh, học-thuyết, chủ-nghĩa, vật-lý-học, hóa-học, điện-cơ v.v...* và những danh từ riêng như *Á-Châu, Mỹ-Châu (Âu-Mỹ), Lư-Thoa, Mạnh-Đức-Tư-Cưu* (Rousseau, Montesquien) v.v... đã được các Nghĩa-thục nhất là Đông-Kinh Nghĩa-Thục phổ biến từ những năm đầu thế kỷ này chứ không phải do Phạm-Quỳnh và nhóm Nam-Phong như phần lớn các sách văn-học-sử và phê-bình văn-học đã khẳng định (Việt-Nam Văn Học Sử Yếu của Dương-Quảng-Hàm, 1941. Nhà văn hiện đại của Vũ-Ngọc-Phan, 1942 — và những sách xuất bản gần đây, lập lại luận điệu của hai tác giả này).

Nhắc tới Phạm-Quỳnh với nhóm Nam-Phong tay sai của thực-dân, và do thực-dân đưa ra để thay thế (và cướp công) Đông-Kinh Nghĩa-Thục ; đồng thời thi hành kế hoạch xâm lược văn-hóa (nói trên), — và đứng trước luận điệu đề cao họ xuất phát từ thời tiền chiến do ý muốn của thực-dân, để rồi tiếp tục cho tới giờ phút này trong các trường Trung và Đại-học miền Nam, chúng tôi có thêm một vài nhận xét :

— Phạm-Quỳnh và nhóm Nam-Phong chỉ tiếp tục việc phiên âm Hán-Việt các danh-từ mới trong loại Tân-Thư Trung-Hoa ; tuy nhiên có thêm một số danh-từ chữ Hán do Nhật-Bản phiên dịch.

— Trong khi dịch những sách và tài liệu tiếng Pháp (chưa chuyển sang Hoa ngữ) Phạm-Quỳnh và nhóm Nam-

Phong cũng phiên dịch ra Hán-Việt thêm nhiều danh-từ không có trong Tân-Thư — nhưng không thoát khỏi bệnh « nói chữ » của giới Nho Tàu — do đó phải làm ngữ-vựng để giải thích bằng hai tiếng Việt, Pháp ở ngay cuối mỗi trang Nam-Phong, để dạy tiếng Hán-Việt cho đám Nho-Tây và các « quan Đại Pháp ». Đến nay những chữ họ dịch sai hoặc sử dụng tiếng Hán-Việt một cách kiêu kỳ, đều bị gạt bỏ (1).

— Văn điệu của Phạm-Quỳnh và nhóm Nam-Phong cũng như ngữ pháp và từ ngữ thuần Việt họ sử dụng đều chẳng có gì đặc sắc mới mẻ - trái lại, vẫn là lối văn na ná như Trương-Vĩnh-Ký, Huỳnh-tịnh-Của nhưng không đơn giản bằng, và cũng chẳng hơn gì các bài « văn xuôi » của Đông-Kinh Nghĩa-Thục : rườm rà, thích « nói chữ »

---

(1) Một vài danh-từ Hán-Việt trích trong phần ngữ vựng của Nam-Phong số 17, tháng 11-1918. Bài « Bàn Về Chiến Tranh » của Phạm-Quỳnh :

Diên-Mạn : Kéo dài ra, lan man mãi không hết — Trainer en longueur, durer longtemps.

Phó-Nạn : Chạy lại mà giúp việc hoạn nạn — Accourir à l'appel du dauger.

Lũ-chiến-lũ-thắng : Đánh bao nhiêu lần là được bấy nhiêu lần, đánh trận nào trận ấy — Autant de batailles, autant de victoires (expression sino-annamite).

Liễu-Kết : Kết cục xong mọi việc — Conclusion (quimet fin à une chose).

Châu-tuần : Năng đi năng lại nơi nào để mong cầu sự gì, Thường nói những kẻ chầu chực những chốn danh lợi. — *Litt.* Aller et venir.,. — *Par ext.* Fréquenter les grands dans un but intéressé.

Hán-Việt ; sử dụng rất vụng về ngữ pháp cũng như từ ngữ thuần Việt (1).

— Muốn cho công bằng, văn học sử Việt-Nam hiện nay cũng như chương-trình giảng-huấn Văn-chương tại hai bậc Trung và Đại-học miền Nam Việt-Nam cần thêm phần nói về các nhà văn thuộc phong trào Duy-Tân và các tác phẩm thi ca cũng như văn xuôi xuất phát từ phong trào này. (Đồng thời cũng xin « tốp » lại những luận điệu đề cao Phạm-Quỳnh và Nam-Phong một cách quá thiên lệch và phiến diện).

Một cuộc đối thoại trở thành độc thoại tập thể của nhóm Nam-Phong về tiếng Việt và địa vị chữ Hán trong Việt ngữ.

Tháng 10-1918, Nam-Phong nhận được thư ngỏ của một độc giả Nam-Kỳ - ông Nguyễn-Hảo-Vĩnh - thẳng thắn

---

(1) Trích một đoạn bài trên đề làm thí dụ :

«Từ đến bấy nay không có dịp nào là quan Giám-quốc Hoa-Kỳ (Wilson) không công bố cái chủ nghĩa cho quốc dân, cho thiên hạ biết. Chính ông xướng ra cái dư luận về mục đích sự chiến tranh. (.....) Cho nên khi ông khơi ra cái vấn đề mục đích sự chiến tranh thì ông giải ngay cái vấn đề ấy mà công bố cái mục đính của nước Mỹ, của cả phe Đồng-minh cho thiên hạ biết. Ông lại hỏi đảng Đức-Áo cái mục đích của họ thế nào : Xem cách trả lời lúng túng đủ biết cái tình ý gian.

«Cho hay kẻ gian không muốn rõ tâm sự cho người btết, mà người ngay không sợ rãi bụng mình cho thiên hạ biết».

(Chỉ đọc đoạn ngắn này cũng đủ rõ văn tài của Phạm-Quỳnh nhất là văn nghị-luận của ông, được các nhà phê bình hết lời ca tụng).

phê bình chủ trương của Nam-Phong trong địa hạt ngôn ngữ nhất là đã kích sự lạm dụng danh từ Hán-Việt trong tạp chí này. Nam-Phong số 16 có đăng đầy đủ lá thư, rồi trong số kế tiếp là các bài trả lời của Nguyễn-Bá-Trác và các thân hữu Nam-Phong đả kích khá nặng Nguyễn-Hảo-Vĩnh, nhưng ông này không đáp lại một lời (phải chăng vì biết rằng đánh vật với voi là việc vô ích và chắc chắn phải thua ?).

Trong thư ngỏ này Nguyễn-Hảo-Vĩnh đề nghị nên «thương tiếng nước nhà» và «ra công nuôi nấng» nó ; gắng hết sức thay tiếng thuần Việt vào tiếng Hán-Việt (ông gọi là tiếng Tàu, tiếng «Chệt») ; mượn thêm tiếng nước khác để làm giàu tiếng Việt ; đồng thời gạt bỏ cái thói rởm là thích diễn thuyết bằng Hán văn (nhân bài diễn văn của Vua Khải-Định viết bằng chữ Hán, đọc tại trường Đại-học Hà-Nội).

Chúng tôi nhận thấy những ý kiến của tác giả lá thư ngỏ (tóm lược trên đây) đều chính đáng, nhất là trong những năm đầu thế kỷ này, giai đoạn cần phải chuyển hướng tiếng Việt trong mọi lãnh vực ngôn ngữ : dùng « chữ quốc ngữ » thay thế chữ Nôm ; tạo lập từ ngữ mới để diễn tả tư tưởng mới và phiên dịch sách báo Âu-Mỹ ; kiện toàn ngữ pháp và văn pháp (nhất là văn xuôi)... Nhưng nhóm Nam-Phong đã nắm ngay lấy một vài sơ hở (vụng về trong cách dùng từ ngữ Việt v.v...) Nguyễn-Hảo-Vĩnh để phản công, vừa đả kích đối phương vừa bênh vực chủ-trương của Nam-Phong — viện lẽ rằng « xưa nay vẫn

thường dùng chữ Tàu » (...) « Chử Nho... từ đời cổ xưa không phải là văn tự riêng của một nước Tàu rồi. (...) người Việt-Nam lấy chữ Nho làm văn tự... đã hầu thành riêng của mình rồi. » (......) « chữ Nho có hại gì cho quốc ngữ ? » — họ khuyên Nguyễn-Hảo-Vĩnh « nếu không hiểu những chữ « chệt » trong Nam-Phong thời hãy đọc cho thuộc những tờ tự-vựng ở dưới thời sẽ hiểu. Chớ lấy mình không hiểu, lại vội chê người làm khó xem... » (1)

Rốt cuộc nhóm Nam-Phong lờ hẳn phần chủ chốt của lá thư ngỏ vấn đề tiếng Việt — tức là như Nguyễn-Hảo-Vĩnh đề nghị : nuôi nấng vun trồng « tiếng mẹ đẻ » ; dùng tiếng thuần-Việt thay thế những « chữ Tàu » (Hán Việt) không cần thiết, cầu kỳ hoặc khó hiểu. Đồng thời họ lái lệch vấn đề sang chiều hướng riêng của Nam-Phong : đề cao chữ Hán, suy tôn Hán học.

Trong bài tổng kết cuộc « độc thoại » — tức là bài luận thuyết căn bản của Nam-Phong số 20 — để bênh vực chủ trương cho nhóm mình, Phạm-Quỳnh còn đi xa hơn những luận điệu trên (2) :

---

(1) Trong loạt bài này, chỉ có bài của Tổng-đốc Thân-Trọng-Huề có tính cách ôn hòa và đồng ý một phần với Nguyễn-Hảo-Vĩnh -- và bài của Nguyễn-Văn-Ngọc góp ý kiến với tư cách một người ngoài cuộc không thiên về phe Nam-Phong.

(2) Bài « Bàn về sự dùng chữ Nho trong văn Quốc-ngữ » trong Nam-Phong số 20 (tháng 2-1919). Bài này được in lại trong Thượng Chi Văn Tập quyển 2 ; nhưng tác giả đã sửa chữa lại, do đó khác với nguyên bản.

— Một mặt, ông lờ hẳn trọng tâm của vấn đề do Nguyễn-Hảo-Vĩnh đặt ra, và không đếm xỉa đến những ý kiến xác đáng và hợp tình hợp lý của Nguyễn-Văn-Ngọc (3).

— Mặt khác, không những đề cao « chữ Nho » và « Hán văn », mà còn khẳng định rằng « *văn Quốc-ngữ do Hán-văn mà ra, không thể dời cái khuôn-pháp của Hán-văn mà thành lập được (......)* Nước ta học chữ Tàu trong hai nghìn năm, trong hai nghìn năm *lấy chữ Tàu làm văn tự chung*, chữ Tàu phổ thông trong dân gian (......) Thử về chốn nhà quê mà đưa cho ông lão già hay đứa con trẻ *một tờ chữ Nho hỏi là chữ gì, tất ai cũng đáp là « chữ An-Nam » (..)* Trước kia *quốc-văn tức là Hán-văn, Hán-văn tức là quốc-văn, tự nhiên như vậy (......), chỉ biết « văn » thì duy có Hán-văn mà thôi, mà « Nôm » là lời tục trong dân gian của những kẻ không biết « chữ » (...)* đó là sự hiển nhiên như thế (. .) *Chữ Nho là cái văn tự độc nhất vô nhị của nước mình* ». Rồi từ ngôn ngữ, văn tự ông nhảy vọt sang địa hạt văn minh, đạo đức — trộn lẫn « chữ Nho, Hán văn » với « Nho học, Nho giáo » — ông viết : *Nước mình được như ngày nay* đã từng có một cuộc lịch sử cũng lắm đoạn vẻ vang (...) *thật là nhờ ở Nho học nhiều*. Những bậc anh hùng, hào kiệt (...) bởi đâu mà đã làm nên sự nghiệp to lớn ? (...) chẳng phải là nhờ Nho học mấy đời đoàn luyện mới nên dư ? *Chẳng phải là Nho-học đã gây dựng ra gia-tộc, ra xã-hội, ra*

(3) Bài « Tiếng dùng trong Quốc văn » trong Nam-Phong số 19 (tháng 1-1919).

quốc-gia ta dư ? Cái tinh thần *(...)* của nho học *(...)* sống mãi muôn đời (...) nước ta còn *phải nhờ cái tinh thần ấy mới sống được... chữ nho là biểu hiệu của cái tinh thần ấy...* ». Tiếp theo đó ông chê những « người theo Tây-học từ thuở nhỏ » (có lẽ ám chỉ cả Nguyễn-hảo-Vĩnh và đại đa số trí thức miền Nam thời đó) là họ « càng ngày càng cách biệt với quốc dân, lời ăn tiếng nói, cách tư tưởng cảm giác không gì là giống với người mình. Như vậy thì hiểu làm sao được *(...)* rằng *nho học là cái học đã đào tạo ra người mình, quốc văn là cái văn nguồn gốc tự* chữ nho, không thể bỏ chữ nho mà thành lập được ! » — rồi trở lại vấn đề do Nguyễn-hảo-Vĩnh đặt ra, ông lên mặt tôn sư khuyên bảo rằng : « Trước khi bàn về quốc văn, các nhà tân học phải hiểu rõ rằng *quốc văn* không phải bỗng dưng mà thành được, tất (...) *phải có nguồn gốc tự* đâu mà ra, và *nguồn gốc tức là Hán văn*. Nay muốn ngăn nguồn bạt gốc đi thì mong sao mà thành lập được ? (...) Không biết chữ nho (...) là tại *mình quá theo thời mà quên gốc cũ, không thể cưỡng bắt quốc văn cũng phải theo mình mà phản được*. Người trong nước mà vong bản đã chẳng ra gì ; quốc văn mà phản bản thì đi đời quốc văn ! (...) Đó là điều cốt yếu, lẽ chánh trung, ai cũng phải công nhận trước đã, rồi mới nên bàn về quốc văn. Có thế mới chánh đáng được, không thời thì lời bàn thiên lệch cả. »

Sang phần 2 của bài này, Phạm-Quỳnh « bàn về cái cách nên *dùng chữ nho trong văn* quốc ngữ *thế nào cho thích hợp* ; đồng thời khẳng định : « Cả cái *vấn đề quốc văn chỉ rút lại có một câu hỏi đó* mà thôi ». Gạt phắt quan

điểm của những người (ám chỉ cả Nguyễn-hảo-Vĩnh) ông cho là « cố ương ngạnh, không chịu nhận rằng tiếng nước mình đối với chữ nho có cái giây liên lạc rất bền chặt không thể cắt đứt đi được », — rồi ông đưa ra những lý luận chẳng có gì lạ đối với những người (tới ngày nay vẫn chiếm đa số) chấp nhận sự cần thiết hữu hạn của tiếng Hán-Việt (tức « chữ nho » theo ngôn từ cũ) trong Việt-ngữ nói chung (tức là cả trong lời nói thông thường chứ không riêng lúc viết « văn quốc ngữ ») — nhưng Phạm-Quỳnh vẫn khăng khăng bám chặt chủ trương suy tôn chữ Hán và coi thường tiếng « nôm na » tức là tiếng thuần Việt. Từ đó thái độ và lập trường căn bản này, ông đề ra bốn « phàm lệ » để dạy cách dùng « chữ nho » :

— « 1. Phải tùy tính cách và trình độ bài văn (...) văn có nhiều lối (...) nhiều hạng : — Có hạng văn phổ thông nói những sự *tầm thường* (...) thì cần gì phải dùng đến chữ nho nhiều ? — Có hạng văn tả tình, tả cảnh, du hí, khôi hài đã *cao hơn hạng trên một tầng và phải có ý vị lý thú mới hay*, tất cả có nhiều *ý lời ta nói không hết*, nhiều cảnh *tiếng nôm tả không thấu*, phải mượn năm ba chữ nho cho nó nổi cái cái ý; chỉnh lời văn và *khỏi tục tằn quá (...) hạng văn này phải mượn chữ* (...) phần nhiều cũng là những chữ nho thường dùng cả (...) Trong lời văn nôm (...) phải tùy chỗ mà đặt một vài chữ nho xứng đáng (...) ; không thời lời văn tất lạt lẽo và không khỏi tục tằn được *« nôm na » xưa nay vẫn là trái với « văn vẻ » phải nên nhớ chớ quên.* — Lại có hạng văn kỹ thuật, nghị luận, hạng này *cao hơn hạng trên một tầng nữa*. Văn kỹ thuật tức là

văn sử ; nhà làm sử phải có ngọn bút nghiêm trang (...) những việc đã đáng chép đáng thuật để lưu truyền lại, không phải việc tầm thường, tất có cái ý nghĩa sâu ở đó. Vậy (...) rất kỵ là những giọng hoặc tục tĩu sỗ sàng, hoặc tầm thường quá (...) ; nay muốn dùng rặt tiếng nôm cả, không dùng chữ, có thể tránh được những điều đó không? Chắc rằng không, *vì nôm tức là tục (...)* Đến như văn nghị-luận cũng vậy *(...)* lời văn tất phải tinh tường gẫy ngọn mới được ; rất kỵ là những giọng những tiếng hàm hồ, song nga, hiểu ngược cũng được, hiểu xuôi cũng được như vậy thì bàn sao cho sát-lý được ? Tiếng ta gọi là *tiếng « nôm » nghĩa là tiếng thông thường trong dân gian (...) thường có nhiều tiếng hàm hồ*, vì người thường cứ nghe lẫn nhau mà biết, *không hay định nghĩa được phân minh. (...)* Đại để văn kỹ-thuật và văn nghị-luận đã là hạng văn trang nghiêm thiết thực tất *phải mượn chữ nho nhiều hơn* hạng văn du hí trên kia. – Sau nữa đến hạng văn thuyết lý giảng học. Hạng này *là hạng cao hơn nhất xưa nay người mình không dùng tiếng Nôm bao giờ.* Ngày nay nghiệm ra tiếng Nôm cũng có đủ tư cách mà dùng *(...)* nhưng *phải mượn chữ nhiều hơn các hạng trên.* Văn thuyết lý giảng học lại càng trong nghiêm trang lắm : *(...)* tiếng Nôm *(...)* cho dẫu một đôi khi cố tìm tòi mãi, cố đàn diễn ra cũng có thể tiềm tiệm đủ được, nhưng thường không tránh khỏi *cái tệ nôm na. (...)* Coi đó thì biết cái *trình độ văn càng cao bao nhiêu lại càng cần phải dùng chữ Nho bấy nhiêu.* » Do đó, ông « không ngại gì cả. Càng mượn được (nhiều chữ Nho) càng hay. Tất những chữ mới mượn nghe có lạ tai *(...)* ; đến khi đã quen rồi thì

(...) cũng không lấy làm lạ nữa ». Để chứng minh, ông viện dẫn trường hợp những danh từ do Nam-Phong « mượn của chữ Nho » và làm « tự vựng thích nghĩa » - như vậy « chữ chỉ mới một lúc đầu thôi ; (...) dùng đến mười lần thì nghe đã cũ rích vậy ».

— « 2. ... trong khi dùng chữ (Nho) các nhà làm văn lại phải cẩn thận về cách kén chọn lựa lọc lắm mới được (...) ; cái thuật « luyện chữ », hóa chữ, là ở cái tài người làm văn, không thể định trước được ». Tại đây (có lẽ bị hình ảnh Nguyễn-Hảo-Vĩnh ám ảnh), ông chê Nam-Kỳ có nhiều nhà làm văn quốc-ngữ hay dùng chữ (Nho) lắm, mà thường là chữ không hóa không luyện (...), đọc qua các tiểu thuyết cũ của Tàu nhớ được những câu sáo cùng những tục ngữ phương ngôn (chữ nho), khi viết văn cứ thế mà đệ vào (...) thậm là vô vị, thà dùng tiếng nôm còn hơn ».

— « 3. Phàm dùng chữ gì nên định nghĩa cho rất phân minh, nhất là các chữ mới (..) diễn các nghĩa lý mới (...) phần nhiều là của Tàu dịch hoặc định nghĩa theo chữ Âu-Châu (...) Nhà làm văn phải thuộc các chữ mới, nghĩa mới đó mới được ; lắm khi biết chữ Nho không, không đủ, còn phải thiệp hiệp các tư tưởng học thuật mới thì mới hiểu rõ được ». Nêu ra điểm này. Phạm-Quỳnh chủ tâm hướng vào giới « Nho Tàu » thủ cựu để mắng khéo với ngụ ý cho họ là bọn ngu dốt - Bởi vậy, ông viết liền ngay đó : « Cho nên nhiều nhà Nho cũ thông chữ Nho mà không hiểu được các chữ Nho mới đó. Như nói về « xã

hội chủ nghĩa » (socialisme), nói về « Cộng sản chủ nghĩa » (communisme) nói về đảng « quá kích » (les radicaux), nói về đảng « lao động » (les travaillistes), toàn là những chữ Nho mới cả, mà người nào không từng biết các chủ nghĩa cùng các đảng phái đó thì dẫu biết chữ Nho cũng không hiểu là gì ». - rồi tiếp ngay theo đó, ông hướng sang giới « Nho Tây » mà than phiền giùm họ : « Tư tưởng với văn tự phải tiến ngang nhau mới được : nếu có tư tưởng mà không đủ chữ nói ra, như phần nhiều các nhà Tây-học ngày nay, thì cũng cực ». Như vậy, tuy Phạm-Quỳnh không nói trắng ra, ta cũng có thể hiểu rằng ông muốn cho mọi người biết chỉ có Phạm-Quỳnh và nhóm Nam-Phong mới hiểu rõ và dùng chính xác những « chữ Nho mới » vì họ am tường cả Hán-học lẫn Tây-học (không biết tiếng Tây thì hiểu sao được « xã hội chủ nghĩa » do tiếng « socialisme » « cộng sản chủ nghĩa » do tiếng « communisme » v.v... dịch ra « chữ Nho » !).

— « 4. Về tên đất tên người, Phạm-Quỳnh đề nghị chỉ nên giữ lại những tiếng Hán-Việt đã thông dụng như tên các châu, các đại-dương, các đại danh nhân (như Nã-Phá-Luân, Hoa-Thịnh-Đốn. .), một vài quốc-gia quen thuộc (như Pháp, Anh, Đức...) — còn những tên khác « nên viết theo chữ Tây (...) rồi chua âm ra quốc-ngữ (...) như Manchester (Măng-xét-te), Edimbourg (Ê-đinh-bua) — hơn là đọc theo Tàu : Mãn-triệt-đức-nhĩ (Manchester), Ái-đinh-bộ-nhĩ (Edimbourg). . ». Đề nghị này của Phạm-Quỳnh thực ra cũng chỉ là ý kiến chung của nhiều vị thức giả đương thời.

Trong phần kết luận, Phạm-Quỳnh không quên nhắc lại lời Nguyễn-Hảo-Vĩnh trong lá thư ngỏ : « thương tiếng nước nhà », nhưng nói mỉa ngay : « thương tiếng nước nhà cũng có năm bảy đường », — rồi cảnh cáo : « Thương mà sai đường thì không những không lợi mà lại hại cho quốc-văn hơn là ghét bội phần » — và con đường chân chính duy nhất, dĩ nhiên phải là đường do ông vạch ra : » Tôi cũng nhiệt thành thương tiếng nước nhà, lâu nay đã tự nguyện hi sinh một đời (sic) để gây dựng cho cái tiếng ấy thành văn chương (...). Lắm lúc bình tâm tĩnh lự, tự mình lại hỏi mình nên dùng cách nào cho đạt tới cái mục đích đó. Nghĩ nát ruột mà không tìm được cách nào, ngoài cái lề lối của ông cha để lại. Nhìn ngược nhìn xuôi, trông xa trông gần chỉ thấy *rừng Nho man mác*, lá rậm um tùm, *muốn thoát ra ngoài mà không thoát được, đi mãi không cùng*. Bấy giờ mới tỉnh ngộ mà biết rằng *dân mình sinh trưởng trong góc rừng này đã mấy mươi đời, những khi phong ba bão táp được ẩn thân ở dưới cây lớn cỗi cao*, nay muốn thoát ly mà ra ngoài bông-lông trong đồng rộng để khơi sao đành ? Chi bằng ta cứ nương náu ở đây, mở rộng phá giang, mở đường sẻ lối, cho tiện sự giao thông, để đón lấy gió Âu mưa Mỹ... » Câu chót là để gián tiếp nhắc ông Nguyễn-Hảo-Vĩnh : « Ai ôi ! (...) Có thương tiếng nước nhà nên thương cho phải đường » — tức là ngoài đường lối trên đây của ông Quỳnh và nhóm Nam-Phong, không còn « đường phải » nào khác nữa !

Sau cuộc « độc thoại » của Nam-Phong chống Nguyễn-Hảo-Vĩnh vấn đề tiếng Việt được đặt lại đúng chỗ.

Nguyễn-Hảo-Vĩnh chính là người khởi xướng phong trào đòi phải đề cao « tiếng mẹ đẻ » và đặt nó vào địa vị xứng đáng, đồng thời đả phá khuynh hướng chuộng tiếng Hán-Việt, khinh tiếng thuần-Việt.

Vì buộc phải tôn trọng dư luận (nhất là trong thời kỳ Nam-Phong là là tạp chí tiếng Việt duy nhất tại Bắc và Trung-Kỳ) nên Nam-Phong đã đăng bài góp ý kiến của nhà giáo Nguyễn-Văn-Ngọc nhưng muốn hạ bớt giá trị bằng cách in lẫn vào phần tập văn (1). Rồi tiếp theo đó là bài « đại luận » của Phạm-Quỳnh để tổng kết cuộc « độc thoại » cả vú lấp miệng em của nhóm Nam-Phong.

Nhưng tiếng gọi thiết tha của Nguyễn-Hảo-Vĩnh và lời nói thẳng cũng như ý kiến xác đáng của Nguyễn-Văn-Ngọc đã làm thức tỉnh nhiều người, nhất là những thanh niên trí thức chưa « mất gốc ». Tiếp theo bài của Nguyễn-Văn-Ngọc, họ tiếp tục gởi đến Nam-Phong (và nhật báo Trung Bắc Tân Văn) những bài luận về tiếng Việt — đặc sắc nhất là bài của Dương-Quảng-Hàm (lúc đó còn là sinh viên trường Cao-đẳng Sư-phạm) gián tiếp đả kích chủ trương căn bản của Phạm-Quỳnh và nhóm Nam-Phong (2) : Ông đặt lại vấn đề phiên dịch tiếng Âu-Mỹ

(1) Coi ghi chú (2) ở đoạn trên.

(2) Bài « Bàn về tiếng An-Nam » trong NP số 22 (tháng 4-1922).

sang tiếng Hán-Việt và thuần-Việt, đồng thời đề nghị một kế hoạch cũng như chương trình và phương-pháp giáo-khoa cho việc dạy tiếng Việt (ở gia đình và học đường).

Như vậy, nếu Nguyễn-Hảo-Vĩnh là người khởi xướng thì Nguyễn-Văn-Ngọc và Dương-Quảng-Hàm là những chiến sĩ tiền phong mở đường cho công cuộc phục hồi giá trị tiếng-thuần-Việt và tìm ra một lề lối phiên dịch hợp tình hợp lý.

Nhà giáo Nguyễn-Văn-Ngọc viết :

« .... Thiết tưởng các ông (cựu Nho học và tân Tây học — kể cả nhóm Phạm-Quỳnh) muốn tranh giành kịch liệt đến đâu ; muốn dài giòng văn tự đến thế nào, cũng không ra khỏi cái lý tự nhiên được, cũng không cho cái phương diện của mình đáng là toàn phải được.

« Xem đại-khái thí-dụ như vầy thì biết. Xưa nay trẻ vẫn gọi người sinh đẻ ra là *cha* hay *bố*, là *u* hay *mẹ*. Nếu bây giờ ông bảo không được, phải gọi cha là *phụ*, hay *phụ thân*, hay *ông thân sinh*, gọi mẹ là *mẫu*, hay *mẫu thân*, hay *bà thân sinh*. Hay ông lại bảo không được, phải gọi là *maman, papa*. Chắc trẻ nó cười mà chẳng nghe ông nào : cái đầu lưỡi nó uốn, cái cuống họng nó đã bật ra những tiếng *mẹ. cha* tự lúc nó mới lên lên hai bập bẹ học nói lâu ngày quen đi mất rồi, không tài nào sửa lại được nữa. — Người thầu khoán nói thuê xe ra nhà *la ga* (3) để đi một

(3) Bốn, năm mươi năm trước, lúc đầu tiếng « *ga re* » của Pháp được phiên âm toàn bộ « *la ga re* » — *la ga* — ít lâu sau chỉ còn lại *ga* rồi biến thành *nhà ga* (có thể dùng cả hai : *ga* hoặc *nhà ga*).

nơi nào có việc. Nếu bây giờ ông bảo không được, phải gọi nhà *la ga* là *chỗ xe lửa đỗ*. Hay ông lại bảo phải nói là *đình-xa-sở*. Người thầu khoán cũng cười mà chẳng nghe nào : Tự lúc trong nước có xe lửa đi lại họ vẫn chỉ biết nếu muốn đi xe lửa tất phải ra nhà *la ga* lấy vé rồi đợi có chuyến xe mới đi được. — Ông quan nói lấy pháp-luật mà trị dân. Ông bảo không, phải nói là *lệ nước*, hay phải dùng chữ *loi*. Chắc ông quan nghiêm trang mà bảo ông chỉ sinh sự hão : Chữ *pháp luật* xưa nay trên tự triều-đình dưới đến dân-gian ai cũng hiểu là những điều đã thi hành trong nước mà ai sống ở trong nước cũng phải noi theo cả.

« Xét như vậy thì các ông có nói lắm cũng hoài hơi. Tiếng nói là ở như sự cần dùng của nhiều người mà lập thành, chớ không phải ở như các cụ thánh-nhân đời xưa hay các ông thánh-nhân đời nay đặt ra được. Vả chăng trước khi sinh ra tiếng tất cả có tư tưởng :

Tư-tưởng hay đồ vật sinh ra tiếng. Tiếng chỉ là cái hình ngoài để bọc cái hồn tư-tưởng ở trong thôi. Vậy cái gì trong tâm-trí đã có nghĩ qua mà muốn diễn ra ngoài thì tất phải mượn một tiếng gì để nêu dệt ra cho thiên hạ người ta biết. Mà khi tiếng đã nêu dệt rõ ràng được tư-tưởng rồi, ai ai cũng công nhận cả, thì khó lòng mà phá hoại đi được, khó lòng mà bảo nhất-đán bỏ cũ thay mới được.

« Nói thế hoặc có ông hỏi rằng : « Thế thì ra tiếng nói đã nhiều người dùng tất ta phải theo. Chẳng hóa các

nhà làm văn lại phải hạ thân dùng những tiếng của thường dân đặt để ra hay sao ? » — Ấy chính phải thế. Tiếng nói không phải là một đồ vật riêng cho một bọn làm văn thôi ; tiếng nói là chung cho cả nhân-dân trong một nước... »

Ông Dương-Quảng-Hàm viết về, cách dịch tiếng về khoa-học, triết-học và kỹ-nghệ » (4).

« Có hai cách dịch : 1/ đặt tiếng mới ; 2/ mượn tiếng nước ngoài. »

« A. *Đặt tiếng mới* : Đặt tiếng mới nghĩa là : 1/ lấy những tiếng nguyên trước chỉ nghĩa này mà dùng theo nghĩa mới. Ví dụ : tiếng *mũ* nguyên trước chỉ « các vua cùng các quan đội trên đầu khi có lễ-tiết gì... » ; từ khi có người Pháp sang đây, ta bắt chước đội thứ nón Tây, thời cũng gọi là *mũ*... - 2/ ghép những tiếng đã có rồi thành một « tiếng chắp » mới để chỉ nghĩa mới : như những tiếng *xe lửa, tàu bay, quạt máy, xe điện v.v...*

« Song đặt tiếng mới mà muốn cho thông dụng thì những tiếng ấy không những là phải đúng nghĩa, đủ nghĩa không lầm lẫn mà lại còn phải gọn ghẽ, nhã nhặn mới được. Nếu mà đặt được những tiếng mới đủ tư cách như những tiếng kể trên này, thời tôi thiết tưởng đặt tiếng mới ra mà dịch tiếng khoa-học, triết-học và kỹ-nghệ thật là một cách hay nhất, nên dùng nhất, vì tiếng là tiếng nước mình, có cái tinh thần riêng, có cái thú vị riêng, mà người thường dân cũng dễ hiểu dễ nhớ. Ngặt vì nỗi : đặt được

(4) Danh từ « *kỹ-nghệ* » đây tương đương với danh từ « *kỹ-thuật* ».

những tiếng đủ tư cách như thế để cho mọi người công nhận mà dùng thật là khó... Ngay như những tiếng mà thày Nguyễn-Hảo-Vĩnh khổ tâm tận lực đặt ra mà cũng chưa đủ tư cách còn có người bẻ (ám chỉ nhóm Nam-Phong). Khó lắm thay là sự đặt tiếng mới ! Phải biết rằng những tiếng đặt ra mà đủ tư cách như trên kia là phần nhiều bởi người thường dân đặt ra cả... thường thường đúng mà hay (5)... (Thường dân) không phải là ngu ngốc bạ tiếng nào dùng tiếng ấy đâu. Cái tiếng đặt ra có đủ tư cách, hợp với ý-tưởng của mọi người thì mới thông dụng được, bằng không thì ra đời chẳng bao lâu mà phải chết. Phải biết về đường tiếng nói, cái quyền là ở bàn-dân nhiều không phải ở mấy người đặt đồi được.

— « Lại khốn về một nỗi nữa : là những tiếng dân đặt ra mà được hay được đúng như thế, thời phần nhiều là những tiếng thường dùng không có không được, nên cái số tiếng đặt ra ít quá, còn biết bao nhiêu tiếng về khoa-học, triết-học và kỹ-nghệ chưa có. Vậy đương lúc bây giờ những vật mới ý mới mà xưa nay ta chưa dùng đến, chưa nghĩ tới, thì lấy gì mà gọi ?-Tiếng cũ thì không có, đặt tiếng mới thì khó khăn, biết bao giờ đặt cho xong, mà có tiếng như những tiếng *algèbre, économie politique, métaphysique déduction, induction, syllogisme* v.v... sắp đặt sao cho nổi. Thế thời tất phải mượn tiếng nước ngoài (6). Nói đến sự

(5) Ngược hẳn với luận điệu (dẫn trên) của Phạm-Quỳnh : « nôm tức là tục »... « cái tệ nôm na » v.v... — và

(6) Gồm cả những tiếng do Tàu dịch của Âu-Mỹ ra chữ Hán - tức « chữ Nho » mà Phạm-Quỳnh gọi là « cái văn tự độc nhất vô nhị của nước mình »... « nguồn gốc của Quốc-văn ».

đi mượn thì tôi cũng cực tâm, song thế tất phải thế, biết làm sao bây giờ...

« B ». *Cách mượn tiếng ngoài* : ..... mượn như thế không phải là một vài người học tiếng, đọc sách nước ngoài đem dùng mà bắt người ta theo được đâu, chính là cả một bàn-dân mượn ; ... mình không đặt được tiếng mới mà gọi nên phải mượn tiếng ngoài đã có, lẽ ấy là tự nhiên ; mà mượn không phải là theo y như nguyên âm tất có thay đổi ít nhiều sao cho gọn ghẽ, nhã nhặn, dễ nghe... họa là chỉ có những tiếng nguyên âm mà cũng đã gọn ghẽ nhã nhặn thì mới theo y như hệt - những tiếng đó là cả một bàn-dân mượn theo lẽ tự nhiên...— như những tiếng *Sà-phòng*, *Ký-ninh*, rượu *vang*, rượu *Sâm-banh*, nhà *Ga* là bởi tiếng Pháp *savon, quinine, vin, champagne, gare, v.v...* là cả một bàn-dân mượn và thay đổi đi, chớ không phải ở một vài người đặt để được.

« — Chữ nho — ... Những tiếng về khoa học, triết học, kỹ nghệ, ta nên mượn chữ nho mà dịch — trừ những tiếng mới của bàn-dân đặt ra (như : tầu bay, tầu ngầm, xe hơi, xe đạp v.v...) và những tiếng của bàn-dân mượn dùng quen (như : sà-phòng, dầu săng, xe ô tô, boong tàu, sà-lan v.v...) bấy giờ nói quen đã thành tiếng ta rồi... không cần phải lấy chữ nhi mà dịch nữa ».

Tiếp theo đó, ông đi sang « Tiếng về Văn-chương ». Khác hẳn với « học phiệt » Phạm-Quỳnh, sinh viên Dương-quảng-Hàm chủ trương :

«... những tiếng về văn chương, chỉ các ý tưởng ta thường nghĩ tới nên tiếng ta đã có nhiều. Vậy nhiều tiếng chữ nho có mà tiếng ta cũng có, vừa hay vừa đúng bằng tiếng chữ nho có mà tiếng ta cũng có, vừa hay vừa đúng bằng tiếng chữ nho... thời khi nói chuyện, lúc viết văn, nên hết sức dùng tiếng ta mà đừng dùng tiếng chữ nho... vì tội gì tiếng nước mình có lại không dùng, mà dùng thế, chắc có nhiều người hiểu hơn.

«... tôi không dám bảo bỏ hết chữ nho không nên dùng... Cái điều tiếng nào nên dùng chữ nho hay không là tự các ông nói chuyện, viết văn kén chọn và định liệu.»

Đoạn chót bài của Dương-quảng-Hàm là vấn đề «học tiếng An-nam » (7) :

« Lạ thay cho nước mình ! Có tiếng nói mà không hề ai học tiếng, không đâu dạy cách dùng tiếng, không sách nào nói đến nghĩa tiếng cùng mẹo đặt câu. Điều đó là tự xưa nay ta học chữ nho, thi cử, thơ từ, sách vở đều dùng chữ nho, khinh rẻ tiếng nôm. Họa có người làm thơ văn nôm được hay... là nhờ lúc cao hứng, tài thiên bẩm, chớ chưa từng ai nghiên cứu, học hành tiếng An-nam cả, Điều đó thật là một khuyết điểm đó...»

Khuyết điểm này, hai ông Nguyễn-văn-Ngọc và Dương-quảng-Hàm đã thực sự tận tụy một đời để bồi bổ

(7) Hồi đầu thế kỷ, ai dùng danh xưng « *Việt-nam* » thì dễ bị tình nghi là « phản loạn » (tức thuộc hàng ngũ Cách mạng chống Pháp, chống bọn ma quan bù nhìn).

cho những công trình nghiên cứu ngôn ngữ và văn chương Việt-Nam cũng như cuộc đời nhà giáo và những sách giáo khoa Việt văn của hai ông (9) — chứ không huênh hoang giả dối và ngạo nghễ như Phạm-Quỳnh rằng « Tôi đây tự nguyện hy sinh một đời để gây dựng cho tiếng nước nhà thành văn chương », nhưng rốt cuộc để lại được những gì đáng để trên địa hạt ngôn ngữ và văn học Việt-Nam ?



(9) Trong cuốn Việt-Nam Văn-Học Sử-Yếu, Giáo-sư Dương-quảng-Hàm đã phạm một lỗi lầm lớn khi đề cao Phạm-Quỳnh và tạp chí Nam-Phong. Một câu hỏi cần được đặt ra : tác giả thực sự lầm lẫn, hay là bị áp lực của thực dân Pháp, hoặc là vì sách này phải soạn theo chương trình Trung học do thực dân áp đặt ?

Tổng kết

Đọc lại những tác phẩm quốc văn dù viết bằng « chữ Nôm » hay « chữ quốc ngữ » từ 1901 - 1902 đến 1925 - 1926 - tức là qua những Trần-tế-Xương, Nguyễn-Khuyến, Chu-mạnh-Trinh... rồi đến các tác giả thuộc hai Phong trào Đông-Du và Duy-Tân (kể cả tổ chức các nghĩa thục miền Trung và Đông kinh Nghĩa thục Hà-nội) như Trần-quý-Cáp Phan-bội-Châu, Phan-chu-Trinh, Huỳnh-thúc-Kháng, Ngô-đức-Kế... tiếp đến Nguyễn-văn-Vĩnh với nhóm Đông Dương tạp chí và Trung Bắc tân văn, Phạm-Quỳnh với nhóm Nam Phong, và các văn thi sĩ độc lập như Nguyễn-khắc-Hiếu, Trần-tuấn-Khải... chúng tôi có thể tổng lược tình trạng tiếng Việt của 25 năm đầu thế kỷ này bằng một vài nhận định :

NHẬT XÉT CHUNG

Ngược lại với chủ trương của phái « Nho Tàu » coi chữ Hán và Hán văn là tối thượng, chữ Nôm và tiếng thuần Việt là « nôm na mách qué » do đó tạo ra tệ đoan « nói chữ » tức là pha trộn nhiều tiếng Hán không cần thiết vào ngôn ngữ Việt ; đồng thời cho rằng chỉ có thơ phú mới là văn chương, còn văn xuôi chỉ là ngôn ngữ thông thường hơn nữa họ coi « chữ quốc ngữ » là chữ của Tây của bọn xâm lăng cướp nước...— từ những năm đầu thế kỷ, một

số « sĩ phu giác ngộ » chủ trương dùng nhiều văn Nôm và cổ động học « chữ quốc ngữ » là loại chữ tiện lợi và dễ học, có thể phổ biến nhanh chóng và rộng rãi trong dân chúng và dùng làm phương tiện truyền bá tư tưởng, học thuật cho toàn dân :

— Xuất pháp từ miền Nam : việc học « chữ quốc ngữ » lan ra miền Trung rồi sau cùng đến miền Bắc nhờ sự cổ động của phong trào Duy-Tân và tổ chức Nghĩa thục của phong trào này - đồng thời, việc văn xuôi được sử dụng để trước tác và phiên dịch sách Tây sách Tàu (khởi đầu do Trương-Vĩnh-Ký và Huỳnh-tịnh-Của từ cuối thế kỷ trước).

— Sau khi phong trào Duy Tân bị đàn áp và Đông Kinh Nghĩa Thục bị giải tán, thực dân Pháp đã trao độc quyền làm văn hóa cho các nhóm tay sai (nổi bật nhất là nhóm Nam Phong do Phạm-Quỳnh cầm đầu) : văn xuôi viết bằng « chữ quốc ngữ » (thay thế « chữ Nôm » - được nhóm Nam Phong gọi là « văn quốc ngữ ») cũng như việc phiên dịch danh từ Âu-Mỹ sang tiếng Hán-Việt và thuần-Việt. đâu phải do các nhóm tay sai này khởi xướng phong trào Duy Tân và Đông Kinh Nghĩa thục đã làm việc này trước họ, đồng thời mượn danh từ Hán-Việt trong các sách Tân Thư của Trung-Hoa để sử dụng trong các tác phẩm Việt văn, các bài diễn thuyết...

— Mặc dầu đã cướp được « độc quyền văn hóa », các nhóm tay sai của thực dân (nhất là nhóm Nam Phong) đã sử dụng « văn quốc ngữ » làm phương tiện tuyên truyền

cho Pháp đề cao văn minh Pháp, phổ biến văn hóa Pháp hơn là xây dựng ngôn ngữ, văn chương và văn hóa Việt (riêng Phạm-Quỳnh và nhóm Nam-Phong còn muốn duy trì cái ách chữ Hán và Hán học sẵn có từ ngàn năm trước trên đầu trên cổ tiếng nói và văn chương dân tộc).

Cho tới nay người ta vẫn tiếp tục tuyên dương công trạng của Phạm-Quỳnh và nhóm Nam-Phong và lờ hẳn công nghiệp của những người và tổ chức tiền phong nói trên cũng như những tác phẩm tiếng Việt của phong trào Duy Tân và Đông Kinh Nghĩa thục. Nay đã đến lúc phải hành động ngược lại, nếu muốn có công bằng, thẳng thắn trong việc làm văn học sử:

RIÊNG VỀ NGÔN NGỮ

— Nhờ chủ trương đề cao « chữ nho » của Phạm-Quỳnh và nhóm Nam-Phong, tệ đoan « nói chữ » vẫn được duy trì, bảo vệ :

a) Những phương thức cũ : xen kẻ những thành ngữ Hán hoặc những câu trích dẫn kinh điển Nho học vào lời nói, câu văn tiếng Việt — trong câu nói cửa miệng, thay thế từ đơn và từ kép Việt bằng từ đơn và từ kẻp Hán — Vài thí dụ rút trong Nam-Phong số 18 : *tự* đầu *chí* cuối — *từ* đầu *đến* cuối ; kẻ *hậu tấn* — kẻ đi sau ; tiếng *tam* kỳ — tiếng ba kỳ (Bắc, Trung, Nam) ; việc thư từ *biên ký* — việc thư từ ghi chép...

b) Phương thức Nam Phong : dùng bừa bãi tiếng Hán-Việt mới, đa số là do Tàu phiên dịch các danh từ Tây

phương về học thuật và khoa học, và một số ít do nhóm Nam Phong phiên dịch (thường cầu kỳ, lố lăng nên chẳng bao lâu bị gạt bỏ : coi những « danh từ Nam Phong » đã viện dẫn làm thí dụ ở một đoạn trên).

— Lớp « Nho Tây » dĩ nhiên thua kém « Nho Tàu » về chữ Hán, mà còn thua kém họ cả về tiếng Việt : so sánh cách dùng từ ngữ thuần Việt và cú pháp (không cần nói tới văn Pháp, bút Pháp) của thơ phú chữ Nôm từ 1905 trở về trước với những bài « văn xuôi » trong Nam Phong vào những đầu năm (1917 - 1922), ta sẽ thấy ngay nhược điểm này (1) — tệ hại nhất là « văn » Phạm Quỳnh (2). « Văn nôm » xưa càng xữ dụng từ ngữ Việt chính xác với một cú pháp thanh thoát bao nhiêu thì « văn quốc ngữ » của « Nho Tây » càng thô kệch, rườm rà, bê bếch bấy nhiêu (3) — nhất là họ căn cứ vào cú pháp « tiếng Tây » để xây dựng cú pháp mới cho tiếng Việt. và tìm cách nhập cảng những từ ngữ thông thường của « tiếng Tây » bằng cách phiên dịch để sử dụng trong tiếng Việt. — Thí dụ : tiếng Pháp đòi hỏi phải có *article* trước *nom* — tức mạo từ trước danh từ — thì họ đặt bừa phứa « cái » và

Xem chú thích (1) ở trang sau)

(1) Với những câu như : « Tôi lấy làm áy náy trong bụng » — « câu hỏi đó là một cái câu hàng ngày » (Nam Phong số 19).

(2) Đọc lại những đoạn trích dẫn trên để so sánh « văn » của 3 ông Phạm-Quỳhh, Nguyễn-Văn-Ngọc Và Dương-Quảng-Hàm viết trong (1919).

(3) Thử so sánh các bài trong Nam Phong với bất cứ bài phú nôm nào của các văn thi sĩ trướ 1905 (phú là một thể văn xuôi có niêm luật chặt chẽ gần như thi ca.)

« sự » trước các danh từ Việt và Hán-Việt, tưởng đó là hai *articles* của tiếng Việt — hoặc vì không thấu hiểu tiếng thuần Việt, họ đã dùng sai lạc hẳn ý nghĩa trong việc phiên dịch trong một số danh từ Pháp sang tiếng Việt như : *Vai tuồng, vai trò* — rôle — *cái tôi* — lemoi — Trong câu : lemoi est haissable (*Tuồng*, *Trò* và *Tôi* không đúng với ý nghĩa tiếng Pháp *rôle* và *le moi*)... Tệ hơn nữa là khi họ làm « Tự điển », trong đó tiếng Hán-Việt thường được giải thích đúng nghĩa hơn tiếng thuần Việt (điển hình là cuốn Việt-Nam Tự Điển của Hội Khai Trí Tiến Đức do Phạm-Quỳnh làm chủ-biên) : có thể nói họ không am tường ý nghĩa và không sử dụng thông thạo từ ngữ Việt bằng hai giới thợ thuyền và dân cày (cứ giở bất cứ trang nào trong Việt-Nam Tự Điển của Hội Khai Trí Tiến Đức, ta sẽ thấy rõ điểm này) — hơn nữa, « Tự điển » (4) của họ thiếu sót rất nhiều từ ngữ thông dụng trong dân gian (khối đại đa số của dân tộc) : họ chú trọng sưu tầm và giải thích tiếng Hán Việt hơn là tiếng thuần Việt.

— Đáng lẽ phải dùng phương pháp ngữ học để có thể nghiên cứu tường tận tiếng nói và văn chương dân tộc, thì họ đã phó mặc việc này cho các học giả Pháp (Maspéro, Souvignet, Cadière v.v...) : dù rất thông thạo ngữ học và

---

(4) *Tự* điển hay *Từ* điển ? Cho tới nay nhiều người vẫn còn lầm lẫn *Tự* và *Từ* tức *Chữ* và *Tiếng* (Coi : *Sơ thảo Ngữ pháp Việt-Nam* của Tiến sĩ Lê-văn-Lý, với những tiếng « Tự ngữ, phụ tự, loại tự, danh tự, tĩnh tự.. » — và *Việt-Nam Văn Phạm* của Trần-trọng-Kim, Bùi-Kỷ, Phạm-du-Khiêm : lúc đầu cũng dùng « Tự », nhưng trong những ấn bản sau, các tác giả đã thay thế bằng « Từ : từ ngữ, danh từ, tĩnh từ, động từ v.v...)

khá giỏi tiếng Việt (nói và viết) nhưng vì không phải là người Việt, nên những học giả này không thể đi sâu vào « rừng » tiếng Việt để nghiên cứu tường tận giùm cho ta. Cũng vì không chịu tìm hiểu môn ngữ học, và không chịu tìm học các ngành của môn này (ngữ âm, ngữ pháp, từ nguyên v.v...) nên lớp « Nho Tây » cũ không nắm vững được tiếng Việt, do đó phạm những lỗi lầm và tạo ra những tệ trạng (nói trên) di hại một cách đáng kể trong khoảng 40 năm gần đây trên lãnh vực ngôn ngữ và văn học. Mặc dầu các thế hệ kế tiếp họ đã tìm mọi cách sửa chữa, đồng thời bồi dưỡng, phát huy tiếng nói và văn chương Việt — đáng ghi nhận nhất là những nỗi lực của Tự Lực Văn Đoàn và những cuộc vận động văn hóa xuất phát từ các phong trào đấu tranh giành độc lập cũng như các phong trào cách mạng xã hội từ 1939 đến nay (5) — nhưng tất cả những tệ đoan trên hiện vẫn còn tồn tại phần nào trông ngôn ngữ và văn chương, chưa biết đến ngày nào mới xóa bỏ hết được.

MAI-NGỌC-LIỆU



(5) Các học giả Việt-Nam chỉ bắt đầu nghiêm cứu tiếng Việt từ 1934 với Phạm-văn-Hùm, Nguyễn-triệu-Luật - đến 1941 mới thấy xuất hiện những tạc phẩm ngữ học có tính cách quy mô.

Sửa một vài sai lầm

trang	dòng	viết	xin đọc
88		tuyên dụng	tuyển dụng
121	21	công vớı Pháp	công thì trước hết có công với Pháp
125	7	huyền diu	huyền diệu
125	20	hủ tiêu	thủ tiêu
139	8	hay bây	hay dây
139	21	cớ bản	cơ bản
140	1	dùng cũng đầy	dùng đầy
141	20	nhưng mục	những mục

CHỮ VĂN, QUỐC NGỮ

IN TẠI NHÀ IN **NAM SƠN** 36, NGUYỄN AN NINH SAIGON

SỐ LƯỢNG ẤN BẢN 3000 CUỐN

GIẤY PHÉP SỐ 5522/74 BDVCH/PHBCNT/ALP/TP NGÀY 17-10-74

PHÁT HÀNH NGÀY 5-1-75